

TÀI LIỆU ÔN THI TUYỂN SINH LỚP 10 MÔN VĂN
NĂM HỌC 2012 – 2013
(Nhóm Ngữ Văn Trường THCS Trần Đại Nghĩa)

A. PHẦN VĂN BẢN

Yêu cầu chung:

* *Kiến thức cần đạt:*

- Nhớ được tên tác giả, tác phẩm của các văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn 9
- Sắp xếp các tác phẩm theo giai đoạn, thể loại, chủ đề.
- Nhận diện một biện pháp nghệ thuật (đối với thơ), hoặc nét đặc sắc của một chi tiết nghệ thuật (đối với văn xuôi).

* *Các văn bản cần học*

- *Chuyện người con gái Nam Xương*
- *Hoàng Lê nhất thống chí*
- *Chị em Thúy Kiều*
- *Cánh ngày xuân*
- *Kiều ở lầu Ngưng Bích*
- *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*
- Nói với con
- Đồng chí
- Tiểu đội xe không kính
- Mùa xuân nho nhỏ
- Bếp lửa
- Sang thu
- Ánh trăng
- Viếng lăng Bác
- Con cò
- Chiếc lược ngà
- Làng
- Những ngôi sao xa xôi
- Lặng lẽ Sapa
- Tiếng nói văn nghệ
- Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới.

CHUYÊN ĐỀ 1: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI (X-XIX)

Lập bảng thống kê:

TT	VĂN BẢN	TÁC GIẢ	Thể loại	NỘI DUNG CHỦ YẾU	ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT
1	<i>Chuyện người con gái Nam Xương (Trích Truyền kì mạn lục)</i>	Nguyễn Dữ sống vào thế kỷ XVI, người huyện Trường Tân nay là Thanh Miện,	Truyện kì	Niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.	Nghệ thuật dựng truyện, miêu tả nhân vật, kết hợp tự sự với trữ tình.

		Hải Dương			
2	Chị em Thúy Kiều	Nguyễn Du	Truyện thơ Nôm	Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh.	Bút pháp nghệ thuật ước lệ tượng trưng, miêu tả chân dung.
3	Cảnh ngày Xuân	Nguyễn Du	Truyện thơ Nôm	Bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng.	Miêu tả cảnh thiên nhiên giàu chất tạo hình.
4	Kiều ở lầu Ngưng Bích	Nguyễn Du	Truyện thơ Nôm	Cảnh ngộ cô đơn buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều	Bút pháp tả cảnh ngụ tình
5	Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga	Nguyễn Đình Chiểu	Truyện thơ Nôm	Khát vọng hành đạo giúp đời, phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật: LVT tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài; KNN hiền hậu, nét na, ân tình.	Ngôn ngữ kể. Miêu tả nhân vật thông qua hành động, cử chỉ, lời nói

Bài tập vận dụng

- Học thuộc lòng hai đoạn trích **Chị em Thúy Kiều**, **Cảnh ngày xuân**.
- Tóm tắt **Chuyện Người con gái Nam Xương**
- Giải thích nhan đề: **Truyền kì mạn lục**
- Nêu những yếu tố kì ảo trong **Chuyện người con gái Nam Xương**. Ý nghĩa?
- Em hiểu thế nào là bút pháp ước lệ tượng trưng trong **Truyện Kiều**, tìm dẫn chứng minh họa.
- Nêu một vài biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích **Chị em Thúy Kiều**.
- Chép lại 6 câu thơ cuối trong đoạn trích Cảnh ngày xuân và phân tích tác dụng của biện pháp sử dụng từ láy.
- Chép lại 4 câu thơ miêu tả khung cảnh ngày xuân trong đoạn trích **Cảnh ngày xuân**.

CHUYÊN ĐỀ 2: VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (SAU CM THÁNG 8 – NAY)

PHẦN 1: THƠ

TT	BÀI THƠ	TÁC GIẢ	SÁNG TÁC	THỂ LOẠI	Chủ đề	ĐẶC SẮC NỘI DUNG	ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT
1	Đồng chí (Trích Đầu súng trăng treo)	Chính Hữu- Trần Đình Đắc sinh năm 1926, quê ở Can Lộc, Hà Tĩnh	1948 – KCCP	Tự do	Người lính	Ca ngợi tình đồng chí - Cùng chung lý tưởng của những người lính cách mạng trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Tình đồng chí trở thành sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của anh bộ đội Cụ Hồ	- Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm. - Hình ảnh sáng tạo vừa hiện thực, vừa lãng mạn: Đầu súng trăng treo

2	Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Trích Vàng trắng quàng lửa)	Phạm Tiến Duật sinh năm 1942, quê ở Phú Thọ.	1969 - KCCM	Bảy chữ kết hợp 8 chữ	Người lính	Tư thế hiên ngang, tinh thần chiến đấu bình tĩnh, dũng cảm, niềm vui lạc quan của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ	Từ thơ độc đáo: Những chiếc xe không kính; Giọng điệu tự nhiên, khoẻ khoắn, vui tếu có chút ngang tàng; lời thơ gắn với văn xuôi, lời nói thường ngày.
3	Bếp lửa (Trích Hương cây - Bếp lửa)	Bằng Việt, tên thật Nguyễn Việt Bằng, quê ở huyện Thạch Thất, Hà Tây, trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ	1963 – Hòa bình ở MB	Tám chữ	Người phụ nữ Tinh cảm gia đình	Nhớ lại những kỷ niệm xúc động về bà và tình bà cháu. Lòng kính yêu và biết ơn của cháu đối với bà cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.	Kết hợp miêu tả, biểu cảm, kể chuyện và bình luận. Hình ảnh bếp lửa gắn với hình ảnh người bà, tạo ra những ý nghĩa sâu sắc. Giọng thơ bồi hồi, cảm động
4	Ánh trăng (Trích Ánh trăng)	Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948 quê ở Thanh Hoá.	1978 – Sau hòa bình	Năm chữ	Người lính	Bài thơ như một lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước bình dị, hiền hậu. Gọi nhắc, nhắc nhở ở người đọc thái độ sống “Uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thuỷ chung cùng quá khứ.	Kết cấu như một câu chuyện có sự kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình - Giọng điệu tâm tình, hình ảnh giàu tính biểu cảm.
5	Con cò (Trích Hoa ngày thường - Chim báo bão)	Chế Lan Viên (1920 – 1989) tên khai sinh là Phan Ngọc Hoan, quê ở Cam Lộ, Quảng Trị nhưng lớn lên ở Bình Định	1962 – Hòa bình ở MB	Tự do	Tình mẫu tử	Từ hình tượng con cò trong ca dao, trong những lời mẹ hát ru, ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa của lời ru đối với đời sống con người	Vận dụng sáng tạo hình ảnh và giọng điệu lời ru ca dao. Có những câu thơ đúc kết được những suy nghĩ sâu sắc.

6	Mùa xuân nho nhỏ	Thanh Hải (1930- 1980) – tên khai sinh là Phạm Bá Ngoãn quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế.	1980 – Sau hòa bình	Năm chữ	Niềm yêu đời, yêu cuộc sống, (Yêu nước)	Bài thơ là tiếng lòng thiết tha yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời. - Thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “một mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc	Nhạc điệu trong sáng, tha thiết, tứ thơ sáng tạo, tự nhiên, hình ảnh đẹp, nhiều sức gợi, so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ sử dụng thành công, đậm đà chất Huế.
7	Viếng lăng Bác	Viễn Phương, tên thật là Phan Thanh Viễn sinh năm 1928 quê ở Long Xuyên – An Giang.	1976 – Sau hòa bình	Tám chữ	Kính yêu lãnh tụ (Yêu nước)	Bài thơ đã thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác	Giọng điệu trang trọng và thiết tha; nhiều hình ảnh so sánh, ẩn dụ đẹp và gợi cảm, ngôn ngữ bình dị mà cô đúc.
8	Sang thu (Trích: Từ chiến hào đến thành phố)	Hữu Thỉnh, tên đầy đủ là Nguyễn Hữu Thỉnh, sinh 1942 quê Tam Dương, Vĩnh Phúc	1977 – Sau hòa bình	Năm chữ	Yêu thiên nhiên (Yêu nước)	Biến chuyển nhẹ nhàng mà rõ rệt của thiên nhiên lúc giao mùa từ hạ sang thu	Cảm nhận tinh tế nên thơ qua những hình ảnh giàu sức biểu cảm..
9	Nói với con	Y Phương tên thật là Nguyễn Văn Sước người dân tộc Tày- Sinh năm 1948 quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Sau hòa bình	Tự do	Tình cha con Tình cảm gia đình	Qua lời người cha nói với con, nhà thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương, dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của dân tộc miền núi - gợi nhớ tình cảm gắn bó với truyền thống quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống.	Bằng những từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi cảm, Cách nói giàu hình ảnh, của người miền núi.

PHẦN 2: TRUYỆN

S T T	Tên tác phẩm – tác giả	Năm sáng tác	Chủ đề	Tình huống truyện	Nội dung	Nghệ thuật	Nhân vật chính
1	Làng (Kim Lân tên là Nguyễn Văn Tài sinh năm 1920)	1948 - KCCP	Lòng yêu nước - Hình ảnh người nông dân	Ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo Tây làm Việt Gian => Tình huống gay gắt	- Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật Ông Hai trong thời kỳ đầu kháng chiến.	- Ngôi kể: thứ 3. - Diễn biến nội tâm sâu sắc. Xây dựng tình huống truyện, ngôn ngữ nhân vật	<u>Ông Hai:</u> + Yêu làng thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến
2	Lặng lẽ Sa Pa Nguyễn Thành Long (1925-1991), quê ở huyện Duy Xuyên - Quảng Nam	1970 - KKCM	Lòng yêu nước - Hình ảnh con người lao động mới	- Cuộc gặp gỡ tình cờ ngắn ngủi của ông họa sĩ, cô kỹ sư với anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn	- Truyện đã khắc họa thành công hình tượng người lao động mới với lí tưởng sống cao đẹp, đáng trân trọng. Tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên với công việc của mình. - Truyện nêu lên ý nghĩa và niềm vui của lao động chân chính	- Ngôi kể: thứ 3. - Truyện giàu chất thơ. - Tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, kết hợp giữa tự sự, trữ tình, bình luận	<u>Anh thanh niên:</u> + Yêu nghề - ý thức trách nhiệm-sống có lí tưởng + Giản dị-khiêm tốn - chu đáo
3	Chiếc lược ngà Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932 quê ở huyện Chợ	1966 - KCCM	Tình cảm gia đình - Tình cha con	- Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách, nhưng người con không nhận cha. Đến khi nhận ra cũng là lúc phải chia xa => - Người cha dồn hết tình yêu thương vào cây	Truyện đã diễn tả cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng và cao đẹp trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.	- Ngôi kể: thứ 1 - Sáng tạo tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí - Thành công trong miêu tả tâm lí nhân vật xây dựng tính cách	<u>Ông Sáu:</u> + Thương con- Yêu nước. <u>Thu:</u> + Thương cha thiết tha sâu đậm - tính cách cứng cỏi, mạnh

	Mới, tính An Giang			lược làm cho con, nhưng chưa kịp trao thì ông đã hi sinh => Tình huống eo le của chiến tranh		nhân vật bé Thu	mẽ nhưng cũng rất hồn nhiên ngây thơ
4	Những ngôi sao xa xôi Lê Minh Khuê sinh năm 1949, quê ở huyện Tĩnh Gia – Thanh hoá.	1971 - KCCM	Lòng yêu nước - Thế hệ thanh niên trẻ trong KCCM	Truyện kể về 3 cô gái trong một tổ trinh sát mặt đường ở một cao điểm trên tuyến đường TS những năm KCCM.	Tâm hồn trong sáng mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống đầy gian khổ hi sinh nhưng rất hồn nhiên lạc quan của những cô gái TNXP trên tuyến đường TS. Là hình ảnh đẹp về thế hệ trẻ VN trong KCCM.	- Ngôi kể 1 - Truyện sử dụng vai kể là nhân vật chính, có cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung và đặc biệt thành công về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật	<u>Nhân vật Phương Định</u> : Là cô gái trẻ hồn nhiên nhạy cảm, nữ tính nhưng cũng rất gan dạ dũng cảm sẵn sàng hi sinh vì nhiệm vụ .

Bài tập vận dụng

- Sắp xếp các văn bản Việt Nam hiện đại trong chương trình NV9 vào các chủ đề sau.
 - Tình cảm gia đình
 - Tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước lãnh tụ
 - Hình ảnh người lính
 - Hình ảnh con người lao động mới
 - Người phụ nữ
 - Tình mẫu tử
- Sắp xếp các văn bản Việt Nam hiện đại trong chương trình NV9 theo giai đoạn:
 - Kháng chiến chống Pháp : 1946 – 1954
 - Hòa bình ở Miền Bắc: 1955 -1964
 - Kháng chiến chống Mỹ: 1965 – 1975
 - Sau hòa bình: 1975 – nay
- Nêu ý nghĩa của các nhan đề: **Lặng lẽ Sa Pa, Chiếc lược ngà, Mùa xuân nho nhỏ, Những ngôi sao xa xôi.**
- Trong bài thơ **Con cò**, hình tượng con cò được khai thác từ đâu? Ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cò?
- Cách đặt nhan đề tác phẩm **Bài thơ...kính** có gì đặc biệt? Hãy làm rõ giá trị đọc đáo của cách đặt tựa đề ấy.
- Chép lại nguyên văn khổ thơ đầu khổ thơ cuối của **Bài thơ...kính**. Phân tích biện pháp tu từ được

sử dụng.

7. Chép lại và phân tích nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng trong khổ cuối của bài thơ **Ánh trăng**.

8. Biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ cuối của bài Sang thu? Phân tích.

9. Liệt kê những hình ảnh ẩn dụ được sử dụng trong bài thơ **Viếng Lăng Bác**. Phân tích ý nghĩa của các hình ảnh ấy.

10. Hai câu thơ: “Mặt trời của bắp.... trên lưng” trích từ văn bản nào? Phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng.

11. Chép lại nguyên văn khổ thơ đầu bài **Đoàn thuyền đánh cá** và phân tích các biện pháp nghệ thuật được sử dụng.

12. Tại sao tác giả lại viết : “Ồi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”. Phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh bếp lửa.

13. Chép lại khổ thơ cuối của bài thơ Nói với con và cho biết người cha muốn nói với con mình điều gì?

14. Nêu mạch cảm xúc của các bài thơ: **Bếp lửa, Đoàn thuyền đánh cá, Ánh trăng, Mùa xuân nho nhỏ, Viếng lăng Bác, Sang thu**.

15. Các chi tiết trong nội tâm của ông Hai : “Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ...Làng thì yêu thật nhưng làng theo tây mất rồi thì phải thù” cho ta hiểu gì về nhân vật?

16. Lời tâm sự của anh thanh niên : “ Và khi ta làm việc ta với công việc là đôi sao gọi là một mình được? Huống chí công việc của cháu gắn liền với bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi cháu buồn đến chết mất.” cho ta hiểu gì về nhân vật?

17. Tìm những chi tiết chứng tỏ tình yêu thương cha sâu nặng của bé Thu và yêu thương con của ông Sáu.

18. Nêu những điểm chung và riêng của các nhân vật trong truyện **Những Ngôi sao xa xôi**.

19. So sánh ngôi kể và người kể chuyện trong hai văn bản: **Những ngôi sao xa xôi và Chiếc lược ngà**. Phân tích tác dụng.

CHUYÊN ĐỀ 3: VĂN BẢN NGHỊ LUẬN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ (Nguyễn Đình Thi)

I. Giới thiệu văn bản

1. Tác giả

- Nhà văn Nguyễn Đình Thi (1924 - 2003), Là thành viên của Hội Văn Hóa cứu quốc từ năm 1943.
- Từ 1958 – 1989 , là Tổng Thư ký hội nhà văn Việt nam.
- Từ 1995, là Chủ tịch ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật.
- Năm 1996, được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật

2. Tác phẩm

- Viết năm 1948 in trong cuốn " Mấy vấn đề văn học " xuất bản năm 1956.
- **Phương thức biểu đạt** : Nghị luận.

II. Tìm hiểu văn bản

1. Nội dung tiếng nói của văn nghệ

- Cách lập luận phân tích, tổng hợp dẫn chứng cụ thể.
- Nội dung tiếng nói văn nghệ là hiện thực mang tính cụ thể, sinh động, là đời sống tình cảm của con người qua cái nhìn và tình cảm có tính cá nhân của nghệ sĩ. Nội dung tiếng nói văn nghệ khác với các bộ môn khoa học khác.

2. Sự cần thiết của tiếng nói văn nghệ với đời sống con người

- Dẫn chứng tiêu biểu , cụ thể, sinh động, lập luận chặt chẽ đầy sức thuyết phục.
- Văn nghệ giúp cho chúng ta được sống đầy đủ hơn , phong phú hơn với cuộc đời và với tâm hồn chính mình
- Trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, tiếng nói của văn nghệ giúp cho con người vui lên, biết rung cảm và ước mơ trong cuộc đời còn lắm vất vả cơ cực.

3. Sức mạnh kì diệu của văn nghệ

- Đoạn văn giàu nhiệt tình và lí lẽ.

Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm. Nó có sức mạnh kì diệu, sức cảm hóa to lớn đi vào nhận thức, tâm hồn chúng ta qua con đường tình cảm.

IV. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Bố cục chặt chẽ, hợp lí.- Cách viết giàu hình ảnh, có sức thuyết phục cao.
- Hệ thống luận điểm sắp xếp hợp lí.- Lời văn chân thành say sưa, nhiệt huyết.

2. Nội dung

Văn nghệ nối sợi dây đồng cảm kì diệu giữa nghệ sĩ với bạn đọc thông qua những rung cảm mãnh liệt, sâu xa của trái tim. Văn nghệ giúp cho con người được phong phú hơn và tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình.

CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỶ MỚI (Vũ Khoan)

I. Giới thiệu văn bản

1. Tác giả:

Vũ Khoan, nhà hoạt động chính trị, nhiều năm là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Thương mại, hiện là Phó Thủ tướng chính phủ nước ta

2. Tác phẩm:

- *Xuất xứ*: Ra đời đầu năm 2001, đăng trên tạp chí “Tia sáng” (2001), in trong tập “Một góc nhìn của tri thức”.NXB trẻ-TP HCM -2002.

- *Phương thức biểu đạt*: Nghị luận , bình luận về một tư tưởng trong đời sống xã hội.

- *Đại ý (Luận điểm chính)*.

“Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt nam để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới”

II. Tìm hiểu văn bản

1. Vai trò của con người trong hành trang vào thế kỷ mới

- Lý lẽ chính xác, chặt chẽ, khách quan, có sức thuyết phục.
- Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử
- Trong thời kì nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ thì vai trò của con người lại càng nổi trội.

2 Bối cảnh thế giới và những nhiệm vụ của đất nước

- Lý lẽ xác đáng, trình bày linh hoạt
- Bối cảnh thế giới hiện nay là một thế giới mà khoa học công nghệ phát triển như huyền thoại, sự giao thoa hội nhập ngày càng sâu rộng giữa các nền kinh tế.
- Chúng ta đang đứng trước những nhiệm vụ rất nặng nề:

+ Thoát khỏi đói nghèo.

+ Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Tiếp cận nền kinh tế tri thức.

3. Những điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam.

- Cách lập luận song song, sử dụng thành ngữ, tục ngữ.
- Thông minh nhạy bén với cái mới nhưng thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành.
- Cần cù sáng tạo như thiếu đức tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ khẩn trương.
- Có tinh thần đoàn kết đùm bọc trong chiến đấu nhưng lại thường đố kỵ nhau trong làm ăn và trong cuộc sống thường ngày.
- Bản tính thích ứng nhanh nhưng lại có nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kì thị kinh doanh, quen với bao cấp, thói sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức, thói khôn vặt, ít giữ chữ tín

IV. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

- Lập luận chặt chẽ.- Ngôn ngữ giản dị, có tính thuyết phục cao.

2. Nội dung:

Nhiệm vụ của thế hệ trẻ Việt Nam trong giai đoạn hội nhập mới của dân tộc để chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới

BÀI TẬP VẬN DỤNG :

1. Trên cơ sở đã học văn bản ***Chuẩn bị....mới***, em hãy viết một đoạn văn từ 10-12 câu trình bày suy nghĩ về hành trang của thanh niên trong thời đại hiện nay.
2. Phân tích những điểm mạnh - yếu của con người Việt Nam qua văn bản ***Chuẩn bị.....***

B. TIẾNG VIỆT

Yêu cầu chung

*** Kiến thức cần đạt:**

- Hệ thống hóa kiến thức về: Các phương châm hội thoại, Từ vựng, Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, Các thành phần biệt lập, Liên kết câu và liên kết đoạn văn, Nghĩa tường minh và hàm ý.

*** Kỹ năng cần đạt**

- Chỉ ra và sửa lỗi trong hoạt động giao tiếp; xác định các loại từ, các thành phần câu, các phương tiện liên kết đoạn văn, các lớp nghĩa.

*** Gồm các bài sau:**

- Các phương châm hội thoại
- Từ vựng (từ đơn, từ phức, từ đồng âm, đồng nghĩa, nhiều nghĩa, trái nghĩa, từ tượng thanh, tượng hình, các biện pháp tu từ)
- Lời dẫn trực tiếp và gián tiếp
- Các thành phần biệt lập
- Liên kết câu và liên kết đoạn văn
- Nghĩa tường minh, nghĩa hàm ý

I. TỪ VỰNG :

Đơn vị bài học	Khái niệm	Cách sử dụng	Ví dụ
Từ đơn	Là từ chỉ gồm một tiếng	Thường dùng để tạo từ ghép từ láy, làm cho vốn từ thêm phong phú	Sách, nhà ,học, chạy, đẹp, sáng, tối...
Từ phức	Là từ gồm hai hay nhiều tiếng	Dùng định danh sự vật hiện tượng...rất phong	Nhà sách, học tập, chạy nhảy, tốt đẹp...

		phú trong đời sống	
Nghĩa của từ	Là nội dung (sự vật tính chất hoạt động quan hệ...) mà từ biểu thị	Dùng từ đúng chỗ đúng lúc, hợp lí	
Từ nhiều nghĩa	Là từ mang những sắc thái ý nghĩa khác nhau do hiện tượng chuyển nghĩa (có một nghĩa gốc và các nghĩa chuyển)	Được dùng nhiều trong văn chương, thơ ca	Trông : nhìn, ngắm, ngó, thấy...
Hiện tượng chuyển nghĩa của từ	Là hiện tượng đối nghĩa của từ tạo ra những từ nhiều nghĩa (nghĩa gốc → nghĩa chuyển)	Hiểu hiện tượng chuyển nghĩa trong những văn cảnh nhất định	Xuân : - mùa xuân (nghĩa gốc). – tuổi (nghĩa chuyển)
Từ đồng âm	Là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau	Khi dùng từ đồng âm phải chú ý đến ngữ cảnh để tránh gây hiểu nhầm. Thường dùng trong thơ văn trào phúng	Đường ra trận mùa này đẹp lắm. Ngọt như đường
Từ đồng nghĩa	Là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau	Dùng từ đồng nghĩa và các loại từ đồng nghĩa để thay thế phải phù hợp với ngữ cảnh và sắc thái biểu cảm	Hi sinh : chết, bỏ mạng, tiêu đời, ra đi, qua đời. Trách : la, rầy, mắng, phỉn lòng...
Từ trái nghĩa	Là những từ có nghĩa trái ngược nhau	Dùng trong thể đối, tạo hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh làm cho lời nói sinh động	Xa- gần; Xấu- đẹp; Nhanh- chậm; Già- trẻ; Hòa bình- chiến tranh...
Từ tượng hình	Là từ gọi tả hình ảnh dáng vẻ trạng thái... của sự vật	Dùng trong văn miêu tả và tự sự	La đà, khệ nệ, lom khom, lác đác...
Từ tượng thanh	Là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người	Dùng trong văn miêu tả và tự sự	Vì vu, róc rách, âm âm, lanh lảnh...
So sánh	Là đối chiếu sự vật sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt	Dùng nhiều trong ca dao, trong thơ, văn miêu tả và nghị luận	Trẻ em như búp trên cành. Cao như núi, Dài như sông...
Ẩn dụ	Là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt	Làm tăng hiệu quả biểu đạt trong thơ, văn miêu tả, thuyết minh, nghị luận	Con sâu làm rầu nồi canh. Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi, Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.
Nhân hóa	Là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người làm cho thể	Dùng nhiều trong thơ ca, văn miêu tả, thuyết minh...	Ơi con chim chiền chiện. Hót chi mà vang trời

	giới loài vật trở nên gần gũi		
Nói quá	Là biện pháp tu từ phóng đại mức độ quy mô, tính chất của sự vật hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm	Dùng trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể	Con rận bằng con ba ba. Nửa đêm nó ngáy cả nhà thất kinh.
Nói giảm nói tránh	Là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị uyển chuyển tránh gây cảm giác đau buồn ghê sợ thô tục, thiếu lịch sự	Dùng trong những hoàn cảnh giao tiếp phù hợp	Bác Dương thôi đã thôi rồi . Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
Liệt kê	Là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế, tư tưởng tình cảm	Biết vận dụng các kiểu liệt kê theo cặp, không theo cặp, tăng tiến...trong văn tự sự, miêu tả, thuyết minh, nghị luận	Họ dò xem nhà nào có chậu hoa, cây cảnh, chim tốt khướu hay... thì biên ngay hai chữ phụng thủ vào.
Điệp ngữ	Là biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả câu) để làm nổi bật ý diễn đạt gây cảm xúc	Sử dụng các dạng điệp ngữ trong văn tự sự miêu tả, thuyết minh, nghị luận, trong thơ ca	Anh đi anh nhớ quê nhà. Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.
Chơi chữ	Là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm hài hước làm cho câu văn hấp dẫn thú vị	Sử dụng lối chơi chữ đồng âm, điệp âm,..trong thơ trào phúng, câu đối câu đố	Còn trời còn nước còn non. Còn cô bán rượu anh còn say sưa..

II. NGỮ PHÁP:

Đơn vị bài học	Khái niệm	Đặc điểm- cấu tạo- công dụng...	Ví dụ
Khởi ngữ	Khởi ngữ là thành phần đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.	Trước khởi ngữ thường có thể thêm các quan hệ từ: về, đối với, còn...	Tôi cứ nhà tôi tôi ở, việc tôi tôi làm, cơm gạo của tôi tôi ăn.
Thành phần biệt lập: Tình thái	- Thành phần tình thái được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu	Là bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập.	Có lẽ mẹ con tôi cũng chẳng muốn đi.
Thành phần biệt lập: Cảm thán	- Thành phần cảm thán được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, hờn, giận, mừng, giận, yêu, ghét...)	Là bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập	Chao , đường còn xa lắm!
Thành phần biệt lập: Gọi	- Thành phần gọi – đáp được dùng để tạo lập hoặc duy trì	- Là bộ phận không tham gia vào việc	Em ơi , Ba lan mùa tuyết tan.

đáp	quan hệ giao tiếp	diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập	- Vâng , đây là nhà em mời bác vào nghỉ chân.
Thành phần biệt lập: Phụ chú	Thành phần phụ chú được dùng để bổ sung một chi tiết cho nội dung chính của câu.	Là bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập-Thành phần phụ chú thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn hoặc giữa một dấu gạch ngang với một dấu phẩy, nhiều khi thành phần phụ chú còn được đặt sau dấu hai chấm.	Lác đác hãy còn những thửa ruộng lúa con gái xanh đen, lá to bản, mũi nhọn như lưỡi lê - con gái núi rừng có khác.
Liên kết câu và liên kết đoạn văn	- Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu trong một đoạn văn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức.	1. <u>Về nội dung</u> : - Các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu phải phục vụ chủ đề của đoạn văn (liên kết chủ đề) - Các đoạn văn và các câu phải sắp xếp theo một trình tự hợp lí (liên kết lôgic) 2. <u>Về hình thức</u> : các câu và các đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính như sau: - Lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu trước (phép lặp từ ngữ). - Sử dụng ở câu sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước (phép đồng nghĩa, trái	Từ đó, oán nặng thù sâu, hàng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh . Nhưng năm nào cũng vậy, Thần nước đánh một mối, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về. - Phép thế : Thủy tinh- Thần nước Sơn Tinh – Thần Núi

		<p>nghĩa và liên tưởng)</p> <p>- Sử dụng ở câu sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước</p> <p>(phép thế)</p> <p>- Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước (phép nối)</p>	
Nghĩa tường minh – hàm ý	<p><u>1. Nghĩa tường minh:</u></p> <p>- Là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.</p> <p><u>2. Hàm ý:</u></p> <p>- Là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.</p>		<p>Ví dụ:</p> <p>A: - Tối mai bạn đi xem phim với tôi được không?</p> <p>B. - Buổi tối mình còn phải trông nhà. (không đi được)</p>
Phương châm về lượng	Khi giao tiếp cần nói cho có nội dung, nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu không thừa		
Phương châm về chất	Khi giao tiếp đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực		
Phương châm quan hệ	Khi giao tiếp cần nói đúng vào đề tài, tránh nói lạc đề		
Phương châm cách thức	Khi giao tiếp cần chú ý nói ngắn gọn rành mạch tránh cách nói mơ hồ		
Phương châm lịch sự	Khi giao tiếp cần tế nhị, tôn trọng người khác		
Cách dẫn trực tiếp	Là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật.	Lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép	
Lời dẫn gián tiếp	Là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật có điều chỉnh cho phù hợp	<p>Lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép</p> <p>*chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp:</p> <p>- Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. Thêm từ rằng hoặc là trước lời</p>	

		dẫn - Thay đổi đại từ nhân xưng sang ngôi thứ 3 - Lược bỏ các từ chỉ tình thái, chuyển các từ chỉ thời điểm hiện tại thành quá khứ.	
--	--	---	--

II. BÀI TẬP:

Bài tập 1: Tìm thành phần trạng ngữ trong các câu sau. Cho biết ý nghĩa của trạng ngữ.

- Ngày mai, chúng tôi đi du lịch.
- Ở ngoài sân, hoa mai nở vàng rực rỡ.
- Bằng xe đạp, tôi đi học.
- Để đạt thành tích cao trong học tập, tôi phải cố gắng hơn nữa.

Bài tập 2: Tìm thành phần khởi ngữ trong các câu sau:

- Nam Bắc hai miền ta có nhau.
- Quân địch chết 2 sĩ quan.
- Tôi cứ nhà tôi tôi ở, việc tôi tôi làm, cơm gạo của tôi tôi ăn.
- Ăn thì không nỡ ăn.
- Quan, người ta sợ cái uy quyền của quan. Nghị Lại, người ta sợ cái uy quyền của đồng tiền.

Bài tập 3: Chuyển đổi các câu sau đây thành câu có thành phần khởi ngữ:

- Mỗi cân gạo này giá ba ngàn đồng.
- Tôi luôn có sẵn tiền trong nhà.
- Chúng tôi mong được sống có ích cho xã hội.
- Nó làm bài rất cẩn thận.

Bài tập 4:

a. Đặt câu có thành phần trạng ngữ

- Ngoài vườn, có rất nhiều loại cây ăn quả .
- Trên bờ biển, có nhiều người đang đi dạo.

b. Đặt câu có thành phần khởi ngữ

- Sức, hai người ngang nhau.
- Viết, anh ấy cẩn thận lắm.

Bài tập 5: Đặt một đoạn văn ngắn từ 5-7 câu(chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng một thành phần trạng ngữ và một thành phần khởi ngữ.

Ví dụ: Năm nay, tôi đang là học sinh lớp 9. Đây là năm học cuối cấp nên tôi cần phải cố gắng hơn rất nhiều. Về vấn đề học ở nhà tôi sắp xếp thời gian biểu một cách khoa học. Học bài và làm bài đầy đủ trước khi đến lớp. Khi ở trên lớp, tôi luôn cố gắng nghe giảng, chỗ nào chưa hiểu tôi hỏi thầy cô bộ môn hoặc bạn bè. Tôi đang nỗ lực hết mình để đạt thành tích cao trong năm học này.

Bài tập 6: Tìm các thành phần biệt lập trong các câu sau:

- Phiền một nỗi, anh ấy lại thương con quá.
- Biết đâu anh ta lại nghĩ thoáng hơn.
- Làm như thể người ta chạy mất không bằng.

- Không biết chừng tôi lại trách nhầm nó.
- Nói của đáng tội mẹ con tôi cũng chẳng muốn đi.
- Chao, đường còn xa lắm!
- Trời ơi, đám mạ bị giẫm nát hết rồi.
- Bầu ơi thương lấy bí cùng .
- Em ơi, Ba lan mùa tuyết tan.
- Vâng, đây là nhà em mời bác vào nghỉ chân.
- Lác đác hãy còn những thửa ruộng lúa con gái xanh đen, lá to bản, mũi nhọn như lưỡi lê- con gái núi rừng có khác

Bài tập 7: Đặt câu có sử dụng các thành phần tình thái, cảm thán, gọi đáp, phụ chú (Mỗi loại hai câu)

Ví dụ :- Lan ơi, cậu chờ mình với!

- Theo ý kiến tôi thì việc này phải làm ngay.

Bài tập 8: Đặt đoạn văn ngắn chủ đề tự chọn (Từ 5 đến 7 câu) trong đó có sử dụng các thành phần biệt lập đã học.

Ví dụ: “Trong dòng văn học hiện thực Việt Nam trước cách mạng tháng Tám có rất nhiều tác phẩm viết về đời sống khốn cùng cơ cực của người nông dân. Nhưng có lẽ hay và cảm động nhất, theo tôi là truyện ngắn Lão Hạc của nhà văn Nam Cao...”

Bài tập 9: Tìm các phép liên kết câu trong các đoạn văn sau:

b. Từ đó, oán nặng thù sâu, hàng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh.

Nhưng năm nào cũng vậy, Thần nước đánh mệt mỏi, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.

c. Bà lão đăm đăm đăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt.

(Kim Lân)

d. Anh nên tha thứ cho nó. Vả lại nó cũng còn trẻ người non dạ, tha cho nó một lần cũng được.

Bài tập 10: Đặt đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu (chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng các phép liên kết đã học.

Ví dụ: Ngoài sân, tôi đang trông đứa em gái nhỏ. Nó rất rất hiếu động. Nó vừa la hét ầm ĩ, vừa giơ hai tay vẫy rồi rít. Một lát sau, chừng như mệt quá con bé ngồi xuống. Rồi lại đứng lên, vỗ tay cười khanh khách.

Bài tập 11: Xác định biện pháp tu từ trong các câu sau. Cho biết các từ in đậm có phải là hiện tượng chuyển nghĩa để tạo từ nhiều nghĩa hay không?

a. Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi.

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.

(Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ - Nguyễn Khoa Điềm)

b. Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng.

Thấy một **mặt trời** trong lăng rất đỏ.

(Viếng lăng Bác – Viễn Phương)

c. Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước .

Chỉ cần trong xe có một **trái tim**.

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật)

d. Sấm cũng bớt bất ngờ.

Trên hàng cây đứng tuổi.

(Sang thu – Hữu Thỉnh)

e. Con dù lớn vẫn là con của mẹ.

Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con;

(Con cò – Chế Lan Viên)

Bài tập 12: Vận dụng các PCHT, phân tích các tình huống hội thoại sau:

- a. Hương: - Huệ ơi, đi học nào.
Huệ: - Năm phút nữa mẹ tớ mới về.
- b. Mẹ hỏi con:
 - Hôm nay, con ăn cơm thế nào?
 - Chả ngon lắm mẹ ạ.
- c. - Cháu có biết nhà cô giáo Hoa ở đâu không?
- Cháu nghe nói ở xóm 5, bác đến đó rồi hỏi tiếp ạ.
- d. Tiền bạc chỉ là tiền bạc.
- e. Cô giáo đang giảng bài và cả lớp đang chú ý lắng nghe. Một bạn học sinh đứng trước cửa lớp khoanh tay cúi chào cô và xin phép cho gặp một bạn trong lớp để nói chuyện. Bạn đó có vi phạm PCHT không? Vì sao?
- f. Khi bố mẹ đi vắng, có người lạ mặt đến hỏi về tình hình gia đình như: ngày, giờ đi làm của bố mẹ.... Em cần phải tuân thủ PCHT nào khi trả lời? PCHT nào không nên tuân thủ? Vì sao?
- g. Một khách mua hàng hỏi người bán:
 - Hàng này có tốt không anh?
 - Một mới đây! Mua đi! Dùng rồi sẽ biết anh ạ.

Bài tập 13. Xác định các kiểu câu trong đoạn trích sau:

Có một đám mây kéo ngoài cửa hang. Một đám nữa. Rồi một đám nữa bay qua ngày càng nhanh. Bầu trời mở rộng trước cửa hang đen đi. Con dông đến. Cát bay mù. Gió quật lên, quật xuống những cành cây khô cháy. Lá bay loạn xạ. Đột ngột như biến đổi bất thường trong tim con người vậy. Ở rừng mùa này thường mưa như thế. Mưa. Nhưng mưa đá. Lúc đầu tôi không biết. Nhưng rồi có tiếng lạnh canh gõ trên nóc hang. Có cái gì vô cùng sắc xé không khí ra từng mảnh vụn. Gió. Và tôi thấy đau, ướt ở má.

(Lê Minh Khuê)

Bài tập 14: Xác định các thành phần câu trong các câu dưới đây:

- Cô Hoa, cho tôi gặp một tí!
- Tôi thì tôi xin chịu.
- Có lẽ, hôm nay nắng to đấy.
- Chuẩn bị lên đường, anh em ơi!
- Vì tổ quốc, ta sẵn sàng hy sinh.
- Còn chó sói, bạo chúa của cừu trong thơ ngụ ngôn LaPhong Ten, cũng đáng thương không kém.
- Té ra, anh làm báo mà không chịu đọc báo.
- Cứ dạy, còn một thằng cũng dạy.
- Dưới bóng cây đa, bọn trẻ quây quần đùa nghịch.
- Thuốc, ông giáo ấy không hút; rượu, ông giáo ấy không uống.
- Than ôi, thời oanh liệt nay còn đâu!
- Nè, lấy cho bố ấm nước.
- Vâng, có ngay ạ.
- Kể ra thì người ta giàu cũng sướng thật.
- Những tưởng bây giờ chú đã là kĩ sư rồi.
- Trời ơi, tôi đâu có hay cơ sự lại thế này.

Bài tập 15: Xác định các biện pháp tu từ trong các trường hợp sau:

- a. Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

- Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.
- b. Ôi đâu phải qua đêm dài lạnh cóng
Mặt trời lên là hết bóng mù sương!
Ôi đâu phải qua đoạn đường lửa bỏng
Cuộc đời ta bỗng chốc hóa thiên đường!
- c. Con rận bằng con ba ba
Nửa đêm nó ngáy cả nhà thất kinh.
- d. Quân đi sạt núi nghiêng đồi
Giờ nằm im ngủ trong hơi của rừng
- e. Mây đi vắng, trời xanh buồn rộng rãi.

Bài tập 16: Xác định các phép liên kết có trong các đoạn văn sau:

- a. Đơn vị chăm chúng tôi ra trò. Có gì lại bảo : “ Để cho bọn trinh sát, chúng nó ở trên đó vắng”. Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Đơn vị thường ra đường lúc mặt trời lặn. Và làm việc có khi suốt đêm. Còn chúng tôi thì chạy trên cao điểm cả ban ngày. Mà ban ngày chạy trên cao điểm không phải chuyen chơi.

(Lê Minh Khuê)

- b. Mỗi tháng y vẫn cho nó năm hào. Khi sai nó trả tiền giặt hay mua thiếu gì, còn năm ba xu, một vài hào, y thường cho nó luôn. Nhưng cho rồi y vẫn tiếc ngậm ngậm. Bởi vì những số tiền cho lật vật ấy góp lại trong một tháng, có thể thành hàng đồng (Nam Cao)
- c. Nhĩ chợt nhớ ngày bố mẹ anh mới cưới Liên từ một làng bên kia sông về làm vợ anh, Liên vẫn đang còn mặc áo nâu và chít khăn mỏ quạ. So với ngày ấy bây giờ Liên đã trở thành một người đàn bà thị thành. Tuy vậy, cũng như cánh bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tân táo và chịu đựng hy sinh từ bao đời xưa... (Nguyễn Minh Châu)

Bài tập 17: Tìm các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các bài thơ: Mùa xuân nho nhỏ, Viếng lăng Bác, Sang thu, Đồng Chí....

Bài tập 19: Xác định phép liên kết ở một số đoạn văn trong văn bản: Tiếng nói của văn nghệ, Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, Những ngôi sao xa xôi...

Bài tập 20: Các thành ngữ sau liên quan đến phương châm hội thoại nào:

Nói ba hoa thiên tướng, có một thốt ra mười, nói mò nói mẫm, nói thêm nói thắt, nói một tác lên trời:

Bài tập 21: Trong giao tiếp phép tu từ nào thường được sử dụng để bảo đảm phương châm lịch sự. Cho ví dụ và phân tích!

Bài tập 22: Các cách nói sau đây vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao? Hãy chữa lại cho đúng.

- Đêm hôm qua cầu gãy.
- Họp xong bạn nhớ ra cửa trước.
- Lốp tót, hai người mua 5 quyển sách.
- Người ta định đoạt lương của tôi anh ạ.

Bài tập 23: Trong giao tiếp các từ ngữ nào thường được sử dụng để thể hiện phương châm lịch sự:

Bài tập 24: Hãy kể một số tình huống trong đời sống vi phạm phương châm hội thoại mà được chấp nhận.

Bài tập 25. Phân tích lỗi về các phương châm hội thoại trong các giải thích sau đây của ông bố cho đứa con học lớp 3:

- Mặt trời là thiên thể nóng sáng ở xa trái đất.
- Sao hoả là hành tinh trong hệ Mặt trời.

Bài tập 26.: Vận dụng phương châm hội thoại để phân tích nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Du trong hai câu thơ sau:

“ Hỡi tên rằng: Mã Giám Sinh
Hỡi quê, rằng : Huyện Lâm Thanh , cũng gần.”

Bài tập 27: Xác định ngôi của đại từ “em” trong các trường hợp sau:

- Anh **em** có nhà không?
- Anh **em** đã đi chơi với bạn rồi.
- **Em** đã đi học chưa con?

Bài tập 28: Xác định nghĩa gốc - chuyển của từ “đầu”

- Trong nền kinh tế tri thức, hơn nhau là ở cái **đầu**.
- Dưới trăng quỳên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông.
- Trùng trục như con chó thui
Chín mắt, chín mũi, chín đuôi, chín **đầu**.

Bài tập 29: Xác định các từ có nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của từ trong các trường hợp sau:

- Muối bay rừng già cho dài tay áo.
- Bạc tình nổi tiếng lâu xanh
Một tay chôn biết mấy cành phù dung.
- Một mặt người bằng mười mặt của
- Gia đình Tú Xương có 7 miệng ăn.
- Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.

Bài tập 30: Phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa, cho ví dụ minh họa.

Bài tập 31: Tìm các từ trái nghĩa trong sáu câu thơ đầu của đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích và chỉ rõ tác dụng.

Bài tập 32: Trình bày sự phát triển từ vựng của tiếng Việt, cho ví dụ.

Bài tập 33: Nghĩa của các từ **chuột** (con chuột máy vi tính); **răng** (răng lược, răng cưa) phát triển theo phương thức nào?

Bài tập 34: Xác định các phép tu từ trong các ví dụ sau:

- Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thân nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.
- Ta về thăm lại ngày xưa
Mười năm mà ngỡ như vừa hôm qua
Vẫn trường - vẫn lớp - vẫn ta
Vẫn cây phượng vĩ nở hoa đầy trời.
- Tàu giạt mình đột ngột
Rồi vội rời sân ga
- Giáp phải giả Pháp
Hiển tài, hái tiền
- Từ xưa đến nay mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ to lớn, nó lướt qua mọi sự khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.
- Chông chênh như nón không quai
Như thuyền không lái như ai không chông.

- Đau lòng kẻ ở người đi
Lệ chia thấm đá, tơ chia rũ tằm

Bài tập 35: Khi chuyển từ lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp ta phải tuân thủ thao tác nào?

Bài tập 36: Xác định các thành phần biệt lập có trong các ví dụ sau:

- a. Huế ơi, quê mẹ của ta ơi!
- b. Vàng, đúng nhà em bác nghỉ chân.
- c. Thương người cộng sản, căm Tây - Nhật
Buồng mẹ - buồng tim, giấu chúng con.
- d. Lão không hiểu tôi – tôi nghĩ vậy – và tôi càng buồn lắm.
- e. Ôi, những quyển sách rất nâng niu.
- f. Ô, tiếng hót vui say con chim chiến chiến.
- g. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đồn đến thế được.
- h. Ngủ ngoan a-kay ơi!

Bài tập 37: Đặt câu có thành phần tình thái thể hiện các sắc thái sau:

- Kính trọng
- Thân thương
- Chủ quan
- Nghi ng:
- Ngạc nhiên

Bài tập 38: Xác định các phép liên kết trong các trường hợp sau:

- a. Gà đã lên chuồng từ lúc nãy. Hai bác ngan cũng đã ì ạch về chuồng rồi. Chỉ duy nhất có hai chú ngỗng vẫn tha thẩn đứng giữa sân.
- b. Nhà thơ sẽ thấy con chó sói độc ác mà cũng khổ sở, tuy trộm cướp đầy nhưng thường mắc mưu nhiều hơn. Nhà thơ hiểu rằng những tật xấu của chó sói là do nó vụng về, vì chẳng có tài trí gì, nên nó luôn đói meo, và vì đói nên nó hoá rồ. Ông để cho Buy – phong dựng một vở bi kịch về sự độc ác, còn ông dựng một vở hài kịch về sự ngu ngốc.
- c. Keng may một bộ cánh. Việc này không thể để cho bố biết được.
- d. Xe chạy giữa cánh đồng hiu quạnh. Và lác. Và xóc...
- e. Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm.
- f. Nhĩ nhìn mãi mà không thấy cái mũ cói rộng vành và chiếc sơ mi màu trứng sáo đâu cả. Thì ra thằng con anh mới chỉ đi được đến hàng cây bằng lăng bên kia đường.
- g. Nhĩ chợt nhớ ngày bố mẹ anh mới cưới Liên từ một làng bên kia sông về làm vợ anh Liên vẫn còn mặc áo nâu và chít khăn mỏ quạ. So với ngày ấy bây giờ Liên đã đổi khác trở thành người đàn bà thị thành. Tuy vậy, cũng như bãi bồi phơi mình bên kia sông, tâm hồn Liên vẫn giữ được những nét tằn tảo và hi sinh...
- h. Đó là nhưng lẽ phải không ai chối cãi được. Thế mà hơn tám mươi năm nay bọn thực dân Pháp đã áp bức đồng bào ta.

Bài tập 39. Trong các câu dưới đây câu nào có hàm ý? Nội dung hàm ý? Người nghe có giải đoán được hàm ý không? Chi tiết nào thể hiện?

- a. – Tôi mà biết anh như thế này thà tôi lấy quỳ sa tăng còn sướng hơn!
- Lạ nhỉ. Dưới âm ti địa ngục người ta cho phép họ hàng lấy nhau hả?
- b. Thoắt trông nàng đã chào thưa:
“Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây?
Đàn bà dễ có mấy tay

Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan
Dễ dàng là thói hồng nhan
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều”
Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu
Khẩu đầu dưới trướng liễu điều kêu ca.” (Truyện Kiều - Nguyễn Du)

c. Có hai anh chàng đi chơi gặp 1 cô gái. Anh chàng thứ nhất nói:

- Chào em, trông em như Hằng Nga.

Anh chàng thứ 2 nói:

- Anh cứ tưởng em là người ở Cung Quảng.

Cô gái đáp:

- Thế 2 anh là bạn của chú Cuội à?

d. Tiện đây mạn mới hỏi đào

Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?

Mạn đã hỏi thì đào xin thưa

Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào. (Ca dao)

e. “Vua dầu hoả Sa mút nói với Bin- ghết

- Giá dầu leo thang như thế này chắc tôi sẽ mua được cả thế giới.

Bin - ghết mỉm cười và gật đầu:

- Anh thì có thể nhưng tôi chưa có ý định bán nó.”

f. “Napoleon đang tiếp một vị khách nước ngoài trong phòng làm việc của mình. Vị khách nhìn Napoleono và nói một cách ngạo mạn:

- Tôi cao hơn ông.

Napoleon liền ngả lưng trên thành ghế, gác hai chân lên bàn và chậm rãi nói:

- Không! Ông chỉ dài hơn tôi mà thôi!”

Bài tập 40: Chuyển lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp:

a. Nhân vật ông Giáo trong truyện ngắn Lão Hạc thầm hứa với người con trai của lão Hạc rằng: “Đây là cái vườn của ông cụ thân sinh ra anh đã cố để ại cho anh trọn vẹn, cụ thà chết chứ không chịu bán một sào.”

b. Chiều hôm qua Hoàng tâm sự với tôi: “Hôm nay mình phải cố chạy đủ tiền để gửi cho con.”

c. Trong báo cáo chính trị tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.”

Bài tập 41: . Chuyển đoạn sau đây thành đoạn văn không có lời dẫn trực tiếp

“ Sinh đồ dành:

- Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.

Đứa con ngây thơ nói:

- Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thìn thít.

Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nhỏ nói:

- Trước đây thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến. mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.” (Nguyễn Dữ)

Bài tập 42. Đọc các đoạn văn và thực hiện những yêu cầu sau:

- a. Xác định khởi ngữ
- b. Xác định thành phần biệt lập
- c. Xác định các phép liên kết câu
- d. Xác định từ đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa, tượng thanh, tượng hình, từ đơn, từ phức.

Đoạn 1: “Dứt lời ông lão lại đi.....nghe nhờ mấy” (*Làng – Kim Lân*)

Đoạn 2: “Bên gian bác Thứ đã ngủ từ lâu..... nghe ra bên ngoài” (*Làng – Kim Lân*)

Đoạn 3: “Mụ chạy sát lại bực cửa.....em lại cứ nhớ đáo đê đây nhớ” (*Làng- Kim Lân*)

Đoạn 4: “Anh thanh niên đang nói, dừng lại..... Chè đã ngấm rồi đấy”. (*Lặng lẽ SaPa - Nguyễn Thành Long*)

Đoạn 5: “Đọc ít mà đọc kĩ....tâm thường, thấp kém” (*Bàn về đọc sách- Chu Quang Tiềm*)

Đoạn 6: “Cái mạnh của con người Việt nam không chỉ chúng ta nhận biết..... biến đổi không ngừng” . (*Chuẩn bị hành trang...- Vũ Khoan*)

Đoạn 7: “Anh con trai miến cưỡng mặc quần áo....rồi cất tiếng gọi yếu ớt: “Huệ ơi!” (*Bến quê- Nguyễn Minh Châu*)

C. TẬP LÀM VĂN

Yêu cầu chung

* *Kiến thức cần đạt:*

- Trình bày suy nghĩ về một sự việc, hiện tượng xã hội gần gũi với học sinh.
- Làm rõ kiến thức trọng tâm của văn bản văn học.

* *Kĩ năng cần đạt*

- Học sinh xác định được yêu cầu của bài nghị luận xã hội, biết phối hợp các kỹ năng đã học vào viết một bài văn ngắn về một hiện tượng đời sống, hoặc một tư tưởng đạo lý
- Học sinh hiểu biết về tác giả, tác phẩm, học sinh, biết vận dụng thành thạo những kỹ năng vào viết một bài văn nghị luận văn học

a. *Nghị luận xã hội*

- Về một tư tưởng đạo lý
- Về một hiện tượng đời sống.

b. *Nghị luận văn học*

- Văn học Việt Nam trung đại

- + Chuyện người con gái Nam Xương
- + Hoàng Lê nhất thống chí
- + Chị em Thúy Kiều
- + Cảnh ngày xuân
- + Kiều ở lầu Ngưng Bích
- + Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

- Văn học Việt Nam hiện đại

- + Đồng chí
- + Bài thơ về tiểu đội xe không kính
- + Đoàn thuyền đánh cá
- + Bếp lửa
- + Khúc hát ru
- + Ánh trăng
- + Con cò
- + Mùa xuân nho nhỏ
- + Viếng lăng Bác

- + Sang thu
- + Nói với con
- + Làng
- + Chiếc lược ngà
- + Lặng lẽ Sapa
- + Những ngôi sao xa xôi

DÀN Ý CHI TIẾT

Chuyện người con gái Nam Xương (Trích “TRUYỀN KỶ MẠN LỤC” – NGUYỄN DŨ)

1. Tác giả:

- Nguyễn Dữ sống vào thế kỷ XVI, khi chế độ Phong kiến có dấu hiệu suy tàn.
- Ông học rộng, tài cao nhưng chỉ ra làm quan một năm rồi xin về quê viết sách, nuôi mẹ.

2. Tác phẩm “Truyền kỳ mạn lục”

- Ra đời khoảng thế kỷ thứ XVI
- Ghi chép tản mạn những chuyện kỳ lạ được lưu truyền trong dân gian.
- Gồm 20 truyện.
- Được sáng tác theo lối truyện truyền kỳ của Trung Quốc nhưng mang tính Việt Nam rất rõ nét.

3. Chuyện người con gái Nam Xương.

- Là truyện thứ mười sáu trong số hai mươi truyện của “Truyền kỳ mạn lục” Có nguồn gốc từ một truyện dân gian.
- Thể loại: Truyện truyền kỳ
- Kiểu văn bản: Tự sự Trung đại
- Phương thức biểu đạt chính : Tự sự
- Đại ý: Truyện kể về cuộc đời và số phận của một phụ nữ vì bị nghi oan mà tìm đến cái chết. Qua đó thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân là người tốt bao giờ cũng được đền trả xứng đáng.

2. Bi kịch của Vũ Nương.

- Bị oan VN tìm đến cái chết trong tuyệt vọng => Thực chất nàng đã bị bức tử
- Cái chết của nàng tố cáo những luật lệ pk xem trọng quyền uy của kẻ giàu và người đàn ông trong gia đình, nhưng lại đối xử bất công với người phụ nữ (giá trị hiện thực). Đồng thời bày tỏ niềm cảm thương trước số phận oan nghiệt của người phụ nữ xưa (giá trị nhân đạo)

3. Ý nghĩa của phần truyện kì

- Hoàn chỉnh thêm vẻ đẹp của VN: giàu lòng tự trọng, đầy bao dung vị tha và luôn khát khao hạnh phúc.
- Kết thúc có hậu thể hiện ước mơ về sự công bằng.
- Mặc dù được giải oan nhưng VN không bao giờ được hưởng hạnh phúc nơi dương thế. Cuộc đời nàng mãi là một bi kịch => Tăng giá trị tố cáo của tác phẩm.

4. Nghệ thuật:

- Dựng truyện khéo léo, tự nhiên truyện trở nên hấp dẫn sinh động giàu tính kịch.
- Xây dựng nhân vật với những tình cách rõ nét.
- Kết hợp giữa tự sự và trữ tình

Phân tích nhân vật Vũ Nương

Nhân vật Vũ Nương được miêu tả, khắc họa trong những hoàn cảnh nào? Hãy phân tích lời lẽ cùng cách cư xử của nàng trong mỗi hoàn cảnh cụ thể để làm rõ tính cách của nhân vật?

Vũ Nương khi sống với chồng

?VN được giới thiệu như thế nào?

- Thủy mì nét na, tư dung tốt đẹp

- TS mến vì dung hạnh nên cưới về
? TS là người như thế nào? VN đã cư xử như thế nào?
- Nàng giữ gìn khuôn phép không để...thất hoà
=> Đẹp người, đẹp nét

? Em hiểu gì về nàng qua những lời già biệt chồng?

- Nàng không mong vinh hiển chỉ cầu cho chồng bình an trở về. Hạnh phúc lớn nhất của nàng là được sống bình yên bên chồng con. Nàng xót xa trước những nổi vất vả của chồng, bày tỏ nỗi nhớ khắc khoải bằng lời nói tha thiết, ân tình, đầm thắm.

? Thể hiện phẩm chất gì?

- Là người phụ nữ đẹp người, đẹp nét, người vợ thảo hiền, biết cảm thông và chia sẻ với chồng, có ước mơ chính đáng, không màng danh lợi.)

Vũ Nương khi xa chồng

? Khi Trương Sinh đi lính, ở nhà đã xảy ra những biến cố nào? Vũ Nương đã xử lý ra sao? Qua đó, em thấy nàng có những phẩm chất gì?

- Thiếu người chăm sóc việc nhà, nàng thay chồng quán xuyến → đảm đang, tháo vát.

- Sinh con trai, thay chồng nuôi dạy con → người mẹ hiền, thay chồng làm cha của con mình.

- Mẹ chồng ốm, hết lòng chăm sóc; mẹ chồng mất, lo tang ma chu đáo → là nàng dâu hiếu thảo.

- Nàng luôn sống trong nỗi nhớ mong dài theo năm tháng

- Tất cả những việc làm ấy xuất phát từ nguyên nhân nào? (Hết lòng yêu chồng)

- lưu ý lời của bà mẹ nói với nàng

Trong ba năm dài xa chồng, Vũ nương đã tỏ ra là người phụ nữ tảo tần đảm đang. Nàng thay chồng quán xuyến mọi việc trong nhà, phụng dưỡng mẹ chồng, nuôi dạy con thơ. Một biến cố lớn nhất là mẹ chồng qua đời. Nàng đã thay chồng lo ma chay chu đáo như đối với mẹ đẻ ra mình. Có thể nói Vũ nương đã thực hiện rất tốt thiên chức của người phụ nữ: là nàng dâu hiếu thảo, người mẹ hiền, người vợ đảm đang chung thủy và rất yêu chồng.

Vũ Nương khi bị oan

? Vũ nương đã phản ứng như thế nào khi bị chồng nghi oan? Nàng đã lên tiếng mấy lần? Mỗi lần có ý nghĩa như thế nào? → Hs thảo luận và trình bày

- Nàng đã lên tiếng ba lần với mục đích để mình oan cho mình.

- Lần 1 : *Phân trần để chồng hiểu rõ lòng mình: thân phận của mình, tình nghĩa vợ chồng, tấm lòng thủy chung, cầu xin chồng đừng nghi oan cho mình. → Hết lòng hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ.*

- Lần 2 : *Đau đớn thất vọng khi không hiểu vì sao bị mắng, bị đánh. Hạnh phúc gia đình, niềm khao khát và vun đắp bấy lâu nay đã sụp đổ. Tình yêu tan vỡ, cả nỗi đau chờ chồng đến thành hóa đá cũng không thể làm lại được nữa → Thất vọng, tuyệt vọng vì cách đối xử thô bạo, thiếu tin tưởng, không tình cảm của chồng. Cảm thấy danh dự bị xúc phạm...*

- Lần 3 : *Tuyệt vọng đến cùng cực, không thể cứu vãn được hạnh phúc gia đình, than thở cùng trời đất, tự trầm mình → Hành động quyết liệt để bảo toàn danh dự.*

? Qua những sự việc này, em nhận xét gì về tính cách của Vũ Nương? (Đó là người phụ nữ rất quý trọng và hết lòng vun đắp cho hạnh phúc gia đình, có lòng tự trọng cao)

chốt vấn đề: Hãy khái quát lại về đẹp của Vũ Nương

Vẻ đẹp của nàng là vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam

Người con gái đẹp người đẹp nét ấy đáng ra phải được hưởng một cuộc đời hạnh phúc, nhưng cuộc đời nàng lại là một bi kịch.

Theo em nguyên nhân nào dẫn tới cái chết của Vũ Nương?

? Cuộc hôn nhân của VN và TS có xuất phát từ tình yêu?

? Qua nhưng cách cư xử của TS em có nhận xét gì về con người này? Thái độ của em như thế nào trước nhưng cư xử ấy?

? Đặt câu chuyện vào trong hoàn cảnh ra đời của nó em hãy lí giải tại sao VN lại tự tử?

-Chốt: Dẫn tới cái chết của VN là cả một chuỗi tình huống đẩy đến sự tuyệt vọng: Cuộc hôn nhân mang tính chất mua bán không bình đẳng giữa kẻ giàu và người nghèo đã cho TS một cái thế rất cao đối với vợ trong một xã hội gia trưởng phong kiến bênh vực nhà giàu và người đàn ông. Cộng với cá tính hồ đồ vũ phu của một kẻ thất học không biết phân biệt phải trái, bất chấp lời giải bày của vợ của hành xóm, chỉ tin vào một đứa trẻ lên ba...=> Mâu thuẫn gia đình tới chỗ không thể hàn gắn nổi, xã hội không bênh vực người phụ nữ, đứng về phía kẻ giàu... VN đành chấp nhận cái chết.

? Vậy phải chăng cái chết của VN thực sự là bị **bức tử** chứ không phải là **tự tử**?

Chốt: Nàng không hề muốn chết (lời than) nhưng nàng hoàn toàn không còn gì: Gia đình tan vỡ, tình yêu bị phụ bạc, bao công sức vun đắp cho hạnh phúc bị phủ nhận, danh dự bị bôi nhọ, xã hội không bênh vực...=> Dẫn tới nỗi tuyệt vọng không lối thoát, chỉ còn một con đường duy nhất để giải thoát, để minh chứng là cái chết => Bức tử

? Tác giả muốn nói gì qua bi kịch của VN?

-Tố cáo: Xã hội phong kiến xem trọng quyền uy của kẻ giàu và của người đàn ông trong gia đình. Những luật lệ hà khắc bất công đối với người phụ nữ.

? Niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ trong xã pk xưa

? Nếu em là Vũ Nương, em sẽ xử sự như thế nào? Em có đồng tình với cách xử lý của Vũ nương không

? Hs thảo luận và trình bày- GV liên hệ thực tế xã hội ngày nay giáo dục tư tưởng.

Trong chuyện cô tích Vợ chàng Trương câu chuyện kết thúc ở đây, nhưng bàn tay tài hoa của Nguyễn Dữ đã sáng tạo thêm một cuộc đời mới cho nhân vật của mình với những màu sắc lung linh, kì ảo ...

? Sống nơi Thủy cung dù sung sướng an nhàn nhưng VN vẫn mang tâm sự gì? Qua những tâm sự ấy ta hiểu thêm gì về nàng?

- Nhớ quê hương, chồng con, đau đáu được trả lại danh dự (Không thể gửi hình ảnh bóng ... tìm về có ngày.) => Giàu lòng tự trọng, luôn khát khao hạnh phúc gia đình và tấm lòng bao dung nhân hậu.

? Em có nhận xét gì về cách kết thúc truyện?

- Kết thúc có hậu thể hiện ước mơ về sự công bằng.

? Ý nghĩa của chi tiết kì ảo cuối cùng khi VN trở về và biến mất mãi mãi?

- Cảnh đẹp rực rỡ nhưng mờ ảo mơ hồ không có thực => Tất cả chỉ là ảo ảnh, chỉ là một chút an ủi cho người bạc mệnh. Thực sự nàng đã chết mãi mãi không thể hưởng hạnh phúc nơi trần thế. Hạnh phúc thực sự cả đời nàng khao khát vĩnh viễn không được hưởng. Cuộc đời nàng mãi là một bi kịch: Khi sống thì bị bức tử. Chết rồi dù được minh oan thì lại không thể trở về...=> Tăng giá trị tố cáo, khẳng định niềm cảm thương.

Một trái tim dễ rung động trước những đau khổ của cuộc đời, của con người như Nguyễn Dữ có lẽ đã từng rung lên trước bao nhiêu số phận oan khuất trong xã hội đương thời. Với cuộc đời đầy bi kịch của Vũ nương, trái tim ấy đã đúc kết thành một tác phẩm mà tiếng vang của nó còn vọng mãi đến hôm nay. Đó là tiếng nói nhân đạo bênh vực cho hạnh phúc chính đáng của người phụ nữ trong một xã hội vốn đã ngược đãi họ. Đó là tiếng nói của những người phụ nữ Việt Nam trong xã hội đương thời mà nhà văn đã cất lên thay cho họ.

Nhân vật Quang Trung – Nguyễn Huệ:

1. Tác giả:

- Ngô Gia Văn Phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Hai tác giả chính là Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du

- Họ đều là những trung thần của nhà Lê.

2. Tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí”.

- Ra đời khoảng đầu thế kỷ XIX, khi chế độ Phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng, vua Lê bất tài, cầu viện ngoại bang, bán rẻ đất nước.
- Viết theo thể loại Chí là một thể văn xuôi cổ vừa có tính văn học, vừa có tính lịch sử ; bằng chữ Hán theo thể chương hồi, gồm 17 hồi.
- “Hoàng Lê nhất thống chí” được xem là quyển tiểu thuyết lịch sử. Nó thể hiện những biến động của nước ta khoảng ba mươi năm cuối thế kỷ XVIII và mấy năm đầu thế kỷ XIX.
- Viết, theo lối chương hồi,

3. Hồi thứ 14.

- Kể lại chuyện Vua Quang Trung đại phá quân Thanh, Lê Chiêu Thống trốn ra nước ngoài.

- Bố cục: Ba phần

- “Từ đầu... Năm Mậu thân”.

=> *Vua Quang Trung chuẩn bị tiến quân.*

- “Vua Quang Trung tự mình... kéo vào thành.”

=> *Cuộc hành binh thần tốc và chiến thắng lẫy lừng.*

- Phần còn lại.

=> *Số phận bọn bán nước và cướp nước.*

1. Hình ảnh Vua Quang Trung.

- Sử dụng chi tiết cụ thể, có thật, miêu tả sinh động.
- Vua Quang Trung là người mạnh mẽ quyết đoán; nhà lãnh đạo, chính trị, ngoại giao, có trí tuệ sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng, tài dụng binh như thần, sâu sắc và tâm lý, có lòng yêu nước thương dân, văn võ song toàn → Là người anh hùng dân tộc.

2. Hình ảnh bọn cướp nước và bán nước.

a, Bọn cướp nước.

Kiêu căng, chủ quan, tướng lo ăn chơi, quân vô kỷ luật. Thực chất là một bọn xâm lăng tham lam nhưng tinh thần hèn yếu, tự chuốc lấy thất bại thảm hại.

b, Những kẻ bán nước

Thực chất là những kẻ bất tài, tham quyền cố vị, tham sống sợ chết, nhục nhã cầu cạnh ngoại bang, bán nước, tự đưa mình đến kết cục bi thảm.

* . Nghệ thuật:

- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa tự sự và miêu tả.
- Kể chuyện theo trình tự thời gian.
- Miêu tả cụ thể, chân thực.
- Xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập.
- Hình tượng đẹp, mang tính sử thi về người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ.
- Số phận bi đát của những kẻ bán nước và cướp nước.
- Bức tranh hiện thực về một giai đoạn lịch sử đau thương mà anh dũng của dân tộc.
- Quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc sâu sắc của các tác giả.

Phân tích hình ảnh Vua Quang Trung.

?Nổi bật trong hồi thứ 14 là nhân vật nào? (Vua Quang Trung).

?Khi được tin cấp báo về việc quân Thanh đã kéo vào Thăng Long, Nguyễn Huệ đã có phản ứng và những hành động nào? Qua đó em nhận xét gì về ông?

- Ngày 22 tháng 11 năm Mậu Thân, Tôn Sĩ Nghị chiếm Thăng Long.

- Ngày 24 tháng 12, Nguyễn Huệ được tin cấp báo, nóng giận, họp tướng sĩ, định cầm quân đi ngay → *mạnh mẽ, quyết đoán*

-Nhưng lại nghe theo lời khuyên của mọi người, lên ngôi Hoàng Đế cho chính vị hiệu, hạ lệnh xuất quân. → *Biết nghe theo ý kiến đúng.*

- Hoạch định kế sách hành quân đánh giặc, kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau khi chiến thắng
→ *Thông minh, nhạy bén, nhìn xa trông rộng.*

? Tóm tắt những việc làm của Vua Quang Trung trong thời gian từ sau khi ông lên ngôi? Qua đó, em nhận xét gì về tài năng, tầm lòng của nhà vua? Phân tích. → Ngày 25 lên ngôi Hoàng đế xong thì đốc suất đại binh từ Phú Xuân lên đường ra Bắc (350km), ngày 29 đến Nghệ An (4 ngày).

- Trong ngày 29 vừa tuyển thêm binh lính, vừa duyệt binh, tổ chức lại đội ngũ (Chia quân làm 5 doanh tiền, hậu, tả, hữu), vừa *khuyến dụ quân lính, động viên tinh thần cho họ.*

- Ngày 30, vượt 150 km để tới Tam Điệp hội quân với cánh quân Ngô Văn Sở, mở tiệc khao quân, cho tướng sĩ cúng tế trước để họ yên lòng về bản phận hiếu nghĩa rồi đêm 30 lên đường ra Bắc → *rất chú ý đến tâm lý của tướng sĩ, rất hiểu biết*

- Đêm mùng 3 tết đánh đồn Hà Hồi: lặng lẽ cho quân vây kín làng ấy, bắc loa truyền gọi, quân lính thay phiên nhau dạ ran, tưởng như có đến hàng trăm ngàn, quân giặc hoảng hốt chưa đánh đã hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết → *thừa lúc xuất kỳ bất ý nên thắng lớn – lợi dụng được yếu tố bất ngờ.*

- Sáng mùng 5 tết đánh trận Ngọc Hồi – Đống Đa.

- Trưa mùng năm tiến quân vào thành Thăng Long.

- Truyền quân lính lấy 60 tấm ván cứ ghép liền ba tấm thành một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín...

- Dàn trận thành hình chữ “nhất”, dùng ván đã ghép làm tấm khiên che cho quân lính khỏi tên, đao khi tiến quân

- Dùng đao ngắn chém bừa-đánh giáp lá cà.

- Làm nghi binh ở đê Yên Duyệt.

- Dùng mai phục ở Đại Áng.

- Dùng tượng binh cho giày đạp ở đầm Mực làng Quỳnh Đô.

→ *tài dụng binh như thần*

? Nhận xét về cuộc tiến quân này và tài năng của Nguyễn Huệ? (Cuộc tiến công thần tốc, chớp nhoáng, bất ngờ, chắc thắng; Nguyễn Huệ có *tài năng quân sự xuất chúng, có mưu lược, dũng mãnh, điều binh khiển tướng tài tình, biết nắm thời cơ...*).

? Qua những lời khuyến dụ của vua Quang Trung, những lời trò chuyện với các tướng và cuộc chuyện trò với Nguyễn Thiệp chứng tỏ nhà vua có phẩm chất gì?

- Lời phủ dụ ngắn gọn, cô đúc như lời hịch, kích lệ tinh thần tướng sĩ, kích thích lòng yêu nước và truyền thống quật cường của dân tộc, vạch rõ dã tâm của bọn giặc, khẳng định chủ quyền của đất nước, đề ra kỷ luật nghiêm minh.

→ Qua lời phủ dụ đó, ta thấy vua Quang Trung là *nhà lãnh đạo tối cao, hiểu tâm lý tướng sĩ, có tầm lòng độ lượng, công minh, kỷ luật cao.*

→ *Ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng – thấy trước chiến thắng và lo cả việc hậu chiến.*

? Em hình dung hình ảnh của vua Quang Trung trong chiến trận như thế nào?

- *Quang Trung trực tiếp cầm quân, là vị tổng chỉ huy dũng mãnh, đầy mưu lược, chia quân đội ra thành năm mũi theo thế bàn tay năm ngón xiết chặt lấy cổ họng Thăng Long...*

- *Quang Trung cười voi đi đốc thúc, tự mình chỉ huy một cánh quân vào trận Ngọc Hồi giữa tiếng quân reo dậy đất.*

- *Khí thế quân Tây Sơn mạnh như chẻ tre, bất ngờ như sấm sét làm quân giặc rụng rời sợ hãi.*

- *Vua Quang Trung ngồi trên bành voi, chiến bào đỏ sạm đen vì khói súng, dẫn đầu đoàn tượng binh tiến vào thành Thăng Long giữa trưa mùng 5 tết lẫm liệt oai phong.*

→ *Vua Quang Trung xứng đáng là vị anh hùng dân tộc, văn võ song toàn → hình tượng mang tính sử thi*

?Tại sao vốn trung thành với nhà Lê, không ủng hộ Tây Sơn, xem Tây Sơn như giặc mà các tác giả lại viết về Tây Sơn, về Quang Trung và những chiến công của đoàn quân áo vải một cách hào hùng như vậy?

- Vì đó là sự thật lịch sử mà các ông đã trực tiếp chứng kiến, là những người có tâm huyết, trung thực nên các ông tôn trọng sự thật dù sự thật ấy không đúng với tình cảm của các ông.

- Vua Lê thật sự kém cỏi lại hèn mạt, không đủ khả năng trị vì thiên hạ, làm chủ nước nhà lại theo phò ngoại bang, bán nước làm các ông thất vọng, ý thức dân tộc dâng cao.

-Trong khi đó, Nguyễn Huệ thực sự là người tài đức, có lòng yêu nước, có ý thức dân tộc, lại lập nên được chiến công hào hùng, đánh đuổi giặc ngoại xâm ra khỏi bờ cõi, giành lại nền độc lập dân tộc...

→Tất cả những yếu tố đó đã thuyết phục được các tác giả khiến họ tao nên được những trang viết sống động hào hùng này.

Có thể liên hệ với những cảm nhận của Ngọc Hân công chúa trong bài “Ai tư vân”:

Mà nay áo vải cờ đào.

Giúp dân dựng nước xiết bao công trình.

Phân tích hình ảnh bọn cướp nước và bán nước.

?Trái ngược với hình ảnh tuyệt đẹp về người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ, trong đoạn trích còn hiện lên hình ảnh của đối tượng nào? (Bọn bán nước và cướp nước).

?Bọn cướp nước gồm những ai? (Tôn Sĩ Nghị, Sầm Nghi Đống, một số quan tướng và hai mươi vạn quân Thanh).

?Khi kéo quân vào nước ta, bọn chúng đã gặp những thuận lợi nào? (Không mất một mũi tên, như vào chỗ không người, vua Lê lên tận cửa ải Lạng Sơn đón rước).

?Điều đó khiến chúng có tâm lý như thế nào? (Chủ quan)

?Ngoài ra, đa số binh lính giặc có tâm trạng ra sao? (Nhớ nhà).

?Vì vậy, bọn chúng đã sống và sinh hoạt như thế nào? (Hằng ngày bọn chúng lo đi mua bán, lấy củi có khi xa doanh trại đến mười dặm đường→Quân lo thủ lợi,tướng lo ăn chơi, thiếu kỷ luật, thiếu ý thức trách nhiệm).

?Khi bị tấn công chúng đã có hành động gì? Nhận xét về tình trạng của quân Thanh?

-Sợ hãi, khiếp nhược, ở Hà Hồi chưa đánh đã thua.

- Ở Ngọc Hồi, quân Thanh bị giết đến hàng vạn người,

- Bọn còn lại tháo chạy lại bị đứt cầu phao rơi xuống sông mà chết, bị lọt vào trận địa mai phục của quân Tây Sơn ở Đàm Mục làng Quỳnh Đô, bị quân voi giày đạp chết đến hàng vạn người.

-Đêm ngày đi gấp chạy về nước

→*Thảm bại, bi đát, giống như tình trạng của quân Minh ở đầu thế kỷ XV.*

Thực tế cho thấy quân Thanh chỉ là một đạo quân tham sống sợ chết, tinh thần hèn yếu, bạc nhược. Khi vào được nước ta một cách dễ dàng, chúng trở nên chủ quan, tướng lo ăn chơi, quân lo thu vén cho riêng mình, không có ý thức kỷ luật. Vì vậy, khi bị tấn công, việc đầu tiên của chúng là đầu hàng để giữ lấy mạng sống cho mình, những tên vừa khiếp đảm lại vừa sĩ diện như Sầm Nghi Đống thì tự sát, những tên xôi thịt như Tôn Sĩ Nghị thì vội vã tháo chạy...Chỉ thương cho số đông binh lính như rắn mất đầu phải “chết như rạ” vì mộng bành trướng của giai cấp thống trị. Rõ ràng bọn chúng tự chuốc lấy thất bại, mộng bá quyền tan vỡ đến thảm hại

?Bọn bán nước được phản ánh trong tác phẩm gồm những nhân vật nào? (Gồm Lê Chiêu Thống, Lê Quýnh, Trịnh Hiến và một số cận thần của vua Lê)

? Những nhân vật ấy được diễn tả qua những chi tiết nào? Qua đó, em nhận xét gì về số phận của họ.

- Vua Lê sai Lê Quýnh, Trịnh Hiến sang tận Trung Quốc nhờ nhà Thanh giúp dẹp “loạn đảng Tây Sơn”.

- Bản thân nhà vua lên tận biên giới Lạng sơn đón chào kẻ thù.

-Suốt ngày châu chực, cầu cạnh van xin mà không được Sĩ Nghị tiếp.

- Bị Tôn Sĩ Nghị coi thường, khinh bỉ, gọi là “các người”.
- Sợ hãi chạy bán sống bán chết, cướp cả thuyền của dân để qua sông.
- Chạy theo Tôn Sĩ Nghị sang tận Trung Quốc, và bỏ thây nơi đất khách quê người.
- Là những kẻ bất tài, tham quyền cố vị, vì quyền lợi riêng mà sẵn sàng bán nước, nhục nhã, cầu cạnh ngoại bang, tự đưa mình đến tình trạng khốn quẫn, kết cục bi thảm.
- ?Giọng văn kể - tả về bọn cướp nước và bán nước có gì khác nhau?
- Nói về bọn cướp nước thì dừng dưng, hả hê.
- Nói về bọn bán nước thì có phân xốt xa, thương cảm

CHỊ EM THÚY KIỀU

Phân tích bốn câu thơ đầu.

?Thế nào là “hai ả tố nga”? (Hai cô gái đẹp).

?Thế nào là “Mai cốt cách, tuyết tinh thần”? (Là cốt cách của mai và tinh thần của tuyết. Ý nói hai chị em, mỗi người có một vẻ riêng. Nhưng đều có vẻ duyên dáng, thanh cao, trong trắng).

?Nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong chi tiết này là gì? (Ẩn dụ, tượng trưng).

?Qua đó, ta thấy, tác giả đã giới thiệu về hai chị em Thúy Kiều như thế nào? (Hoàn hảo mà riêng biệt).

- Cả hai chị em Thúy Kiều đều có vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng. Mỗi người có vẻ đẹp riêng nhưng đều đạt đến độ hoàn mỹ

- Hai câu thơ đầu giới thiệu chung về hai chị em Thúy Kiều cùng quan hệ của họ. Họ là hai chị em ruột, Thúy Kiều là chị, Thúy Vân là em. Hai câu thơ sau vừa nhận xét khái quát về vẻ đẹp của cả hai người vừa dùng để báo trước vẻ đẹp khác biệt của họ. Nghệ thuật ẩn dụ, tượng trưng đã cho thấy cả hai đều có vẻ đẹp mảnh mai, duyên dáng, thanh cao, trong trắng, dù khác nhau nhưng rất trọn vẹn, hoàn hảo

Phân tích vẻ đẹp của Thúy Vân.

?Khi tả Thúy Vân, tác giả đã nhận xét chung về vẻ đẹp của nàng ra sao? (Trang trọng khác vời)

?Trang trọng khác vời? (Đoan trang, sang trọng quý phái khác thường ít người sánh kịp).

?Nhà thơ đã chú ý đến những chi tiết nào? Nghệ thuật? (Chú ý đến khuôn mặt với những chi tiết cụ thể).

-Khuôn trăng đầy đặn } Ẩn dụ

-Nét ngài nở nang

-Hoa cười, ngọc thốt

-Mây thua nước tóc

-Tuyết nhường màu da

} Nhân hóa

?Em có thể diễn tả vẻ đẹp của Thúy Vân bằng ngôn ngữ của mình không? Qua đó, nêu nhận xét về vẻ đẹp của nàng?

Gợi ý (Trước mắt chúng ta hiện lên một thiếu nữ đẹp với khuôn mặt tròn đầy đặn, sáng như mặt trăng, nét mày thanh tú như mày con ngài, nàng có nụ cười tươi như hoa, giọng nói trong như ngọc và nước da trắng đến nỗi tuyết trắng cũng phải ghen, mái tóc của nàng óng ả, mượt mà đến nỗi mây cũng phải cúi đầu chào thua.).

?Với câu thơ “Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da” ta có thể nói sắc đẹp của nàng kín đáo khiêm nhường, hoà hợp với tự nhiên được không? Điều đó có ý nghĩa gì?

- Thúy Vân có vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu, thùy mi, quý phái, hòa hợp với thiên nhiên, hứa hẹn một cuộc sống êm đềm, bình lặng.

Cách tả vẻ đẹp của Thúy Vân rất cụ thể. Đầu tiên là một nhận xét khái quát “Trang trọng khác vời”, tiếp đó là miêu tả cụ thể bằng những chi tiết, hình ảnh so sánh, ẩn dụ, nhân hóa được lấy từ thiên nhiên: trăng, hoa, mây, tuyết được ví ngầm với khuôn mặt, nét lông mày, miệng cười, tiếng nói, làn da, màu tóc rất tương xứng với vẻ đẹp của một thiếu nữ quý phái: khuôn mặt tròn đầy đặn, phúc hậu, sáng

như mặt trăng, nét mày thanh tú như mày con ngài, nàng có nụ cười tươi như hoa, giọng nói trong như ngọc và nước da trắng đến nỗi tuyết trắng cũng phải ghen, mái tóc của nàng óng ả, mượt mà đến nỗi mây cũng phải cúi đầu chào thua... Chân dung Thúy Vân được tạo nên bởi sự hòa hợp, êm đềm với xung quanh khiến thiên nhiên cũng phải công nhận. Thế nên cuộc đời nàng chắc hẳn sẽ bình an suôn sẻ.

Phân tích vẻ đẹp của Thúy Kiều.

?Em nhận xét gì về số lượng câu thơ tả Thúy Kiều so với số lượng câu thơ tả Thúy Vân? (Tỷ lệ 1/3).

?Tác giả đã nhận xét khái quát như thế nào về vẻ đẹp của Thúy Kiều? Vẻ đẹp ấy được miêu tả như thế nào? Phân tích để thấy rõ sự khác nhau trong cách miêu tả hai nhân vật Thúy Kiều và Thúy Vân.

-Nhận xét khái quát: Sắc sảo mặn mà.

-Dùng thiên nhiên để miêu tả: làn thu thủy, nét xuân sơn...

-Nhân hóa: hoa ghen, liễu hờn...

-Dùng thành ngữ, điển tích: nghiêng nước nghiêng thành...

-Miêu tả Vân rất cụ thể, tả Kiều lại rất khái quát nên người đọc có thể tưởng tượng theo ý mình → Tả + gợi.

-Tả Kiều: Đôi mắt, màu mắt, ánh mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt như nước hồ thu, đôi mắt biết nói, là cửa sổ tâm hồn. Đó là vẻ đẹp của các mỹ nhân trong các thời đại khác nhau của văn học cổ Trung Hoa xưa: Bao Tự, Tây Thi, Dương Ngọc Hoàn... → Vẻ đẹp của Kiều là vẻ đẹp phi thường đến mức làm cho thiên nhiên ganh ghét “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”, làm cho con người bị cuốn hút “Một hai nghiêng nước nghiêng thành” → “hồng nhan đa truân”.

-Câu thơ “Sắc đành đòi một, tài đành họa hai” đã khẳng định tuyệt đối sắc đẹp của Thúy Kiều là độc nhất vô nhị.

?Tác giả có dụng ý gì khi dùng hai cách tả khác nhau như thế? (Dùng vẻ đẹp của Thúy Vân để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều).

? Ngoài sắc đẹp ra, Kiều còn có những tài năng nào? Mức độ ra sao? Em nhận xét gì về tài năng của nàng? -Pha nghệ

-Đủ mùi ca ngâm.	} Thi họa	} Từ	} Tài năng		
-Làu bạc ngũ âm.				Ngữ	đa dạng
...ăn đứt...				Chon	điều luyện

-Tay lựa nên chương.

- Đó là tài năng toàn diện, lý tưởng theo quan điểm thẩm mỹ phong kiến. Nổi bật nhất nơi Kiều là tài đàn và năng khiếu sáng tác âm nhạc. Vẻ đẹp của Thúy Kiều là vẻ đẹp trọn vẹn của sắc – tài – tình mà cái gì cũng vượt trội làm cho tạo vật đố kỵ, hờn ghen.

?Cách tả Thúy Kiều có gì đặc biệt? (Cực tả).

?Dụng ý của tác giả trong cách miêu tả nhân vật này? (Báo trước một số phận éo le, đau khổ).

?Tại sao tác giả lại tả Thúy Vân trước, Thúy Kiều sau? (Dùng Thúy Vân làm nền để tả Thúy Kiều).

- Gợi tả, cực tả. Tả thiên về ấn tượng, cảm nhận. Nghệ thuật đòn bẩy

- Thúy Kiều có vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà, lộng lẫy, rực rỡ, tràn đầy sức sống của tuổi trẻ => Vẻ đẹp của tuyệt thế giai nhân.

-Nàng còn thông minh, giàu nội tâm và rất mực tài hoa.

- Sắc đẹp và tài năng vượt trội làm cho thiên nhiên cũng phải đố kỵ => báo trước một cuộc đời “tài hoa bạc mệnh”.

Phân tích nhận xét của tác giả về lối sống của hai chị em Thúy Kiều.

?Bốn câu thơ này nêu nhận xét gì về nếp sống của hai chị em? Ngữ “mặc ai” ở cuối câu có ý nghĩa gì?

-Nếp sống của hai chị em con gái nhà họ Vương thật phong lưu, quý phái, êm đềm, nề nếp, gia phong.

-Tuy đã đến tuổi lập gia đình, có đôi bạn nhưng họ vẫn sống trong khuôn khổ gia đình, không chơi bời đàn đúm, giao tiếp với bên ngoài mà vẫn trong cánh kín cổng cao tường mặc cho những người khác ồn ào bướm ong.

-Có ý chuyển, mở kín đáo, khéo léo về đạo đức của chị em Kiều.

* Hai chị em Kiều sống trong cảnh phong lưu, khuôn phép, đức hạnh, êm đềm.

Nghệ thuật:

- Ước lệ tượng trưng cổ điển.

- Hình ảnh sóng đôi, phép đòn bẩy

- Bố cục chặt chẽ.

CẢNH NGÀY XUÂN

Phân tích bức tranh ngày xuân.

?Dựa vào chú thích số 1 và 2 và cho biết tác giả đã nói gì về thời gian của ngày xuân? (Ngày xuân trôi qua nhanh quá, tiết trời đã bước sang tháng ba).

? Qua đó, em cảm nhận gì về không gian, khí trời, ánh sáng của ngày xuân? (Xuân tuy đã muộn nhưng không gian vẫn ngập tràn ánh sáng tươi đẹp).

?Trong hai câu thơ sau, tác giả đã dùng những màu sắc, đường nét nào để diễn tả cảnh vật? Cách phối hợp màu sắc, đường nét đó có gì đặc biệt? Phân tích?

- Màu sắc tươi sáng: xanh cỏ, xanh trời, hoa trắng.

- Đường nét thanh nhẹ: cành lê, chân trời.

? Hãy dựa vào những hiểu biết này để miêu tả lại cảnh thiên nhiên theo cảm nhận của em. Qua đó cho biết nghệ thuật miêu tả của tác giả có gì đặc biệt?

-Giáo viên diễn giảng: *Đúng như các em nhận xét, nhà thơ chỉ dùng rất ít chi tiết để miêu tả nhưng lại có sức gợi rất lớn. Hai câu đầu vừa nói thời gian, vừa gợi không gian. Ngày xuân thấm thoát như thoi dệt cử, tiết trời đã bước sang tháng ba. Trong tháng cuối của mùa xuân, những cánh chim én vẫn rộn ràng bay lượn như thoi đưa giữa bầu trời trong sáng. Mùa xuân giống như đóa hoa mãi khai khoe hết hương sắc với thảm cỏ xanh non trải rộng đến chân trời. Cỏ rất xanh, rất non, rất mới. Màu xanh của cỏ, màu xanh của trời như hòa quyện vào nhau. Giữa trời và đất chỉ có một giới hạn mong manh bởi đường nét mờ nhẹ của chân trời. Đó là gam màu nền để làm nổi bật nét thanh nhẹ của cành lê với sắc trắng tinh khôi của vài bông hoa lê vừa nở. Màu sắc, đường nét có sự hài hòa đến tuyệt diệu đã làm tái hiện mùa xuân với vẻ đẹp riêng: mới mẻ, thanh khiết, trong trẻo, khoáng đạt. Tác giả không miêu tả hoạt động của cảnh vật nhưng ta cảm nhận được sự phát triển của cỏ đang lớn, hoa đang nở, cánh én đang bay... Đoạn thơ giống như một bức tranh thủy mặc chỉ cần vài nét là có thể giúp ta cảm nhận rõ cảnh vật.*

Phân tích cảnh lễ hội.

-Trong tháng ba thường có những hoạt động nào diễn ra? (lễ tảo mộ, hội đạp thanh => Những lễ hội văn hoá truyền thống của dân tộc).

?Tìm và phân loại những từ hai tiếng có trong đoạn thơ theo bảng sau. Những từ ấy thuộc từ loại nào? Chúng có tác dụng ra sao?

DANH TỪ	ĐỘNG TỪ	TÍNH TỪ
Yên anh, chị em, tài tử, giai nhân, ngựa xe, áo quần	Sắm sửa, dập dìu	Gần xa, nô nức, ngồn ngồn

→ Từ láy, từ ghép, từ thuần Việt, từ Hán Việt.

→ Từ gọi tả.

-Các danh từ: Gọi tả sự đông vui, nhiều người cùng đến lễ hội, đặc biệt là các nam thanh nữ tú. Không rõ gương mặt ai nhưng người đọc dễ hình dung những gương mặt ngời sáng phấn khích vui vẻ trẻ trung của những con người đang hoà mình vào không khí lễ hội. Trong đó có cả chị em Kiều

-Các động từ: gọi tả sự náo nhiệt, đông đúc, ồn ào với ngựa xe, trang phục rực rỡ đang chen lấn trong niềm vui, trong cuộc hội ngộ của tuổi thanh xuân...

-Các tính từ: Gọi tả tâm trạng của người đi hội: ngây ngất tận hưởng những tháng ngày tươi đẹp trong cuộc đời

=> Đó cũng là tâm trạng của chị em Kiều lúc này.

? Em nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả cảnh của tác giả ? (Miêu tả bằng gọi ẩn dụ, thành ngữ giàu hình ảnh, giàu sức gợi).

? Qua đoạn thơ này, em cảm nhận gì về cảnh lễ hội, cảnh du xuân, hiểu thêm gì về chị em Thúy Kiều?

- Cảnh lễ hội tấp nập đông vui.

- Người xưa chuộng lễ hội, có truyền thống quan tâm đến người đã khuất, có tín ngưỡng về một thế giới khác.

- Lễ hội là một nét đẹp truyền thống, vừa tưởng nhớ đến người chết, vừa quan tâm đến người sống.

- Chị em Thúy Kiều rất trẻ trung, yêu đời, cũng biết tiếp nối truyền thống của dân tộc, cũng có nhu cầu giao lưu tìm bạn...

? Ở địa phương em có những hoạt động lễ hội nào không? Em nghĩ gì về những hoạt động ấy? Em có tham dự những lễ hội ấy không?

- Lễ hội Trùm củ ở đảo Long Sơn

- Lễ hội Dinh Cô, Dinh Cậu

- Lễ giỗ tổ Hùng Vương ngày 10-3 âm lịch.

- Lễ Vu lan ngày 15-7 âm lịch...

→ Truyền thống của dân tộc vẫn được duy trì và phát huy.

-Giáo viên diễn giảng: *Bằng một loạt các từ hai tiếng có tác dụng gợi tả, nhà thơ đã làm tái hiện không khí lễ hội vào cuối mùa xuân của một thời xa xưa. Tiết thanh minh trong tháng ba là thời gian để thăm viếng, sửa sang lại phần mộ của người thân. Người ta đến đó rắc vàng vó, đốt tiền giấy như để gửi quà cho người thân ở thế giới bên kia. Sau lễ, họ dự hội đạp thanh nghĩa là đi thưởng xuân ở chốn đồng quê. Bao trai thanh gái lịch trong trang phục đẹp. Kẻ đi xe, người đi ngựa nhộn nhịp tấp nập. Họ có dịp gặp gỡ và giao lưu cùng nhau. Không khí thật nhộn nhịp, đông vui và chắc chắn tâm trạng của họ thật náo nức, phấn khởi. Chị em Thúy Kiều cũng hòa vào dòng người xe ấy, trong tâm trạng ấy. Ta hình dung họ thật trẻ trung yêu đời và rất đáng yêu. Tuy nhiên, qua đoạn thơ, ta còn có thể cảm nhận được truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Đó là sự tưởng nhớ đến người đã khuất, quan tâm đến người còn sống. Đó là cuộc giao lưu rất tốt đẹp, là nhu cầu chính đáng trong đời sống tinh thần của con người.*

Phân tích cảnh trở về

? Cảnh vật, hoạt động của con người được diễn tả qua chi tiết nào?

? Qua đó, em nhận xét gì về màu sắc, đường nét mà tác giả sử dụng ở đây?

- Màu sắc: màu nắng nhạt khi mặt trời đã ngã bóng màu xanh trong của nước → Màu sắc nhạt dần.

- Đường nét: Dòng nước uốn quanh, dịp cầu nhỏ nhỏ

→ Đường nét thanh nhẹ.

? Tà tà, thơ thẩn, nao nao, thanh thanh thuộc lớp từ nào? Chúng có tác dụng gì? (Từ láy, có tác dụng gợi tâm trạng).

? Tại sao tác giả lại dùng những từ ngữ tả tâm trạng để tả cảnh? (Tả cảnh là để tả tình, tả cảnh trong cảm nhận của nhân vật, cảnh mang yếu tố tâm lý → Tả cảnh ngụ tình.

? Hãy so sánh những chi tiết ấy với những gì em đã biết ở đoạn thơ trên để tìm ra sự khác nhau về cách miêu tả, về cảnh vật, về tâm trạng con người Học sinh thảo luận và trình bày.

<ul style="list-style-type: none"> - Thiều quang... - Gần xa nô nức yên anh - Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân. - Ngựa xe như nước, áo quần như nêm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tà tà bóng ngả về Tây. - ...thơ thần dan tay ra về. - Bước dần ... - Lần xem ... - ... phong cảnh thanh thanh - Nao nao dòng nước ...
→Buổi sáng, vào hội, cảnh nhộn nhịp, sôi nổi, tâm trạng phấn khởi, háo hức	→Buổi chiều, tan hội, cảnh nhạt dần, lặng dần, tâm trạng nuối tiếc bâng khuâng.

Đến đây, cảnh vẫn mang cái thanh cái dịu của mùa xuân: nắng nhạt, khe nước nhỏ, dịp cầu nhỏ nhỏ bắc ngang. Mọi chuyển động đều nhẹ nhàng: mặt trời từ từ ngả bóng, bước chân người thơ thần, dòng nước uốn quanh... Tuy nhiên cái không khí rộn ràng nhộn nhịp của lễ hội không còn nữa. Tất cả đang nhạt dần, lặng dần. Cảnh mùa xuân ở đoạn này so với đoạn đầu ngoài những điểm giống nhau còn có những điểm khác nhau là bởi thời gian (sáng- chiều), không gian (vào hội – tan hội). Nhưng điều quan trọng là cảnh đã được cảm nhận qua tâm trạng. Những từ lầy tà tà, nao nao, thanh thanh không chỉ thể hiện sắc thái của cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng con người. Hai chữ nao nao” đã nhuộm màu tâm trạng lên cảnh vật. Cảm giác bâng khuâng xao xuyến về một ngày vui đang còn mà sự linh cảm về điều sắp xảy ra đã xuất hiện, dòng nước uốn quanh nao nao như báo trước ngay lúc này Kiều sẽ được gặp gỡ với Đạm Tiên, với Kim Trọng. Cách miêu tả của tác giả thật độc đáo ở cách tả cảnh gợi tình. Đó chính là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình vốn là đặc trưng của thơ tả cảnh xưa.

KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH

1. Hoàn cảnh của Thúy Kiều

- Thời gian, không gian mang tính tâm lý.
- Khi ở lầu Ngưng Bích Kiều rơi vào tình cảnh cô đơn tuyệt đối. Nàng trôi giữa không gian, thời gian mênh mông hoang vắng heo hút, nàng thui thui một mình trong vô vọng.

? Không gian trước lầu Ngưng Bích được mở ra qua những chi tiết nào?

Non xa, trăng gần - Bốn bề bát ngát Cát vàng, bụi hồng	→ xa và rộng lớn	không gian hoang vắng
--	------------------	--------------------------

? Non xa, trăng gần? (Núi ở xa, trăng ở gần. thật ra thì trăng ở xa hơn núi nhưng vì Kiều ở trên lầu cao nên khi ngước lên nhìn, nàng có cảm giác trăng gần hơn núi)

?Về non xa tám trăng gần ở chung? (Núi và trăng như ở trong cùng một mặt phẳng, một không gian tạo nên một bức tranh thiên nhiên có trăng, có núi...)

? Mây sớm, đèn khuya gợi tính chất gì của thời gian? Thời gian được nói đến ở đây là khoảng thời gian nào?

-Mây sớm, đèn khuya → thời gian tuần hoàn khép kín

(Từ sáng sớm đến tận đêm khuya, suốt cả ngày, từ ngày này sang ngày khác nàng bị giam hãm trong một không gian cố định, làm bạn với mây, đèn, trăng...)

?Nhận xét về trình tự miêu tả trong đoạn thơ? (Theo trình tự thời gian, không gian)

?Không gian, thời gian có gì đặc biệt? (Không gian cao, xa, rộng; Thời gian từ sáng đến chiều...) → Cảnh vắng lặng, rộng lớn làm cho con người dễ có cảm giác nhỏ nhoi, cô đơn.

?Người ta nói ND thường lấy cảnh để tả tình. Theo em có đúng không? Câu thơ nào thể hiện rõ nhất điều ấy?

? “*Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*”? (Xấu hổ, tủi thẹn với thiên nhiên => Thiên nhiên càng đẹp thì càng cảm thấy mình *bẽ bàng*)

? Như vậy ta có thể nói như thế nào về hoàn cảnh của Kiều lúc này? (Nàng đang rơi vào cảnh tù túng, bị giam lỏng trong nỗi cô đơn, đơn độc hoàn toàn)

- Giáo viên diễn giảng: *Không gian trước lầu Ngưng Bích trong cái nhìn của Thúy Kiều được mở ra theo nhiều hướng khác nhau: từ góc nhìn của chiều rộng với “bốn bề bát ngát xa trông” để cảm nhận được cơn cát nọ nối tiếp dặm bụi hồng dặm kia cho đến cái nhìn của không gian cao xa thăm thẳm với “non xa trắng gần”... Điều đó giúp ta thấy rõ cảnh hoang vắng, tĩnh mịch của cảnh vật. Dường như Kiều không còn sự cảm nhận chính xác về không gian, thời gian nữa bởi nàng đang bị chi phối bởi những điều khác lớn lao hơn. Đó là tâm trạng “bẽ bàng” buồn tủi cho chính thân phận mình. Bởi giữa một không gian hoàn toàn xa lạ, một cuộc sống cũng hoàn toàn xa lạ, nàng càng thấy rõ hơn cảm giác cô đơn, đơn độc đến hoàn toàn của mình, thân phận bị giam lỏng nhưng hết sức tù túng của mình. Nàng chỉ còn làm bạn cùng mây vào buổi sớm, đèn lúc đêm khuya và ngày nào cũng như thế. Thời gian cứ nối tiếp nhau qua đi một cách đơn điệu, nhàm chán. Tác giả đã xuất phát từ tâm trạng ấy mà diễn tả cảnh vật nên ta thấy cảnh vật cũng đang sầu buồn như nàng. Thật là cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!*

Tìm hiểu tâm lòng của Thúy Kiều.

? Tám câu thơ này có tiếp tục tả cảnh không? Có thể chia phần này thành mấy đoạn? (Không tả cảnh nữa mà chủ yếu là bộc lộ tâm trạng).

? Trong bốn câu thơ đầu, nàng nhớ đến ai? (Người dưới nguyệt chén đồng – Kim Trọng).

? Tưởng? Rày trông, mai chờ → ai trông, ai chờ? → Nghĩa của hai câu thơ này? (Nàng nhớ tới người đã cùng nàng uống rượu thề nguyện dưới trăng và hiểu rằng người ấy đang mong ngóng tin nàng).

? Hai câu thơ sau nói về ai? Tâm son? Nàng đang nghĩ gì? (Nàng giờ đã đi rất xa và không còn là của chàng Kim nữa, nàng xót xa khi nghĩ về cảnh ngộ của mình, bị vùi dập hoen ố...)

? Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong bốn câu thơ này?

? Tâm trạng của Kiều thể hiện trong bốn câu thơ này như thế nào?

Kiều tưởng nhớ chàng Kim, nhớ lời thề dưới đêm trăng “dưới nguyệt chén đồng”, thương người yêu đau khổ “rày trông mai chờ”, và bơ vơ cô đơn sầu tủi. Đến bao giờ mới phai được nỗi thương nhớ ấy? Những từ ngữ chỉ không gian và thời gian cách biệt như “dưới nguyệt chén đồng”, “tin sương”, “rày trông mai chờ” “bên trời góc bể”, “tâm son gột rửa”... đã diễn tả và bộc lộ sâu sắc cảm động tình cảm thương nhớ người yêu trong mối tình đầu, nay vì cảnh ngộ mà chia lìa đau đớn. Các động từ- vị ngữ: “tưởng”, “trông”, “chờ”, “bơ vơ”, “gột rửa”, “phai” đã liên kết thành một hệ thống ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật trữ tình. Kiều nhớ người yêu khôn nguôi, xót xa cho mối tình đầu đã nặng lời thề son sắt mà nay bị tan vỡ!

Trong bốn câu sau, nàng nghĩ như thế nào khi nhớ về cha mẹ? Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, thi liệu trong đoạn này có gì đặc biệt?

Nhớ chàng Kim rồi, Kiều xót thương cha mẹ. Các từ ngữ chỉ thời gian xa cách “hôm mai”, “cách mấy nắng mưa”, các thi liệu, điển cố văn học trung hoa như “sân Lai”, “gốc tử” và thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh”, đặc biệt hình ảnh mẹ già “tựa cửa hôm mai” đợi chờ, mong ngóng đứa con lưu lạc quê người đã cực tả nỗi nhớ thương cha mẹ, nỗi đau buồn của đứa con gái đầu lòng đã không thể, không được chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ, khi song thân đã già yếu, khi “gốc tử đã vừa người ôm”. Dường như nàng còn cảm thấy ân hận vì mình đã phụ công nuôi dưỡng của cha mẹ.

Có ý kiến cho rằng “*Kiều nhớ về chàng Kim rồi mới nghĩ về cha mẹ trước là không hiểu thảo*”. Ý kiến em như thế nào?

- Kiều nhớ Kim Trọng trước vì xét về chữ hiếu, nàng đã làm tròn, không phải lo nghĩ nhiều về bổn phận làm con, chỉ thương cho cha mẹ đã già mà không người chăm sóc. Nàng nhớ Kim Trọng trong

nỗi đau xót vì mối tình đầu không trọn vẹn, vì nàng là kẻ phụ bạc lời thề mà Kim Trọng vẫn không hề hay biết nhưng vẫn mong ngóng tin nàng...

- Hai cách tả khác nhau kết hợp với những từ ngữ, hình ảnh cũng khác nhau:

+ Từ ngữ: Tương – xót.

+ Hình ảnh: Dưới nguyệt chén đồng – Quạt nồng ấp lạnh, sân Lai, gốc tử...

+ Tâm trạng: Đau xót, tiếc nhớ người yêu – Xót xa thương cha mẹ.

- Những câu hỏi trong đoạn thơ là lời tự hỏi lòng mình, tự nói với mình → Ngôn ngữ độc thoại nội tâm → Trong hoàn cảnh tù túng, lẻ loi, cô đơn, Kiều vẫn nghĩ đến những người thân yêu nhất. Đó là phẩm chất vị tha đáng quý trong tâm hồn một thiếu nữ thủy chung, hiếu thảo.

- Thể hiện ngòi bút tinh tế nhân văn của nhà thơ khi miêu tả tâm lí của nhân vật. Đối với nàng nỗi đau lớn nhất lúc này là “tám son gột rửa bao giờ cho phai.” Và chính điều đó càng làm cho nàng day dứt về chàng Kim.

3. Tâm trạng của Thúy Kiều.

- Điệp từ, điệp cấu trúc. Bút pháp tả cảnh ngụ tình

- Tâm trạng nhớ nhà, thương thân, nỗi cô đơn rợn ngợp, sự lo lắng hãi hùng của Thúy Kiều trước một tương lai mờ mịt.

? Nhiều nhà nghiên cứu đều nhất trí cho rằng: “Đây là những câu thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc nhất của ND.” Ý kiến của em như thế nào?

* Cửa biển – cánh buồm → Sự cô đơn lẻ loi và nỗi nhớ nhà da diết, hay sự mong ngóng một cái gì mơ hồ nhưng vô vọng.

* Ngọn nước – hoa trôi → Số kiếp hoa trôi bèo nổi của nàng không biết đi đâu về đâu

* Nội cỏ - ...xanh xanh → Cuộc sống tẻ nhạt trôi đi trong vô vọng không biết đến bao giờ mới kết thúc.

* Gió cuốn – sóng ầm ầm → Sự lo sợ hãi hùng về bao tai họa đang dồn đẩy trong tuyệt vọng khôn cùng.

- Cửa bể với cánh buồm thấp thoáng lúc ẩn, lúc hiện làm Kiều chợt nghĩ đến thân phận bơ vơ của mình nơi quê người đất khách.

- Rồi nàng lại “buồn trông” về phía “ngọn nước mới sa”, dõi theo những cánh hoa trôi dạt và tự hỏi “về đâu”... Cánh hoa trôi man mác ấy tượng trưng cho số phận chìm nổi trên dòng đời không biết về đâu, đến đâu. Kiều nhìn hoa trôi trên ngọn nước mà cảm thương cho số phận của mình.

- Nhìn bốn phía “chân mây mặt đất”, nàng chỉ thấy trên cái nền xanh xanh mịt mờ bao la là màu sắc tàn úa, vàng héo “dầu dàu” của nội cỏ. Màu sắc ấy là thể hiện của tâm trạng lo âu của Kiều khi nghĩ đến tương lai mờ mịt, héo tàn của mình. (Liên hệ với màu cỏ trên nấm mồ của Đạm Tiên “Sè sè nấm đất bên đàng / Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh”).

- Nàng nhìn gần hơn, vừa nhìn vừa lắng nghe tiếng gió, gió gào, gió cuốn trên mặt duềnh. Nghe tiếng gió gào, sóng kêu ầm ầm vây quanh ghé ngòi. Âm thanh ấy là biểu tượng cho những tai họa khủng khiếp đang bủa vây, sắp giáng xuống số phận người thiếu nữ nhỏ bé đáng thương...

? Cách kết cấu, sử dụng từ ngữ trong đoạn thơ này có gì đặc biệt? Tác dụng? (Từ láy gợi tả, điệp từ “buồn trông”, từng cặp câu có cấu trúc giống nhau... => tô đậm, nhấn mạnh nỗi buồn của Thúy Kiều).

? Qua đó, em thấy nghệ thuật diễn tả tâm trạng nhân vật của tác giả có gì độc đáo → Tả cảnh ngụ tình

➤ Ở tám câu thơ cuối, điệp ngữ “buồn trông” xuất hiện bốn lần, đứng ở vị trí đầu câu 6 của mỗi cặp lục bát. Hai chữ “buồn trông” là cảm xúc chủ đạo của tâm trạng tê tái đau thương; thương mình và thương người y hân, thương cho thân phận và duyên số... “Buồn trông” vì càng buồn thì càng trông, càng trông lại càng buồn. Đây là đoạn thơ tả cảnh ngụ tình hay nhất trong truyện Kiều. Cứ mỗi cặp lục bát là một nét tâm trạng “buồn trông”. Ngoại cảnh và tâm cảnh, khung cảnh thiên nhiên và diễn biến tâm trạng của nhân vật được diễn tả qua một hệ thống hình tượng và ngôn ngữ mang tính ước lệ, mở ra một trường liên tưởng bi thương.:

LỤC VÂN TIÊN CỨU NGUYỆT NGA (Trích “*Truyện Lục Vân Tiên*”- Nguyễn Đình Chiểu)

1. Nhân vật Lục Vân Tiên.

* Miêu tả hành động, cử chỉ, ngôn ngữ nhân vật.

* Phẩm chất tốt đẹp của Vân Tiên:

- Qua hành động đánh cướp cứu người Lục Vân Tiên bộc lộ tính cách anh hùng tài năng và tấm lòng vị nghĩa.

- Qua thái độ và cách cư xử đối với Kiều Nguyệt Nga bộc lộ tư cách của con người chính trực, hào hiệp, trong nghĩa khinh tài, từ tâm, nhân hậu

⇒ Chàng mang vẻ đẹp lí tưởng

Hình ảnh Lục Vân Tiên được diễn tả qua những hành động, cử chỉ nào?

Tương quan trận đánh ở đây ra sao? (không cân sức: cả một bọn cướp có trang bị vũ khí >< một mình Vân Tiên với chiếc gậy bên đường?)

Diễn biến và Kết thúc trận đánh như thế nào?

Việc làm, tính cách của chàng được so sánh với nhân vật nào? (Triệu Tử Long trong trận Đương Dương).

Hình ảnh Lục Vân Tiên ở đây gợi cho em nhớ đến nhân vật nào trong truyện cổ Trung Hoa? Trong truyện dân gian của ta? (Võ Tòng- Lỗ Trí Thâm trong Thủy Hử; Thạch Sanh trong truyện dân gian).

Qua đó ta thấy Lục Vân Tiên có phẩm chất gì? (dũng cảm quên mình, sẵn sàng làm việc nghĩa hiệp)

Kiểu nhân vật nào của truyện cổ? (Kiểu nhân vật anh hùng có hành động phi thường)

Dẫn những lời nói của Lục Vân Tiên với Kiều Nguyệt Nga.

Vân Tiên đã hỏi han Nguyệt Nga những gì?

- Con ai? Đi đâu? Việc gì?

- Khoan ra: phận gái- phận trai.

Nhận xét về cách cư xử của Vân Tiên? (lịch sự, tế nhị, quan tâm đến người bị nạn)

Khi nghe Nguyệt Nga xin lấy tạ, mời về nhà để đền ơn, chàng đã có cử chỉ, lời nói như thế nào?

- Cười

- Làm ơn há dễ trông người trả ơn

- Nhớ câu kiến nghĩa bất vi.

Nụ cười của Vân Tiên ở đây có ý nghĩa gì? Giải thích những lời nói của Vân Tiên (cười hiền, rất cảm thông, xem nhẹ những điều mình vừa làm...) không nhận cả cái tạ ơn của Nguyệt Nga.

Qua đó em thấy Vân Tiên có những phẩm chất gì? (rất khiêm nhường, xem việc làm việc nghĩa là việc làm tự nhiên, bình thường; là người trọng nghĩa, khinh tài)

Nhận xét về cách xây dựng nhân vật? (miêu tả hành động, cử chỉ, ngôn ngữ để khắc họa tính cách nhân vật)

Vân Tiên là tượng trưng cho hình ảnh của ai? Chàng có những phẩm chất nào? (Vân Tiên là tượng trưng cho hình ảnh của nhân dân, những con người trọng nghĩa khinh tài, là người anh hùng hảo hán)

- Hành động vì nghĩa vong thân.

- Thái độ từ tâm, trọng nghĩa khinh tài.

- Cách cư xử rất mực lễ giáo.

⇒ Hình ảnh người anh hùng hảo hán.

. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga.

* Ngôn ngữ nhân vật

* Nguyệt Nga là một trang tiểu thư nét na, thùy mị, có học thức.

* Là người trọng ân tình, đã tự nguyện gắn bó cuộc đời với LVT và một lòng chung thủy cùng chàng.

Nguyệt Nga đã giải bày những gì cùng Vân Tiên?

- Danh tánh, quê quán, hoàn cảnh gia đình.
- Lý do “thân gái dặm trường”.
- Cảm tạ ân cứu mạng, cứu cả cuộc đời.
- Mời Vân Tiên ngồi để lạy tạ, mời chàng về nhà để đền ơn.

Cách nói năng của Nguyệt Nga có gì đáng chú ý? Lưu ý cách xưng hô, từ dùng cách cư xử của nàng có gì đặc biệt?

- tiện thiếp, chút tôi- gọi là “quân tử” → rất khiêm tốn;
 - Vì vâng lời cha mà đăng trình → con nhà gia giáo)
 - Lạy tạ → biết trân trọng trình tiết.
 - Mời về nhà để cha mẹ đền ơn → Trọng nghĩa, trọng ân.

Tính cách của Nguyệt Nga được bộc lộ qua yếu tố nào? (ngôn ngữ)

Qua đó em thấy nàng có phẩm chất gì đáng quý?

- Kiều Nguyệt Nga là một tiểu thư khuê các, nét na, e lệ có học thức, được giáo dục cẩn thận.
- Nói năng văn vẻ, dịu dàng, mực thước.
- Có sự cảm kích, biết ơn người đã cứu mình.
- Băn khoăn, áy náy, muốn tìm cách để đền ơn...

⇒ Một thiếu nữ trong trắng, trọng đức hạnh, quý ân nghĩa, là hình ảnh đẹp về người phụ nữ truyền thống

Bài : “ĐỒNG CHÍ ” - CHÍNH HỮU.

Đề bài : Phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để thấy bài thơ đã diễn tả sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

I - Mở bài:

Cách 1:

- Chính Hữu là nhà thơ quân đội trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Phần lớn thơ ông hướng về đề tài người lính với lời thơ đặc sắc, cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ hàm súc, cô đọng giàu hình ảnh
- Bài thơ “Đồng chí” là một trong những bài thơ viết về người lính hay của ông. Bài thơ đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

Cách 2: Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vĩ đại, hình ảnh người lính mãi mãi là hình ảnh cao quý nhất, đẹp đẽ nhất. Hình tượng người lính đã đi vào lòng người và văn chương với tư thế, tình cảm và phẩm chất cao đẹp. Một trong những tác phẩm ra đời sớm nhất, tiêu biểu và thành công nhất viết về tình cảm của những người lính Cụ Hồ là “Đồng chí” của Chính Hữu. Bằng những rung động mới mẻ và sâu lắng, bằng chính sự trải nghiệm của người trong cuộc, qua bài thơ “Đồng chí”, Chính Hữu đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

II – Thân bài.

1. Trong 7 câu thơ đầu, nhà thơ lý giải cơ sở hình thành tình đồng chí thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng

- ***Cùng chung cảnh ngộ xuất thân:*** Trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, những chiến sĩ dũng cảm, kiên cường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc không ai khác chính là những người nông dân mặc áo lính. Từ già quê hương, họ ra đi tình nguyện đứng trong đội ngũ những người chiến đấu cho một lí tưởng chung cao đẹp, đó là độc lập tự do cho dân tộc. Mở đầu bài thơ là những tâm sự chân tình về con người và cuộc sống rất bình dị và cũng rất quen thuộc: (trích dẫn 2 câu thơ đầu)

+ Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ. Họ đều là con em của những vùng quê nghèo khó, là những nông dân ở nơi “nước mặn đồng chua” hoặc ở chốn “đất cày lên sỏi đá”. Hình ảnh “quê hương anh” và “làng tôi” hiện lên với biết bao nỗi gian lao vất vả, mặc dù nhà thơ không chú ý miêu tả. Nhưng chính điều đó lại

làm cho hình ảnh vốn chỉ là danh từ chung chung kia trở nên cụ thể đến mức có thể nhìn thấy được, nhất là dưới con mắt của những người con làng quê Việt Nam. Thành ngữ dân gian được tác giả vận dụng rất tự nhiên, nhuần nhuyễn khiến người đọc có thể dễ dàng hình dung được những miền quê nghèo khổ, nơi sinh ra những người lính. Khi nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc, họ sẵn sàng ra đi và nhanh chóng có mặt trong đoàn quân chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc.

=> Hai câu thơ đầu theo cấu trúc sóng đôi, đối ứng: “*Quê anh – làng tôi*” đã diễn tả sự tương đồng về cảnh ngộ. Và chính sự tương đồng về cảnh ngộ ấy đã trở thành niềm đồng cảm giai cấp, là cơ sở cho tình đồng chí, đồng đội của người lính.

- **Cùng chung lí tưởng chiến đấu:** Trước ngày nhập ngũ, những con người này vốn “xa lạ”: (trích 2 câu thơ tiếp)

- Những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, mặn mà như một lời thăm hỏi. Họ hiểu nhau, thương nhau, tri kỉ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những người nghèo, người lao động. Nhưng “tự phương trời” họ về đây không phải do cái nghèo xô đẩy, mà họ về đây đứng trong cùng đội ngũ do họ có một lí tưởng chung, cùng một mục đích cao cả: chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc.

- Hình ảnh : “*Súng bên súng đầu sát bên đầu*”. “Súng” và “đầu” là hình ảnh đẹp, mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ chiến đấu và lí tưởng cao đẹp. Điệp từ “súng” và “đầu” được nhắc lại hai lần như nhấn mạnh tình cảm gắn bó trong chiến đấu của người đồng chí.

- **Tình đồng chí nảy nở bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui**, đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt mà tác giả biểu hiện bằng một hình ảnh thật cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm: “*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*”. Chính trong những ngày thiếu thốn, khó khăn ấy từ “xa lạ” họ đã trở thành tri kỉ của nhau. . Vất vả nguy nan đã gắn kết những người đồng chí khiến họ trở thành người bạn tâm giao gắn bó. Những câu thơ giản dị mà hết sức sâu sắc, như được chất lọc từ cuộc sống, từ cuộc đời người lính gian khổ.

- Từ trong tâm khảm họ, bỗng bật thốt lên hai từ « đồng chí ». Từ “đồng chí” được đặt thành cả một dòng thơ ngắn gọn mà ngân vang, giản dị mà thiêng liêng. Từ “đồng chí” với dấu chấm cảm như một nốt nhấn đặc biệt mang những sắc thái biểu cảm khác nhau, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình cảm mới mẻ này.

=. Như vậy, trong tình đồng chí có tình cảm giai cấp (xuất thân từ nông dân), có tình bạn bè tri kỉ và có sự gắn bó giữa con người cùng chung lí tưởng, chung mục đích chiến đấu. Và khi họ gọi nhau bằng tiếng “đồng chí” họ không chỉ còn là người nông dân nghèo đói lam lũ, mà họ đã trở thành anh em trong cả một cộng đồng với một lí tưởng cao cả vì đất nước quên thân để tạo nên sự hồi sinh cho quê hương, cho dân tộc. Câu thơ vền vẹn có 2 chữ như chất chứa, dồn nén bao cảm xúc sâu xa từ sáu câu thơ trước và khởi đầu cho những suy nghĩ tiếp theo.

2. Nhưng Chính Hữu đã không dừng lại ở việc biểu hiện những xúc cảm về quá trình hình thành tình đồng chí. Trong mười câu thơ tiếp theo nhà thơ sẽ nói với chúng ta về những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí - Trước hết, đồng chí là sự thấu hiểu và chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của nhau. (3 câu thơ đầu khổ 2)

+ Họ là những người lính gác tình riêng ra đi vì nghĩa lớn, để lại sau lưng mảnh trời quê hương với những bản khoán, trần trở. Lên đường đi chiến đấu, người lính chấp nhận sự hi sinh, tạm gạt sang một bên những tính toán riêng tư. Hai chữ “mặc kệ” đã nói lên được cái kiên quyết dứt khoát mạnh mẽ của người ra đi khi lí tưởng đã rõ ràng, khi mục đích đã lựa chọn.

+ Song dù dứt khoát, mạnh mẽ ra đi nhưng những người lính nông dân hiền lành chân thật ấy vẫn nặng lòng với quê hương. Ta hiểu rằng những người lính càng cố gắng kiềm chế tình cảm bao nhiêu thì tình cảm ấy càng trở nên bỏng cháy bấy nhiêu. Nếu không đã chẳng thể cảm nhận được sự nhớ nhung của hậu phương: “*giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*”. Hình ảnh thơ hoán dụ mang tính nhân hoá này càng tô đậm sự gắn bó yêu thương của người lính đối với quê nhà. Giếng nước gốc đa kia nhớ người ra

lính hay chính tâm lòng người ra lính không nguôi nhớ quê hương và đã tạo cho giếng nước gốc đa một tâm hồn?

=> Quả thực giữa người chiến sĩ và quê hương anh đã có một mối giao cảm vô cùng sâu sắc đậm đà. Tác giả đã gọi nên hai tâm tình như đang soi rọi vào nhau đến tận cùng. Tâm tư ấy, nỗi nhớ nhung ấy của “anh” và cũng là của “tôi”, là đồng chí họ thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau. Tình đồng chí đã được tiếp thêm sức mạnh bởi tình yêu quê hương đất nước ấy.

- Tình đồng chí còn là sự đồng cam cộng khổ, sự sẻ chia những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính: (Anh với mảnh vá)

- Là người lính, các anh đã từng trải qua những cơn sốt rét nơi rừng sâu trong hoàn cảnh thiếu thuốc men, lại thêm trang phục phong phanh giữa mùa đông lạnh giá: “áo rách vai, quần tôi vài mảnh vá, chân không giày...” Tất cả những khó khăn gian khổ được tái hiện bằng những chi tiết hết sức thật, không một chút tô vẽ. Ngày đầu của cuộc kháng chiến, quân đội Cụ Hồ mới được thành lập, thiếu thốn đủ đường. Đọc những câu thơ này, ta vừa không khỏi chạnh lòng khi thấu hiểu những gian nan vất vả mà thế hệ cha ông đã từng trải qua vừa trào dâng một niềm kính phục ý chí và bản lĩnh vững vàng của những người lính vệ quốc.

- Cùng hướng về một lí tưởng, cùng nếm trải sự khắc nghiệt của chiến tranh, người lính chia sẻ cho nhau tình thương yêu ở mức tốt cùng.

- Chi tiết “miệng cười buốt giá” đã ám lên, sáng lên tình đồng đội và tinh thần lạc quan của người chiến sĩ. Rồi đến cái cử chỉ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” đã thể hiện được tình thương yêu đồng đội sâu sắc. Cách biểu lộ tình thương yêu không ồn ào mà thâm thía. Trong buốt giá gian lao, những bàn tay tìm đến để truyền cho nhau hơi ấm, truyền cho nhau niềm tin, truyền cho nhau sức mạnh để vượt qua tất cả, đẩy lùi gian khổ. Những cái nắm tay ấy đã thay cho mọi lời nói. Câu thơ ám áp trong ngọn lửa tình cảm thân thương! Nhà thơ đã phát hiện rất tinh cái sức mạnh tinh thần ẩn sâu trong trái tim người lính. Sức mạnh tinh thần ấy, trên cơ sở cảm thông và thấu hiểu sâu sắc lẫn nhau đã tạo nên chiều sâu và sự bền vững của thứ tình cảm thầm lặng nhưng rất đổi thiêng liêng này.

3. Ba câu thơ cuối là bức tranh đẹp về tình đồng chí: (trích dẫn)

- Ba câu thơ tả một đêm phục kích giặc. Nền bức tranh là đêm – “rừng hoang sương muối” gợi ra một cảnh tượng âm u, hoang vắng và lạnh lẽo. Không chỉ cái giá, cái rét cứ theo đuổi mà còn bao nguy hiểm đang rình rập người chiến sĩ.

- Nổi bật trên nền hiện thực khắc nghiệt ấy là những người lính đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới trong cái nơi mà sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc. Từ “chờ” cũng đã nói rõ cái tư thế, cái tinh thần chủ động đánh giặc của họ. Rõ ràng khi những người lính đứng cạnh bên nhau vững chãi, truyền cho nhau hơi ấm thì tình đồng chí đã trở thành ngọn lửa sưởi ấm họ để họ có sức mạnh vượt qua cái cái gian khổ, ác liệt, giá rét ấy... Tầm vóc của những người lính bỗng trở nên lớn lao anh hùng

- Câu thơ cuối là một hình ảnh đẹp được nhận ra từ những đêm hành quân phục kích giặc của chính người lính. Đêm khuya, trăng trên vòm trời cao đã sà xuống thấp dần, ở vào một vị trí và tầm nhìn nào đó, vầng trăng như treo trên đầu mũi súng của người chiến sĩ đang phục kích chờ giặc. Trong hoàn cảnh hết sức gian khổ khốc liệt: đêm đông giá lạnh, rừng hoang sương muối, cái chết cận kề, tâm hồn nhạy cảm của người chiến sĩ vẫn tìm thấy chất thơ bay bổng trong vẻ đẹp bất ngờ của trăng. Bốn chữ “Đầu súng trăng treo” chia làm hai vế làm nhịp thơ đột ngột thay đổi, dồn nén, như nhịp lắc của một cái gì đó chông chênh, trong bát ngát... gây sự chú ý cho người đọc. Từ “treo” đã tạo nên một mối quan hệ bất ngờ độc đáo, nối hai sự vật ở cách xa nhau - mặt đất và bầu trời, gợi những liên tưởng thú vị, bất ngờ. “Súng” là biểu tượng của chiến đấu, “trăng” là biểu tượng của cái đẹp, cho niềm vui lạc quan, cho sự bình yên của cuộc sống. Súng và trăng là hư và thực, là chiến sĩ và thi sĩ, là “một cặp đồng chí” tô đậm vẻ đẹp của những cặp đồng chí đang đứng cạnh bên nhau. Chính tình đồng chí đã làm cho người chiến sĩ cảm thấy cuộc đời vẫn đẹp, vẫn thơ mộng, tạo cho họ sức mạnh chiến đấu và chiến thắng.

=> Hiếm thấy một hình tượng thơ nào vừa đẹp vừa mang đầy ý nghĩa như “Đầu súng trăng treo”. Đây

là một sáng tạo đầy bất ngờ góp phần nâng cao giá trị bài thơ, tạo được những dư vang sâu lắng trong lòng người đọc.

4. Suy nghĩ về tình đồng chí: Như vậy tình đồng chí trong bài thơ là tình cảm cao đẹp và thiêng liêng của những con người gắn bó keo sơn trong cuộc chiến đấu vĩ đại vì một lý tưởng chung. Đó là mối tình có cơ sở hết sức vững chắc: sự đồng cảm của những người chiến sĩ vốn xuất thân từ những người nông dân hiền lành chân thật gắn bó với ruộng đồng. Tình cảm ấy được hình thành trên cơ sở tình yêu Tổ Quốc, cùng chung lý tưởng và mục đích chiến đấu. Hoàn cảnh chiến đấu gian khổ và ác liệt lại tôi luyện thử thách làm cho mối tình đồng chí đồng đội của những người lính càng gắn bó, keo sơn. Mối tình thiêng liêng sâu nặng, bền chặt đó đã tạo nên nguồn sức mạnh to lớn để những người lính “áo rách vai”, “chân không giày” vượt lên mọi gian nguy để đi tới và làm nên thắng trận để viết lên những bản anh hùng ca Việt Bắc, Biên giới, Hoà Bình, Tây Bắc.... tô thắm thêm trang sử chống Pháp hào hùng của dân tộc.

5. Hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng chí”

- Bài thơ về tình đồng chí còn cho ta thấy vẻ đẹp bình dị mà cao cả của người lính cách mạng, cụ thể ở đây là anh bộ đội hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

+ Hoàn cảnh xuất thân: họ là những người nông dân nghèo ra đi từ hai miền đất xa nhau: “nước mặn đồng chua”, “đất cây lên sỏi đá.”

+ Họ ra đi vì nghĩa lớn (hai chữ “mặc kệ” nói được cái dứt khoát, mạnh mẽ ...mặc dù vẫn luôn lưu luyến với quê hương “giếng nước gốc đa....”

+ Họ đã trải qua những gian lao, thiếu thốn tột cùng, những cơn sốt rét run người, trang phục phong phanh giữa mùa đông lạnh giá => Những gian khổ càng làm nổi bật vẻ đẹp của anh bộ đội: sáng lên nụ cười của người lính (miệng cười buốt giá)

+ Đẹp nhất ở họ là tình đồng chí đồng đội sâu sắc, thắm thiết

+ Kết tinh hình ảnh người lính và tình đồng chí của họ là bức tranh đặc sắc trong đoạn cuối của bài thơ.

III - Kết luận:

Bài thơ “Đồng chí” vừa mang vẻ đẹp giản dị lại vừa mang vẻ đẹp cao cả thiêng liêng, thơ mộng. Cấu trúc song hành và đối xứng xuyên suốt bài thơ làm hiện lên hai gương mặt người chiến sĩ rất trẻ như đang thủ thi, tâm tình, làm nổi bật chủ đề tư tưởng: Tình đồng chí gắn bó keo sơn. Chân dung người lính vệ quốc trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp hiện lên thật đẹp đẽ qua những vần thơ mộc mạc, chân tình mà gợi nhiều suy tưởng. Với những đặc điểm đó, bài thơ xứng đáng là một trong những tác phẩm thi ca xuất sắc về đề tài người lính và chiến tranh cách mạng của văn học Việt Nam .

Đề : Phân tích "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.

I. Mở bài :

- Hoàn cảnh sáng tác : năm 1969, trong cuộc chiến đấu gian khổ của những chiến sĩ lái xe đường Trường Sơn thời chống Mỹ.

- Bài thơ hay trong chùm thơ đạt giải nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ năm 1969 - 1970, tiêu biểu cho phong cách thơ Phạm Tiến Duật.

- Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trẻ những năm chống Mỹ "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước - Mà lòng phơi phới dậy tương lai"(Tố Hữu), Phạm Tiến Duật có giọng thơ mang chất lính, khoẻ, dạt dào sức sống, tinh nghịch vui tươi, giàu suy tưởng. "Bài thơ về tiểu đội không kính" (trong chùm thơ được giải nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ năm 1969-1970) được Phạm Tiến Duật viết năm 1969 là bài thơ tự do mang phong cách đó.

II. Thân bài :

1. Cái độc đáo đã bộc lộ ngay từ nhan đề bài thơ

- Hai chữ “Bài thơ..” nói lên cách khai thác hiện thực : không phải chỉ viết về những chiếc xe không kính, chỉ viết về hiện thực khốc liệt của chiến tranh mà chủ yếu khai thác chất thơ vút lên từ hiện thực

ấy, chất thơ của tuổi trẻ Việt Nam vượt lên những khắc nghiệt của chiến tranh.

2. Sáng tạo độc đáo nhất là hình ảnh những chiếc xe không kính

- "Không có kính không phải vì xe không có kính" : câu thơ như một câu văn xuôi.

- Hình ảnh thơ lạ :

+ Hình ảnh xe cộ tàu thuyền đi vào trong thơ thường là được "mỹ lệ hoá", "lãng mạn hoá" và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn tả thực: (liên hệ thơ Xuân Diệu, Tế Hanh, Puskin..)

+ Hình ảnh những chiếc xe không kính có phần như xấu xí, trần trụi trong thơ Phạm Tiến Duật là hình ảnh không hiếm trong chiến tranh chống Mỹ trên đường Trường Sơn lửa đạn nhưng phải là một chiến sĩ, một nghệ sĩ tâm hồn nhạy cảm, trực tiếp sẵn sàng chiến đấu cùng những người lính lái xe thì nhà thơ mới phát hiện được chất thơ của hình ảnh ấy để đưa vào thơ ca một cách sáng tạo, nghệ thuật.

- Nguyên nhân : "Bom giạt, bom rung kính vỡ đi rồi"

=> Lấy hình ảnh những chiếc xe không kính là một đề tài khái quát về chiến tranh khốc liệt ở Trường Sơn, nơi sự sống và cái chết chỉ cách nhau trong gang tấc. Không tô vẽ, không cường điệu mà tả thực, nhưng chính cái thực đã làm người suy nghĩ, hình dung mức độ ác liệt của chiến tranh, bom đạn giặc Mỹ.

3. Vẻ đẹp của hình ảnh người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn:

a. Tư thế ung dung mà hiên ngang được diễn tả cụ thể qua cảm giác của người lính lái xe khi ngồi trên những chiếc xe không kính : (Ung dung...nhìn thẳng)

- Trước hết là tư thế "ung dung" ngồi với cái nhìn thẳng thực sự ấn tượng với người đọc=> Hoàn toàn không có chút nào của sự sợ hãi hay lo lắng.

- "Gió": sự vật vô hình không thể nhìn thấy, lại được nhân hóa với bàn tay mềm mại xoa vào đôi mắt vốn cay xè vì bụi đường, vì thiếu ngủ, đó là cái nhìn rất thơ của người lính trong hoàn cảnh.

- "Con đường chạy": câu thơ miêu tả chính xác, ấn tượng về vận tốc của đoàn xe, xe chạy với vận tốc lớn. con đường phía trước như, lao về phía mình. "Con đường" vừa tả thực, vừa tượng trưng, con đường cách mạng-con đường dẫn đến chiến thắng. vì thế, đoàn xe vun vút lao đi, quãng đường rút ngắn lại, miền Nam, đích đến của đoàn xe đã cận kề.

- Một lần nữa là cái nhìn rất thơ của người lính lái xe không kính còn là dịp để con người và thiên nhiên trở nên gần gũi, giao hòa, xe không kính nên "sao trời", "cánh chim" thả sức "sa", "ùa" vào buồng lái để trở thành người bạn đường thân thiết. Dường như nhà thơ ngồi sau tay lái nên từng câu từng chữ mới sinh động đến vậy. Và phải yêu lắm cuộc đời người lính, phải can trường và tự tin lắm trước nghịch cảnh, người chiến sĩ lái xe mới có được tâm hồn trẻ trung yêu đời đến như thế.

b. Thái độ bất chấp gian khổ, hiểm nguy : (Không có...khô mau thôi)

+ Điệp ngữ và những câu thơ lặp cấu trúc tự nhiên như văn xuôi, như lời nói thường ngày "Không có kính, ừ thì...", "chưa cần ..." thể hiện tính cách ngang tàng, bất chấp gian khổ. Đối với họ khó khăn gian khổ, nguy hiểm không có ý nghĩa gì, họ xem đây là cơ hội để thử thách sức mạnh ý chí. Yêu đời, tiếng cười sảng khoái của họ làm quên đi những nguy hiểm. Câu thơ "nhìn nhau mặt lấm cười ha ha" biểu lộ sâu sắc sự lạc quan ấy. Không chỉ thế ở họ còn toát lên một tính cách sôi nổi trẻ trung qua cách "phì phèo" hút thuốc rất tinh nghịch.

=> Từ trong buồng lái chiếc xe không kính, những người lính lái xe đã phải đương đầu với những khó khăn, thử thách hết sức khốc liệt. Ngoài mưa bom, bão đạn của kẻ thù vẫn ngày đêm cày xới ngang dọc những vạt rừng Trường Sơn, các anh còn phải chống chọi với những thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên: nắng thì bụi, mưa thì ướt. Trong những khó khăn nhất của cuộc chiến đấu ấy, các anh vẫn vươn lên, vượt qua tất cả mọi thử thách để hoàn thành nhiệm vụ: lái trăm cây số nữa để đem hàng đến nơi quy định.

c. Tình đồng chí đồng đội sâu sắc gắn bó (Gặp bè bạn...gia đình đây)

+ Giữa những khoảnh khắc của chiến tranh, giữa sống chết, những người lính trẻ từ những miền quê khác nhau nhưng cùng một nhiệm vụ, lý tưởng đã gắn bó nhau như ruột thịt, gia đình. Không cần biết

anh từ đâu tới, tính cách như thế nào chỉ cần chung nhau một bữa cơm trên đường ra trận là chúng ta trở thành gia đình.

+ “Bắt tay... võ rồi”: làm ta liên tưởng đến cái “thương nhau tay... bàn tay” trong bài thơ Đồng chí. Chính khó khăn gian khổ đã kéo họ lại gần nhau hơn. Kính xe không còn và đường như giữa họ cũng ko còn khoảng cách => Tình đồng chí là truyền thống của quân đội ta, giúp những người lính sống, chiến đấu và chiến thắng.

+ "Lại đi, lại đi, trời xanh thêm" :câu thơ với năm thanh bằng và điệp ngữ lại đi tạo âm điệu thanh thản, nhẹ nhàng. Hình ảnh bầu trời xanh phơi phới một niềm lạc quan, yêu đời vì lòng người phơi phới say mê trước những chặng đường đã đi và đang đến. "Trời xanh thêm" vì lòng người luôn có niềm tin về một ngày mai chiến thắng.

d. Lòng yêu nước sâu sắc

- Những người lính lái xe hiên ngang, dũng cảm, lạc quan, trẻ trung sôi nổi, giàu tình đồng chí đồng đội, có lòng yêu nước sâu sắc. Lòng yêu nước là một động lực tạo cho họ ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam, đánh bại giặc Mỹ và tay sai để thống nhất Tổ quốc : (khổ thơ cuối)

+ Khổ thơ cuối cùng vẫn giọng thơ mộc mạc, mà nhạc điệu hình ảnh rất đẹp, rất thơ, cảm hứng và suy tưởng vừa bay bổng vừa sâu sắc để hoàn thiện bức chân dung tuyệt vời của những chiến sĩ vận tải Trường Sơn. Bốn dòng thơ dựng hai hình ảnh đối lập đầy kịch tính, bất ngờ thú vị.

+ Hai câu đầu dồn dập những mất mát khó khăn do quân thù gieo xuống, do đường trường gây ra : xe không kính, không đèn, không mui, thùng xe bị xước ... Điệp ngữ "không có" nhắc lại ba lần như nhân lên những thử thách khốc liệt. Hai dòng thơ ngắt làm bốn khúc "không có kính/ rồi xe không có đèn / Không có mui xe / thùng xe có xước" như bốn chặng gặp ghềnh, khúc khuỷu, đầy chông gai bom đạn, âm điệu đối chọi lại, trôi chảy, hình ảnh đậm nét => Đoàn xe đã chiến thắng, vượt lên bom đạn, hăm hở hướng ra tiền tuyến lớn với tình cảm thiêng liêng "vì miền Nam", vì cuộc chiến đấu giành độc lập, thống nhất cho cả nước. Chói ngời, toả sáng khổ thơ, cả bài thơ là hình ảnh "trong xe có một trái tim" .

+ Cội nguồn sức mạnh của cả đoàn xe, gốc rễ anh hùng của mỗi người cầm lái tích tụ, kết đọng ở "trái tim" gan góc, kiên cường, chứa chan tình yêu nước này. Ẩn sau ý nghĩa câu thơ "chỉ cần trong xe có một trái tim" là chân lý của thời đại chúng ta :sức mạnh quyết định, chiến thắng không phải là vũ khí, công cụ mà là con người giàu ý chí, anh hùng, lạc quan, quyết thắng. Có thể cả bài thơ hay nhất là câu cuối, "con mắt của thơ", làm bật lên chủ đề, toả sáng vẻ đẹp của hình tượng nhân vật trong bài thơ.

III. Kết bài :

"Bài thơ về tiểu đội xe không kính" là một bài thơ đặc sắc tiêu biểu cho phong cách thơ Phạm Tiến Duật cũng như một số tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ Lửa đèn, Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây, Nhớ,...Chất giọng trẻ, chất lính của bài thơ bắt nguồn từ tâm hồn phơi phới của thế hệ chiến sĩ Việt Nam thời chống Mỹ mà chính nhà thơ đã sống, đã trải nghiệm. Từ sự giản dị của ngôn từ, sự sáng tạo của hình ảnh chi tiết, sự linh hoạt của nhạc điệu, bài thơ đã khắc hoạ, tôn vinh vẻ đẹp phẩm giá con người, hoà nhập với cảm hứng lãng mạn cách mạng và âm hưởng sử thi hào hùng của văn học Việt Nam trong ba mươi năm chống xâm lược 1945 - 1975.

Đề : Phân tích bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" - Huy Cận.

I- Mở bài :

- Giới thiệu Huy Cận - Một nhà lãng mạn trước cách mạng tháng Tám - Nhà thơ cách mạng sau cách mạng tháng Tám.

- Sớm hoà nhập vào cuộc sống mới, trong chuyến đi công tác ở Hồng Gai - sáng tác bài "Đoàn thuyền đánh cá".

- Đây là bài thơ có giá trị đặc sắc, đánh giá được sự thành công trong bút pháp của Huy Cận.

II-Thân bài :

1) Cảnh đoàn thuyền ra khơi (Mặt trời... sập cửa)

- Một bức tranh thiên nhiên đẹp, có cái thoáng rộng của không gian và thời gian của một ngày đang khép lại. Trong cái mênh mông ấy nổi bật lên hình ảnh mặt trời được ví như "hòn lửa" đỏ rực gọi tả màu sắc sinh động của buổi hoàng hôn trên biển đang chuyển về đêm. Bầu trời và mặt biển bao la như ngôi nhà vũ trụ trong khoảnh khắc đã phủ bóng tối mịt mùng, còn những con sóng như chiếc "then cài" của ngôi nhà vĩ đại ấy. Biện pháp nhân hóa "*sóng đã cài then, đêm sập cửa*" khiến thiên nhiên như những con người biết hoạt động, biết nghỉ ngơi. Cảm hứng vũ trụ, các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa đã tạo nên những vần thơ đẹp cho người đọc nhiều ấn tượng.

- Khi vũ trụ đi vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu hoạt động : (Đoàn thuyền...gió khơi)
- Không phải từng chiếc thuyền lẻ tẻ mà là cả 1 đoàn thuyền, một sức mạnh mới của cuộc đời đổi thay đang bắt đầu căng buồm. Từ "lại" trong cụm từ "lại ra khơi" là sự khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã ổn định, đã đi vào nề nếp. Đoàn thuyền ra khơi với khí thế căng tràn. Cảnh tượng ấy thể hiện qua nghệ thuật tương phản: giữa cảnh ngày tàn với đêm mở ra, giữa cái tĩnh (vũ trụ) và cái động (con người). Nhạc điệu cũng có sự đối lập: tả vũ trụ với những vần trắc liên tiếp (lửa-cửa) như khép lại, và những vần bằng (khơi-khơi) như mở ra, ngân nga kéo dài .

- "*Câu hát căng buồm cùng gió khơi*" : Một chi tiết lãng mạn đầy sáng tạo được xây dựng bằng trí tưởng tượng, liên tưởng, khiến ta tưởng như tiếng hát hòa cùng gió mạnh thổi căng cánh cánh buồm đẩy thuyền rẽ sóng ra khơi. Cánh buồm no gió, no tiếng hát biểu hiện niềm lạc quan, phấn khởi, nhiệt tình lao động của đoàn thuyền.

2) Cảnh lao động đánh cá trên biển :

- Mở đầu khổ thứ ba là hình ảnh đoàn thuyền lướt đi giữa trời cao biển rộng có cái lằng lằng, sáng khoái lạ thường: "*Thuyền ta biển bằng*" => Hai câu thơ đẹp như một bức tranh lồng lộng trời mây, mênh mông biển cả. Hình ảnh đoàn thuyền đc làm đẹp thêm bởi một sức tưởng tượng kỳ lạ, giàu chất lãng mạn: lái bằng và trắng dẹt thành cánh buồm. Cách nói như vậy giúp ta cảm nhận đc thuyền và con người như hòa nhập vào thiên nhiên bát ngát. Từ "*lướt*" đặc tả cảnh đoàn thuyền ra khơi với vận tốc phi thường; thiên nhiên cùng góp sức với con người trên con đường lao động và khám phá. Tư thế ra khơi nhẹ nhàng, thoải mái, đầy khí thế đó chỉ có ở những con người vừa thoát khỏi kiếp sống nô lệ, được làm chủ sản xuất, làm chủ đất trời, sông biển của mình.

- Nhưng lao động không phải là một cuộc du ngoạn. Hai câu thơ tiếp như miêu tả hình ảnh một trận đánh, một cuộc chiến đấu với thiên nhiên bằng tất cả trí tuệ và năng lực nghề nghiệp. Nhịp thơ mạnh nên hồi hả, lời cuốn:

"*Ra đâu vẫy giăng*" => Bên cạnh cái ung dung, sáng khoái của người dân chài, ta vẫn cảm nhận được nỗi vất vả của họ. Họ phải vượt bao dặm biển trong trời đêm, rồi phải "*dò bụng biển*", tìm ra bãi cá, "*dàn đan thế trận*" để bủa lưới bắt cá. Lúc này, mỗi thủy thủ là một chiến sĩ, một chiến sĩ trên biển và con thuyền, mái chèo, lưới, các ngư cụ khác chính là vũ khí của họ. Huy Cận phải có sự am hiểu sâu sắc về nghề chài lưới này và lòng thông cảm với người lao động mới vẽ đc bức tranh vừa hiện thực, sinh động mà lãng mạn ấy.

- Bức tranh lao động được tô điểm bằng vẻ đẹp của thiên nhiên. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển và cá cũng có những sáng tạo bất ngờ, độc đáo: "*Cá nhụ,..... vàng chocé*" => Bút pháp lãng mạn và trí tưởng tượng của nhà thơ dẫn ta vào một cõi huyền ảo của biển trời với bao nhiêu loài cá mang màu sắc lung linh kì ảo dưới ánh trăng. Nghệ thuật liệt kê và điệp từ "*cá*" như khắc họa rõ từng đường nét, góp phần làm biển trở nên thơ mộng vô cùng. Cách diễn tả như vậy giúp ta cảm nhận đc cái giàu đẹp của biển, vì tất cả ánh sáng, màu sắc đều là của cá và do cá tạo nên. Nghệ thuật phối màu sắc tài tình làm cho vần thơ đẹp như một bức tranh sơn mài rực rỡ. Bầy cá như những nàng tiên trong vũ hội.....

- Cảnh đẹp không chỉ ở màu sắc, ánh sáng, mà còn ở âm thanh. Nhìn bầy cá bơi lượn, nhà thơ lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rào: "*Đêm thở :sao lùa nước Hạ long*" => Đêm như được nhân hóa như một sinh vật của đại dương: nó "*thở*". Nhịp thở của đêm là tiếng sóng vỗ rì rào, cao thấp. Sao phản chiếu lấp

lánh trên từng đợt sóng "lùa", mặt nước càng làm tiếng thở có vẻ kỳ ảo. Nó là sự độc đáo, mới lạ trong sáng tạo nghệ thuật. Lao động trong một khung cảnh nên thơ như vậy quả là thú vị.

- Cùng với chất lãng mạn, bay bổng, người dân chài cất lời hát tả lại công việc lao động với niềm tự tin và yêu đời mãnh liệt: "*Ta trắng cao*" => Bài hát căng buồm đưa đoàn thuyền ra khơi, bài hát lại vang lên trong công việc, biến lao động cực nhọc thành niềm vui. Lời ca gọi cá vào lưới nâng cao thêm chất thơ mộng của bức tranh. Người dân chài gõ thuyền xua cá vào lưới, nhưng đây không phải là con người mà ánh trăng: trăng in xuống dòng nước, sóng vỗ vào mạn thuyền thành hình ảnh "*nhịp trăng*" gõ thuyền. Hiện thực được trí tưởng tượng sáng tạo thành hình ảnh lãng mạn, giàu chất thơ. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển cả và con người là cái nhìn tươi tắn, lạc quan, ông như hòa nhập vào công việc, vào con người, vào biển cả.

- Từ đó, cảm xúc dâng trào, không thể kìm nén tiếng hát ca ngợi biển: "*Biển cho thưởng nào*" => Biển giàu, biển đẹp, biển đem hạnh phúc đến cho con người. Biển hào phóng cho con người nhiều tôm cá, muối, hải sản... Biển như lòng mẹ đã nuôi sống dân ta từ bao đời nay. Giọng thơ tự nhiên, tha thiết, chân thành có âm hưởng ca dao. Hình ảnh so sánh "*như lòng mẹ*" quen thuộc, có sức truyền cảm mãnh liệt, thể hiện tình yêu biển, yêu đời chan chứa của những con người gắn bó với biển từ bao đời, bao thế hệ.

- Bóng đêm đang dần tàn, một đêm trôi qua thật nhanh trong nhịp điệu lao động hào hứng, hăng say. Trên bầu trời, sao đã thưa và mờ. Ngày đang đến, nhịp độ lao động ngày càng khẩn trương, Cảnh kéo lưới đc miêu tả đầy ấn tượng. "*Sao mờ cá nặng*" => Nhịp thơ 2-2-3 phù hợp với nhịp lao động khẩn trương. Hình ảnh "*kéo xoắn tay*" miêu tả dáng người dân chài choãi chân, nghiêng mình trụ vững, dồn tất cả sức mạnh vào đôi cánh tay cuộn cuộn trông mới đẹp làm sao! Trong cái "*chùm cá nặng*" như có sức ắp chứa bao niềm vui tươi, sung sướng của người ngư dân trước thành quả mà họ đã tốn bao công sức mới thu hoạch được.

- Nghệ thuật dùng từ của tác giả thật điêu luyện. Sắc cá dưới ánh trăng và sắc cá dưới ánh bình minh đều được miêu tả tuyệt đẹp. "*Vảy bạc đuôi vàng lóe rạng đông*" => Câu thơ có màu sắc rực rỡ, nó mang lại thi vị, vẻ hấp dẫn riêng cho việc kéo lưới bình thường.

- Câu thơ cuối nhịp thơ gọn, dứt khoát: "*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng*". Lời thơ giản dị biểu hiện niềm thư thái của con người: lưới xếp nghỉ, kéo buồm lên, trở về trong buổi bình minh. "*Nắng hồng*" không những khắc họa được vẻ đẹp tươi sáng của bầu trời mà còn thể hiện được lòng yêu đời, yêu thiên nhiên. Màu hồng của một ngày mới, một cuộc đời mới đang chào đón mọi người.

3) Cảnh đoàn thuyền trở về.

- Đoàn thuyền trở về lại cất cao tiếng hát chào mừng thắng lợi "Câu hát căng buồm với gió khơi".

- Con người đang cùng thiên nhiên đua tài "Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời" --> Cách nói khoa trương nâng con người lên tầm cao ngang bằng vũ trụ.

- Đoàn thuyền trở về trong cảnh trời bừng sáng. "Mặt trời đội biển nhô mau mới" - sự hoà hợp giữa thiên nhiên và con người trong sức sống của một ngày mới. Mỗi câu là một hình ảnh góp vào làm cho khổ thơ trở thành một bức tranh hùng vĩ và sống động - và đẹp nhất là hình ảnh "Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi" --> Hình ảnh tượng trưng "mắt cá huy hoàng" đó là thành tích của một đêm làm việc cật lực, là hình ảnh tương lai rạng rỡ huy hoàng trong cuộc sống mới.

- Bài thơ kết thúc bằng một hình ảnh đẹp của một ngày mới, khi đoàn thuyền trở về với cá đầy ắp: *mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi*, độ nhiệt tình, yêu lao động. Mở đầu bài thơ là hình ảnh "*mặt trời xuống*", giờ là "*mặt trời đội biển*" nhô lên giữa những sóng nước mênh mông. Không khí lao động cực kỳ phấn khởi bởi niềm vui chiến thắng, với thái độ nhiệt tình, yêu lao động khép lại bài thơ và thể hiện một tương lai tươi sáng hơn trong công cuộc xây dựng đất nước.

III- Kết bài :

Bài thơ có nghệ thuật đặc sắc độc đáo, chính trí tưởng tượng dồi dào, bút pháp lãng mạn giàu sức sống đã sáng tạo nên những hình ảnh đầy thú vị, đầy chất thơ, làm đẹp thêm lên những con người lao động

và công việc lao động đánh bắt cá trên biển.

- Từ thể thơ, nhạc điệu trong thơ lúc sôi nổi say sưa, lúc thì ngân nga lâng lâng ... làm say lòng người. Bài thơ như lời hát đầy nhiệt tình của những con người yêu nghề, yêu biển hăng hái tích cực góp phần mình xây dựng xã hội mới ở những thời kỳ đầu của đất nước miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Bài thơ luôn giữ được vị trí xứng đáng trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam.

* **Phân tích khổ thơ đầu của bài Đoàn thuyền đánh cá**

Đoàn thuyền đánh cá của huy cận là một bài ca ngợi hành trình đánh cá ra biển khơi của những người ngư dân ở vùng biển khơi Quảng Ninh. Khổ thơ đầu tiên là hành trình ra khơi đánh cá .Đó là 1 câu chuyển ra khơi của đoàn thuyền vào lúc :

" Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then đêm chập cửa"

Lúc hoàng hôn buông xuống, vũ trụ bắt đầu nghỉ ngơi thì con người cũng bắt đầu chuyến hành trình ra khơi.Hình ảnh so sánh mặt trời xuống biển như hòn lửa đã tạo cho không gian biển cả vào đêm trở nên tráng lệ và kì vĩ và bằng cảm quan của những con người đã từng gắn bó với biển cả nhà thơ đã góp sự liên tưởng thật độc đáo: biển cả như một ngôi nhà lớn có cửa đóng, then cài " sóng đã cài then đêm sập cửa". Những đợt sóng vỗ vào bờ liên tưởng như cái then cài và màn đêm buông xuống như cánh cửa của ngôi nhà lớn.Nghệ thuật nhân hóa được sử dụng khéo léo, tài tình làm cho khung cảnh thiên nhiên vừa tráng lệ, vừa kì vĩ, biển cả vừa huyền bí, vừa ẩn gũi thân thuộc với con người. Người ngư dân ra với biển cả đại dương cũng là trở về với ngôi nhà lớn của mình. Chính vì vậy mà họ ra đi với một khí thế thật hào hứng:

"đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
câu hát căng buồm cùng gió khơi"

từ lại đã diễn tả hành trình ra khơi đánh cá của người ngư dân là một công việc thường nhật.Họ ra đi vs câu hát căng buồm. Đó là tiếng hats khỏe khoắn, tiếng hát thể hiện niềm vui say lao động, tinh thần phấn chấn của những con người lao động mới.Có thể nói khổ thơ mở đầu đã diễn tả khí thế hào hứng và tình yêu lao động của những con người đánh cá trên biển khơi.

BẾP LỬA của Bằng Việt.

I. Mở bài

- Trong cuộc đời, ai cũng có riêng cho mình những kỉ niệm của một thời ấu thơ hồn nhiên, trong sáng. Những kỉ niệm ấy là những điều thiêng liêng, thân thiết nhất, nó có sức mạnh phi thường nâng đỡ con người suốt hành trình dài và rộng của cuộc đời. Bằng Việt cũng có riêng ông một kỉ niệm, đó chính là những tháng năm sống bên bà, cùng bà nhóm lên cái bếp lửa thân thương. Không chỉ thế, điều in đậm trong tâm trí của Bằng Việt còn là tình cảm sâu đậm của hai bà cháu. Chúng ta có thể cảm nhận điều đó qua bài thơ “**Bếp lửa**” của ông.

- Bằng Việt thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Bài thơ “ **Bếp lửa**” được ông sáng tác năm 1963 lúc 19 tuổi và đang đi du học ở Liên Xô. Bài thơ đã gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của người cháu với bà, với gia đình, quê hương, đất nước.

II. Thân bài

1. Bếp lửa khơi nguồn cảm xúc

- Tình cảm và những kỉ niệm về bà được khơi gợi từ hình ảnh bếp lửa. Ở nơi đất khách quê người, bắt gặp hình ảnh bếp lửa, tác giả chợt nhớ về người bà:“ **Một nắng mưa.**”

- Hình ảnh “chờn vờn” gợi lên những mảnh kí ức hiện về trong tác giả một cách chập chờn như khói bếp. Bếp lửa được thắp lên, nó hắt ánh sáng lên mọi vật và toả sáng tâm hồn đứa cháu thơ ngây. Bếp lửa được thắp lên đó cũng là bếp lửa của cuộc đời bà đã trải qua “ biết mấy nắng mưa”. Từ đó, hình ảnh người bà hiện lên. Dù đã cách xa nữa vòng trái đất nhưng dường như Bằng Việt vẫn cảm nhận được sự

vỗ vè, yêu thương, chăm chút từ đôi tay kiên nhẫn và khéo léo của bà. Trong cái khoảnh khắc ấy, trong lòng nhà thơ lại trào dâng một tình yêu thương bà vô hạn. Tình cảm bà cháu thiêng liêng ấy cứ như một dòng sông với con thuyền nhỏ chở đầy ắp những kỉ niệm mà suốt cuộc đời này chắc người cháu không bao giờ quên được và cung chính từ đó, sức ấm và ánh sáng của tình bà cháu cũng như của bếp lửa lan toả toàn bài thơ.

2. Hồi ức về bà và tuổi thơ

- Khổ thơ tiếp theo là dòng hồi tưởng của tác giả về những kỉ niệm của những năm tháng sống bên cạnh bà. Lời thơ giản dị như lời kể, như những câu văn xuôi, như thủ thi, tâm tình, tác giả như đang kể lại cho người đọc nghe về câu chuyện cổ tích tuổi thơ mình. Nếu như trong câu chuyện cổ tích của những bạn cùng lứa khác có bá tiên, có phép màu thì trong câu chuyện của băng Việt có bà và bếp lửa. Trong những năm đói khổ, người bà đã gắn bó bên tác giả, chính bà là người xua tan bớt đi cái không khí ghê rợn của nạn đói 1945 trong tâm trí đứa cháu. Cháu lúc nào cũng được bà chở che, bà nấu cho cháu cũng để cháu thiếu bữa ăn nào, bà đi mót từng củ khoai, đào từng củ sắn để cháu ăn cho khỏi đói: **“Lên bốn còn cay!”**

=> Chính **“mùi khói”** đã xua đi cái mùi tử khí trên khắp các ngõ ngách. Cũng chính cái mùi khói ấy đã quện lại và bám lấy tâm hồn đứa trẻ. Dù cho tháng năm có trôi qua, những kí ức ấy cũng sẽ để lại ít nhiều ấn tượng trong lòng đứa cháu để rồi khi nghĩ lại lại thấy **“sống mũi còn cay”**. Là mùi khói làm cay mắt người người cháu hay chính là tấm lòng của người bà làm đứa cháu không cảm được nước mắt?

- **“Tám năm thiết thế!”** => **“Cháu cùng bà nhóm lửa”**, nhóm lên ngọn lửa của sự sống và của tình yêu bà cháy bỏng của một cậu bé hồn nhiên, trong trắng như một trang giấy. Chính hình ảnh bếp lửa quê hương, bếp lửa của tình bà cháu đó đã gợi nên một liên tưởng khác, một hồi ức khác trong tâm trí thi sĩ thuở nhỏ. Đó là tiếng chim tu hú kêu. Từ **“tu hú”** được điệp lại ba lần làm cho âm điệu câu thơ thêm bồi hồi tha thiết, làm cho người đọc cảm thấy như tiếng tu hú đang từ xa vọng về trong tiềm thức của tác giả. Tiếng “tu hú” lúc mơ màng, lúc vắng vắng từ những cánh đồng xa vắng lòng người cháu xa xứ. Tiếng chim tu hú khắc khoải làm cho dòng kỉ niệm của đứa cháu trải dài hơn, rộng hơn trong cái không gian xa vắng của nỗi nhớ thương.

- Nếu như trong những năm đói kém của nạn đói 1945, bà là người gắn bó với tác giả nhất, yêu thương tác giả nhất thì trong tám năm ròng của cuộc kháng chiến chống Pháp, tình cảm bà cháu ấy lại càng sâu đậm: **“Mẹ cùng cách đồng xa”**

=> Trong tám năm ấy, đất nước có chiến tranh, hai bà cháu phải rời làng đi tản cư, bố mẹ phải đi công tác, cháu vì thế phải ở cùng bà trong quãng thời gian ấy, nhưng dường như đối với đứa cháu như thế lại là một niềm hạnh phúc vô bờ. Cùng bà, ngày nào cháu cũng cùng bà nhóm bếp. Và trong cái khói bếp chập chờn, mờ mờ ảo ảo ấy, người bà như một bà tiên hiện ra trong câu truyện cổ huyền ảo của cháu. Trong những tháng năm sống bên cạnh bà, bà không chỉ chăm lo cho cháu từng miếng ăn, giấc ngủ mà còn là người thầy đầu tiên của cháu. Bà dạy cho cháu những chữ cái, những phép tính đầu tiên. Không chỉ thế, bà còn dạy cháu những bài học quý giá về cách sống, đạo làm người. Những bài học đó sẽ là hành trang mang theo suốt quãng đời còn lại của cháu. Người bà và tình cảm mà bà dành cho cháu đã thật sự một chỗ dựa vững chắc về cả vật chất lẫn tinh thần cho đứa cháu bé bỏng. Cho nên khi bây giờ nghĩ về bà, nhà thơ càng thương bà hơn vì cháu đã đi rồi, bà sẽ ở với ai, ai sẽ người cùng bà nhóm lửa, ai sẽ cùng bà chia sẻ những câu chuyện những ngày ở Huế,... Thi sĩ bỗng tự hỏi lòng mình: **“Tu hú ơi, chẳng đến ở cùng bà?”**. Một lời than thở thể hiện nỗi nhớ mong bà sâu sắc của đứa cháu nơi xứ người. Chỉ trong một khổ thơ mà hai từ “bà”, “cháu” đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần gợi lên hình ảnh hai bà cháu sống đôi, gắn bó, quấn quýt không rời.

- Chiến tranh, một danh từ bình thường nhưng sức lột tả của nó thì khốc liệt vô cùng, nó đã gây ra đau khổ cho bao người, bao nhà. Và hai bà cháu trong bài thơ cũng trở thành một nạn nhân của chiến tranh: gia đình bị chia cắt, nhà bị giặc đốt cháy rụi...: **“Năm giặc ... bình yên!”**

=> Cuộc sống càng khó khăn, cảnh ngộ càng ngặt nghèo, nghị lực của bà càng bền vững, tấm lòng của bà càng mênh mông. Qua đó, ta thấy hiện lên một người bà cần cù, nhẫn nại và giàu đức hi sinh. Dù cho ngôi nhà, túp lều tranh của hai bà cháu đã bị đốt nhẵn, nơi nương thân của hai bà cháu nay đã không còn, bà dù có đau khổ thế nào cũng không dám nói ra vì sợ làm đứa cháu bé bỏng của mình lo buồn. Bà cứng rắn, dắt cháu vượt qua mọi khó khăn, bà không đưa con đang bận việc nước phải lo lắng chuyện nhà. Điều đó ta có thể thấy rõ qua lời dặn của bà: “Mày có viết thư chớ kể này kể nọ / Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”. Lời dặn của bà nôm na giản dị nhưng chất chứa biết bao tình. Gian khổ, thiếu thốn, bao nỗi nhớ thương con bà đều phải nén vào trong lòng để yên lòng người nơi tiền tuyến. Hình ảnh người bà không chỉ còn là người bà của riêng cháu mà còn là một biểu tượng rõ nét cho những người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh, thương con quý cháu.

=> Kết thúc khổ thơ, Bằng Việt đã nâng hình ảnh bếp lửa trở thành hình ảnh ngọn, một ngọn lửa: **“Một ngọn lửa dai dẳng”**.

- Hình ảnh ngọn lửa toả sáng trong câu thơ, nó có sức truyền cảm mạnh mẽ. Ngọn lửa của tình yêu thương, ngọn lửa của niềm tin, ngọn lửa ấm nồng như tình bà cháu, ngọn lửa đỏ hồng soi sáng cho con đường đứa cháu. Bà luôn nhắc cháu rằng: nơi nào có ngọn lửa, nơi đó có bà, bà sẽ luôn ở cạnh cháu.

3. Suy ngẫm về bà và bếp lửa

- Những dòng thơ cuối bài cũng chính là những suy ngẫm về bà và bếp lửa mà nhà thơ muốn gửi tới bạn đọc, qua đó cũng là những bài học sâu sắc từ công việc nhỏ, lửa tưởng chừng đơn giản: **“Nhóm bếp lửa ấp iu, nồng đượm”** => Một lần nữa, hình ảnh bếp lửa **“ấp iu”, “nồng đượm”** đã được nhắc lại ở cuối bài thơ như một lần nữa khẳng định lại cái tình cảm sâu sắc của hai bà cháu:

- **“Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi”** => Nhóm lên bếp lửa ấy, người bà đã truyền cho đứa cháu một tình yêu thương những người ruột thịt và nhắc cháu rằng không bao giờ được quên đi những năm tháng nghèo khổ, những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã sống với nhau, những năm tháng mà hai bà cháu mình cùng chia nhau từng củ sắn, củ mì.

- **“Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui”** => “Nồi xôi gạo mới sẻ chung vui” của bà hay là lời răn dạy cháu luôn phải mở lòng ra với mọi người xung quanh, phải gắn bó với xóm làng, đừng bao giờ có một lối sống ích kỉ.

- **“Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”** => Bà không chỉ là người chăm lo cho cháu đầy đủ về vật chất mà còn là người làm cho tuổi thơ của cháu thêm đẹp, thơm huyền ảo như trong truyện. Người bà có trái tim nhân hậu, người bà kì diệu đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục và thức tỉnh tâm hồn đứa cháu để mai này cháu khôn lớn thành người.

- Suốt đọc bài thơ, mười lần xuất hiện hình ảnh bếp lửa là mười lần tác giả nhắc tới bà. Âm điệu những dòng thơ nhanh mạnh như tình cảm dâng trào lớp lớp sóng vỗ vào bãi biển xanh thẳm lòng bà. Người bà đã là, đang là và sẽ mãi mãi là người quan trọng nhất đối với cháu dù ở bất kì phương trời nào. Bà đã trở thành một người không thể thiếu trong trái tim cháu.

4. Nỗi nhớ của người cháu đi xa

- Giờ đây, khi đang ở xa bà nửa vòng trái đất, Bằng Việt vẫn luôn hướng lòng mình về bà: **“Giờ cháu lên chưa?”**

- Xa vòng tay chăm chút của bà để đến với chân trời mới, chính tình cảm của hai bà cháu đã sưởi ấm lòng tác giả trong cái mùa đông lạnh giá của nước Nga. Đứa cháu nhỏ của bà ngày xưa giờ đã trưởng thành nhưng trong lòng vẫn luôn đinh ninh nhớ về góc bếp, nơi nắng mưa hai bà cháu có nhau. Đứa cháu sẽ không bao giờ quên và chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi mà tuổi thơ của đứa cháu đã được nuôi dưỡng để lớn lên từ đó.

III. Kết bài:

- Bài thơ chứa đựng một ý nghĩa, triết lý thâm kín: những gì thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức toả sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu thương và lòng biết ơn bà chính là một biểu hiện cụ thể của tình yêu thương, sự gắn bó với gia đình, quê hương, đất nước.

- “Bếp lửa” là bài thơ cảm động, tình cảm dạt dào trong lòng đã tìm đến một giọng điệu, một nhịp điệu thật phù hợp. Ấy là giọng nồng đượm của lửa, ấy là nhịp bập bồng của lửa, giọng kể lể cứ tràn ra, dâng lên một ngày một nồng nàn, ấm nóng...

- Đọc “Bếp lửa” chẳng những thấy được một dòng tâm sự sâu nặng, dạt dào mà nhà thơ còn muốn đề cao một điều rất đỗi giản dị: “Tình yêu quê hương đất nước bắt nguồn từ những cái cụ thể gần gũi, thân thương với mỗi con người”.

ÁNH TRĂNG - Nguyễn Duy

I. Mở bài:

- Trăng- hình ảnh giản dị mà quen thuộc, trong sáng và trữ tình. Trăng đã trở thành đề tài thường xuyên xuất hiện trên những trang thơ của các thi sĩ qua bao thời đại. Nếu như “Tĩnh dạ tứ” của Lí Bạch tả cảnh đêm trăng sáng tuyệt đẹp gợi lên nỗi niềm nhớ quê hương, “Vọng nguyệt” của Hồ Chí Minh thể hiện tâm hồn lạc quan, phong thái ung dung và lòng yêu thiên nhiên tha thiết của Bác thì đến với bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy, chúng ta bắt gặp hình ảnh vầng trăng mang ý nghĩa triết lí sâu sắc. Đó chính là đạo lí “uống nước nhớ nguồn”.

Những sáng tác thơ của Nguyễn Duy sâu lắng và thần đắm cái hồn của ca dao, dân ca Việt Nam. Thơ ông không cố tìm ra cái mới mà lại khai thác, đi sâu vào cái nghĩa tình muôn đời của người Việt. “Ánh trăng” là một bài thơ như vậy. Trăng đối với nhà thơ có ý nghĩa đặc biệt: đó là vầng trăng tri kỉ, vầng trăng tình nghĩa và vầng trăng thức tỉnh. Nó như một hồi chuông cảnh tỉnh cho mỗi con người có lỗi sống quên đi quá khứ.

II. Thân bài

1. Trăng trong quá khứ: Tác giả đã mở đầu bài thơ với hình ảnh trăng trong kí ức tuổi thơ của nhà thơ và trong chiến tranh: (khổ 1, 2)

- Hình ảnh vầng trăng đang được trải rộng ra trong cái không gian êm đềm và trong sáng của tuổi thơ. Hai câu thơ với vốn vẹn mười chữ nhưng dường như đã diễn tả một cách khái quát về sự vận động cả cuộc sống con người. Mỗi con người sinh ra và lớn lên có nhiều thứ để gắn bó và liên kết. Cánh đồng, sông và bể là những nơi chốn cất giữ bao kỉ niệm của một thời ấu thơ mà khó có thể quên được. Cũng chính nơi đó, ta bắt gặp hình ảnh vầng trăng.

- Với cách gieo vần lưng “đồng”, “sông” và điệp từ “với” đã diễn tả tuổi thơ được đi nhiều, tiếp xúc nhiều và được hưởng hạnh phúc ngắm những cảnh đẹp của thiên nhiên. Tuổi thơ như thế không phải ai cũng có được.

- Khi lớn lên, vầng trăng đã theo tác giả vào chiến trường trăng luôn sát cách bên người lính, cùng họ trải nghiệm sương gió, vượt qua những đau thương và khốc liệt của bom đạn kẻ thù. Người lính hành quân dưới ánh trăng dát vàng con đường, ngủ dưới ánh trăng, và cũng dưới ánh trăng sáng đều, tâm sự của những người lính lại mở ra để vơi đi bớt nỗi cô đơn, nỗi nhớ nhà. Trăng đã thật sự trở thành “tri kỉ” của người lính trong những năm tháng máu lửa.

- Khổ thơ thứ hai như một lời nhắc nhở về những năm tháng đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước hiền hậu, bình dị. Vầng trăng đều, người bạn tri kỉ đó, ngỡ như sẽ không bao giờ quên được: “Trần trụitình nghĩa”

- Vần lưng một lần nữa lại xuất hiện: “trần trụi”, “hồn nhiên”, “thiên nhiên” làm cho âm điệu câu thơ thêm liền mạch, dường như nguồn cảm xúc của tác giả vẫn đang tràn đầy. Chính cái hình ảnh so sánh ẩn dụ đã tô đậm lên cái chất trần trụi, cái chất hồn nhiên của người lính trong những năm tháng ở rừng. Cái vầng trăng mộc mạc và giản dị đó là tâm hồn của những người nhà quê, của đồng, của sông, của bể và của những người lính hồn nhiên, chân chất ấy.

2. Trăng trong hiện tại: (Từ hồi...qua đường)

- Thời gian trôi qua cuốn theo mọi thứ như một cơn lốc, người lính năm xưa nay cũng làm quen dần với những thứ xa hoa nơi “ánh điện, cửa gương”. Và rồi trong chính sự xa hoa đó, người lính đã quên

đi người bạn tri kỉ của mình, người bạn mà tưởng chừng chẳng thể quên được, “người tri kỉ ấy” đi qua ngõ nhà mình nhưng mình lại xem như không quen không biết.

- Phép nhân hoá vàng trăng trong câu thơ thật sự có cái gì đó làm rung động lòng người đọc bởi vì vàng trăng ấy chính là một con người. Cũng chính phép nhân hoá đó làm cho người đọc cảm thương cho một “người bạn” bị chính người bạn thân một thời của mình lãng quên. Sự ồn ã của phố phường, những công việc mưu sinh và những nhu cầu vật chất thường nhật khác đã lôi kéo con người ra khỏi những giá trị tinh thần ấy, một phần vô tâm của con người đã lấn át lí trí của người lính, khiến họ trở thành kẻ quay lưng với quá khứ. Con người khi được sống đầy đủ về mặt vật chất thì thường hay quên đi những giá trị tinh thần, quên đi cái nền tảng cơ bản của cuộc sống, đó chính là tình cảm con người.

3. Trăng khi gặp lại

- Nhưng rồi một tình huống bất ngờ xảy ra buộc người lính phải đối mặt: (Thình lình...trăng tròn)

=> Khi đèn điện tắt, cũng là khi không còn được sống trong cái xa hoa, đầy đủ về vật chất, người lính bỗng phải đối diện với cái thực tại tối tăm. Trong cái “thình lình”, “đột ngột” ấy, người lính vội bật tung cửa sổ và bất ngờ nhận ra người bạn tri kỉ năm xưa của mình. “Người bạn ấy” không bao giờ bỏ rơi con người, không bao giờ oán giận hay trách móc con người vì họ đã quên đi mình.

- Khổ thơ thứ 5: (Ngửa mặt... là rừng)

=> Hai từ “mặt” trong cùng một dòng thơ: mặt trăng và mặt người đang cùng nhau trò chuyện. Người lính cảm thấy có cái gì “rung rung” tự trong tận đáy lòng và dường như nước mắt đang muốn trào ra vì xúc động trước lòng vị tha của người bạn “tri kỉ”. Người lính cảm thấy như đang xem một thước phim quay chậm về tuổi thơ của mình Bao kỉ niệm đẹp của một đời người ulla về chan hòa với thiên nhiên, với vàng trăng xưa, với đồng, với bể, với sông với rừng. Tác giả sử dụng cấu trúc câu thơ song hành, biện pháp tu từ so sánh, điệp từ “là” cho ta thấy ngòi bút của Nguyễn Duy thật tài hoa. Đoạn thơ hay ở bộc bạch chân thành, tính biểu cảm cao, ngôn ngữ và hình ảnh đi vào lòng người, khắc sâu điều nhà thơ muốn nói với chúng ta nhẹ nhàng mà thấm thía.

- Khổ thơ cuối cùng mang tính hàm súc độc đáo và đạt tới chiều sâu tư tưởng và triết lí. “Trăng tròn vành vạnh” là vẻ đẹp của trăng vẫn viên mãn, tròn đầy và không hề bị suy suyển dù cho trải qua biết bao thăng trầm. Trăng chỉ im lặng phăng phắc, trăng không nói gì cả, trăng chỉ nhìn, nhưng cái nhìn đó đủ khiến cho con người giật mình. Ánh trăng như một tấm gương để cho con người soi mình qua đó, để con người nhận ra mình để thức tỉnh lương tri. Con người có thể chối bỏ, có thể lãng quên bất cứ điều gì trong tâm hồn anh ta. Nhưng dù gì đi nữa thì những giá trị văn hoá tinh thần của dân tộc cũng luôn vậy bọc và che chở cho con người.

III. Kết bài

“Ánh trăng” đã đi vào lòng người đọc bao thế hệ như một lời nhắc nhở đối với mỗi người: Nếu ai đã lỡ quên đi, đã lỡ đánh mất những giá trị tinh thần quý giá thì hãy thức tỉnh và tìm lại những giá trị đó. còn ai chưa biết coi trọng những giá trị ấy thì hãy nâng niu những kỉ ức quý giá của mình ngay từ bây giờ, đừng để quá muộn. Bài thơ không chỉ hay về mặt nội dung mà còn có những nét đột phá trong nghệ thuật. Thể thơ năm chữ được vận dụng sáng tạo, các chữ đầu dòng thơ không viết hoa thể hiện những cảm xúc liền mạch của nhà thơ. Nhịp thơ biến ảo rất nhanh, giọng điệu tâm tình đã gây ấn tượng mạnh trong lòng người đọc.

Bài thơ "Ánh trăng" với những đặc sắc riêng biệt về nghệ thuật và nội dung đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đó. Bài thơ hàm chứa trong đó bao nhiêu triết lí về cuộc sống và cả sự thức tỉnh đến toàn xã hội của chúng ta.

LÀNG – Kim Lân

I/ MỞ BÀI:

Kim Lân nhà văn có tác phẩm đăng báo từ trước cách mạng tháng Tám. Ông sinh ra và lớn lên ở một vùng quê có truyền thống văn hóa lâu đời nên am hiểu rất nhiều về nông thôn Việt Nam và cảnh ngộ của người nông dân. Vì thế, khi viết về đề tài này, Kim Lân thành công hơn cả. Đặc biệt ở truyện ngắn “ Làng”, tác giả đã xây dựng được hình tượng ông Hai, một người nông dân cần cù chất phác, giàu tình yêu đối với quê hương đất nước, gắn bó bền chặt với cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

II/ THÂN BÀI:

1. Ở phần đầu câu chuyện, ta thấy ông Hai rất yêu làng. Tình yêu thiết tha và nồng thắm của ông thể hiện qua niềm tự hào hãnh diện và cái tính khoe làng cố hữu.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra. Cũng như bao nhiêu người nông dân khác, ông Hai luôn tin tưởng vào kháng chiến, vào sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch

- Xa làng đi tản cư ông nhớ làng da diết. Ông nhớ từ con đường làng đến mái ngói, nhớ phòng thông tin tuyên truyền sáng sủa rộng rãi nhất vùng đến cái chòi phát thanh cao bằng ngọn tre, nhớ những ngày khởi nghĩa dồn dập ở làng cho đến những lúc cùng anh em đào hào đắp ụ chiến đấu... Càng nghĩ tưởng, nỗi nhớ càng dâng trào da diết trong lòng ông Hai như những đợt sóng lòng dồn dập. “Caho ôi, ông lão nhớ làng. Nhớ cái làng quá!”.

- Niềm khuây khỏa lớn nhất của ông Hai là sang bên gian nhà bác Thứ để nói chuyện và được ra chợ, đến cái phòng thông tin tuyên truyền để nghe tin tức về kháng chiến...

2. Tình yêu làng được thử thách quá tình huống nghe tin làng theo giặc

- Và rồi một tình huống xảy ra làm cho tình yêu nỗi nhớ làng của ông Hai bị thử thách. Đó là khi ông nghe được tin làng chợ Dầu yêu quý của ông theo Tây làm Việt gian. Từ đó, người đọc phát hiện ra ngoài tình cảm thiêng liêng mà ông Hai dành cho cái làng chợ Dầu của mình còn có một tình cảm khác thiêng liêng vĩ đại hơn. Đó là tình yêu đất nước thể hiện qua tình cảm đối với kháng chiến, với cụ Hồ...

a. Trước khi nghe tin dữ

- Ở phòng thông tin tuyên truyền, ông Hai lắng nghe và cảm thấy trân trọng, tự hào trước những tấm gương anh hùng trong cuộc chiến. Ông cảm thấy vui sướng đến nỗi từng khúc ruột trước những thắng lợi dồn dập của quân ta., “**ruột gan ông lão cứ múa cả lên. Vui quá!**”.

b. Khi vừa nghe tin dữ

- Ngay sau đó, ông nhận được cái tin dữ từ những người đi tản cư – cả làng Dầu đều trở thành Việt gian theo giặc. Cảm giác bất ngờ, hụt hẫng khiến cho ông lão “**cổ nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân**”, “**rặn è è**” “**giọng lạc hẳn**”. Tuy vậy ông vẫn cố gắng hỏi trong niềm hi vọng mong manh nhưng sự thực phũ phàng khiến ông tủi nhục cúi gằm mặt xuống mà đi. Để rồi về đến nhà, không chịu đựng nổi, ông “**nằm vật ra giường**” “**nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão tràn ra**”.

c. Những ngày tiếp theo

- Những ngày kế tiếp, ông Hai sống trong bi kịch triền miên. Ông sợ hãi trốn tránh như một tội phạm: “**Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý bàn tán về “cái chuyện ấy”**”. Nỗi ám ảnh nặng nề, cảm giác đau xót, nhục nhã đã biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông Hai kể từ lúc ông nghe cái tin dữ ấy.

- Bi kịch dâng lên đến đỉnh cao. Ông Hai bị đẩy vào trong tình cảnh bế tắc tuyệt vọng khi bà chủ nhà muốn đuổi gia đình ông đi. Ông đi đâu bây giờ? Khắp nơi, “**ở đâu nghe đến người làng chợ Dầu là người ta đuổi như đuổi hủi**”. Còn ai muốn chứa chấp người dân của cái làng Việt gian này nữa chứ? Cả gia đình đứng trước tình thế “**tuyệt đường sinh sống!**”

- Trước mắt ông Hai chỉ có hai con đường. Ở lại thì không được rồi. Còn về làng... Vừa chớm nghĩ đến thôi, ta đã thấy ông Hai gạt phắt đi ngay. “**Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó làm Việt gian theo Tây cả rồi**”. Và ông khẳng định: “**về làng là phản bội kháng chiến, phản bội cụ Hồ**”. Dù ông Hai luôn ước mong được trở về làng, nhưng lúc này ông lại đi đến một quyết định đau đớn: “**Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù**”.

- Mâu thuẫn trong nội tâm và tình thế trước mắt làm cho ông Hai bế tắc. Trong tâm trạng bị dồn nén và

bế tắc ấy, ông Hai chỉ còn biết trút nỗi lòng của mình vào những lời thủ thỉ tâm sự với đứa con nhỏ ngây thơ. Qua lời tâm sự của ông ta thấu hiểu sự gắn bó với làng quê và tâm lòng thủy chung với cách mạng, với kháng chiến.

- Đến giây phút này, từ trong bi kịch của ông Hai, ta lại thấy sáng ngời lên một tình cảm cao đẹp khác. Đó là tình thân yêu nước, gắn bó với kháng chiến, với cụ Hồ. Tình cảm thiêng liêng ấy đã bao trùm lên tình cảm đối với làng quê.

d. *Khi tin dữ được cải chính*

- Cho nên, khi nghe tin làng Dầu theo Tây được cải chính, ông Hai là người sung sướng nhất. Ông vui tươi rạng rỡ hẳn lên, “**mồm bồm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ...**” Ông mua quà cho con, ông chạy đi “khoe” cái tin nhà mình bị đốt, “khoe” cái tin làng Dầu không theo giặc. Nổi mát mát về nhà cửa dường như tan biến trong niềm hạnh phúc dâng trào – Làng chợ Dầu, ngôi làng mà ông luôn yêu mến tự hào giờ đây vẫn là làng kháng chiến.

- Qua lời khoe củ ông Hai, điều làm ta cảm động đó là ông không hề tiếc hay buồn khi ngôi nhà của ông bị đốt. Niềm vui vì làng không theo giặc đã choáng hết tâm trí ông. Mọi đau khổ, buồn tủi đã được rũ sạch.

- Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí “Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước” của người nông dân lao động bình thường.

- Việc ông kể rành rọt về trận chống càn ở làng chợ Dầu thể hiện rõ tinh thần kháng chiến và niềm tự hào về làng kháng chiến của ông.

Tóm lại: Có thể nói, ông Hai là nhân vật điển hình cho lớp nông dân trong kháng chiến. Vốn là những con người chân thực, chất phác, những ngày đầu tiếp xúc với cách mạng, họ vẫn còn bỡ ngỡ. Nhưng rồi cảm giác ấy tan đi nhanh chóng, họ đón nhận cách mạng với tình cảm chân thành, với lòng hăm hở nhiệt tình. Họ háo hức hoà nhịp cùng phong trào kháng chiến, học hăng hái cầm súng bảo vệ quê hương. Cách mạng đã trở thành một phần trong cuộc đời của họ. Lòng trung thành, tình cảm gắn bó bền chặt của người nông dân trong kháng chiến làm cho chúng ta xúc động. Nhà văn Kim Lân đã tinh tế phát hiện những nét đẹp tâm hồn của người nông dân để từ đó khắc hoạ nên một bức chân dung gần gũi và sống động.

4. Nhân vật ông Hai để lại một dấu ấn không phai mờ là nhờ nghệ thuật miêu tả tâm lí tính cách và ngôn ngữ nhân vật của người nông dân dưới ngòi bút của Kim Lân.

- Quả thật, Kim Lân rất thành công trong việc khắc hoạ hình ảnh của ông Hai, một trong những người dân bấy giờ, đơn giản, chất phác, tiêu biểu cho tầng lớp nông dân VN sau cách mạng tháng 8. Họ đã đặt tình yêu đất nước lên trên tình yêu làng. Kim Lân thật thành công trong nghệ thuật xây dựng truyện, nhất là nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ nhân vật mà ông Hai là điển hình. Lời nói của ông Hai đúng là lời nói của những người nông dân thời bấy giờ, kể cả những từ dùng sai: “bác Thứ đâu rồi... Láo ! Láo hết ! toàn là sai sự mục đích cả”.

- Bên cạnh đó Kim Lân còn thành công trong việc miêu tả tâm lí nhân vật. Diễn biến tâm lí của ông Hai từ đầu đến cuối truyện thật cảm động. Yêu làng đến nỗi đi đâu cũng khoe về làng. Khi biết làng bị tình nghi theo giặc thì ông đau khổ, tủi nhục, và khi biết làng mình không theo giặc, ông sung sướng, thậm chí còn khoe cả tin nhà mình bị đổ cháy một cách vui sướng, hả hê. Xây dựng được những chi tiết ấy, miêu tả sự phát triển tâm lí nhân vật như vậy, Kim Lân đã chứng tỏ được tài nghệ của mình.

III/ KẾT BÀI

- Tóm lại qua hình tượng nhân vật ông Hai, chúng ta có thể hiểu hơn về cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc, hiểu được nguyên nhân vì sao một đất nước bé nhỏ như Việt Nam lại có thể đánh thắng kẻ thù đầu sỏ như thực dân Pháp. Bài học sâu sắc nhất đối với mỗi người chúng ta khi đọc truyện ngắn này là tình yêu quê hương đất nước, là lòng tự hào và biết ơn những người dân cày Việt Nam chân chất mà cao cả.

Lặng lẽ Sa Pa của nhà văn Nguyễn Thành Long.

Đề: Vẻ đẹp nhân vật anh thanh niên:

I. Mở bài

- Nếu có ai đó hỏi rằng đâu là ngọn núi đẹp nhất và thơ mộng nhất miền Bắc, có lẽ câu trả lời chính là Sapa. Sapa với những đàn bò lang cổ đeo chuông ung dung gặm cỏ, với những ngọn nắng đốt cháy cả rừng cây, những đám mây bông bành cuộn tròn từng cục và lăn dài trên một thung lũng tuyết trắng xóa. Sapa đẹp là vì thế, nhưng thấp thoáng trong cái vẻ bao la hùng vĩ, là hình ảnh của những con người ngày đêm đang hy sinh vì đất nước. Những con người đã quyết định đánh đổi cả tuổi trẻ của mình để góp sức vào công việc chung của Tổ Quốc.

- Nguyễn Thành Long đã ngưỡng mộ trước những con người như vậy, và ông đã lấy Sapa “lặng lẽ” nơi ghi dấu một bức chân dung cũng mang phẩm chất đó, và tất cả đều được thể hiện qua tác phẩm “Lặng lẽ Sapa” của ông vào năm 1970.

II. Thân bài

1. Tóm tắt ngắn gọn truyện

- Câu chuyện “Lặng lẽ Sapa” là kết quả của một chuyến đi lên Lào Cai, là lần cuối cùng của bác họa sĩ cũng là lần đầu tiên của cô kĩ sư trẻ mới bước vào đời. Có dịp nghỉ chân tại đỉnh Yên Sơn, nhờ bác lái xe giới thiệu, họ mới gặp được một người con trai “tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ”, cuộc gặp gỡ tuy chỉ vồn vồn ba mươi phút, nhưng là đủ để bác họa sĩ khắc họa bức chân dung của anh, vừa là một niềm động viên lớn đối với cô kĩ sư, và là một ấn tượng khó phai trong lòng người đọc về con người đang sống sau cái lặng lẽ của vùng đất Sapa thơ mộng kia.

2, Vẻ đẹp nhân vật anh thanh niên

a. Hoàn cảnh sống và làm việc

- Cái ấn tượng đầu tiên về anh là một hoàn cảnh sống đặc biệt. Anh sống trên “...đỉnh Yên Sơn, cao hai nghìn sáu trăm mét.”, “...sống một mình trên đỉnh núi...”, “...bồn bệ chỉ có cây và mây mù lạnh lẽo...”, quả thật câu giới thiệu của bác lái xe “...một trong những người cô độc nhất thế gian...” không phải là quá cường điệu mà đó là đúng sự thật, có ai hay một người con trai trẻ tuổi đã suốt bốn năm ròng sống trên đỉnh núi cao ấy và làm việc, cái khoảng thời gian mà người ta hay nghĩ họ phải ở dưới đất và tận hưởng một tuổi trẻ đầy sức sống. Và anh thật đặc biệt khi chọn công việc này, công việc diễn ra giữa một không gian mênh mông bạt ngàn của Sapa, và cái sự cô đơn lẻ loi là không tránh khỏi.

- Hồi chưa vào nghề anh cũng đã có lúc nhìn lên bầu trời và nghĩ ngợi tới những ngôi sao lẻ loi một mình, đến khi bắt đầu làm, cái sự cô đơn trong anh đã khiến anh có được cảm giác “*thèm người*” tới mức, anh phải đẩy khúc cây ra chắn ngang đường để tìm cách gặp người và nghe tiếng nói của họ, để làm ấm lên cái sự cô đơn lạnh lẽo trong con người anh.

b. Lòng yêu nghề, ý thức trách nhiệm cao với công việc

- Bốn năm ròng làm việc trong cô đơn và nỗi “*thèm người*” nhưng anh lại mang trong mình một nghị lực phi thường, ý thức trách nhiệm và tình yêu say mê với công việc, chính điều đó đã giúp anh vượt qua mọi thử thách. Công việc của anh là “...*công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu...*”, “...*đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu.*”, một mình anh thôi, mỗi ngày đã phải bốn lần gửi bản “*ốp*” về “*nhà kể cả lúc một giờ sáng mỗi ngày.*” Nếu anh không có niềm say mê với công việc thì anh đã chẳng thể làm tròn trách nhiệm khi không có ai quản lý giám sát..

- Đối với anh, hơn ai hết, anh hiểu rõ công việc của mình là thầm lặng, nhưng lại cần thiết và có ích cho công việc chung của mọi người, chính vì mang suy nghĩ đó anh luôn cố gắng hoàn thành công việc của mình dù trong bất kì hoàn cảnh nào. Cũng biết công việc khổ, nhưng “*cát nó đi, cháu buồn đến chết mất*”. Công việc giúp anh quên đi cái nỗi cô đơn vốn có của mình, “*Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?*”. Yêu công việc, nên anh cũng tự hào về nghề nghiệp của mình, anh sung sướng vì nhờ anh đã phát hiện đám mây khô mà quân ta hạ không biết bao nhiêu phản

lực của Mĩ trên cầu Hàm Rồng, chính điều đó đã góp một chút niềm vui vào công việc của anh, khiến anh cảm thấy hạnh phúc khi được góp sức vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. Đó là những niềm vui tuy vô cùng đơn giản mà thực sự cao quý !.

c. Anh tổ chức cuộc sống chủ động, thoải mái

- Tiếp theo ta lại càng ấn tượng thêm về những phẩm chất đáng quý của anh. Đầu tiên phải kể đến tính tình ngăn nắp, gọn gàng, “*Một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm*”, gian khổ như vậy nhưng anh vẫn không quên sắp xếp một cuộc sống chủ động và giản dị, đó là biểu hiện của con người tôn trọng kỉ luật và nề nếp.

- Trọng một hoàn cảnh khó khăn cô đơn như vậy, anh luôn biết phải làm gì để làm cuộc sống của mình thêm phần thi vị và thêm phần tươi vui. Anh nuôi một đàn gà đẻ trứng ăn không xuể. Anh dùng những quyển sách để làm nhíp câu kết nối với thế giới nhộn nhịp bên ngoài, những cuốn sách đối với anh chính là một cửa sổ tâm hồn để anh không chỉ hiểu thêm về ngoài kia mà còn là giúp anh chống chịu được với cái nổi cô đơn. Nhưng đặc biệt hơn hết là những bông hoa mà anh đã tận tâm chăm sóc.

Những bông hoa ấy là biểu hiện rõ nhất về tâm hồn cao cả, trong sáng, tươi đẹp của một người đóc lòng vì cuộc đời chung. Cũng như Thanh Hải đã từng viết : “*Ta làm ... xao xuyến.*” => Anh thanh niên có lẽ chính là một tiếng chim hót, một nốt trầm ngân dài giữa một bản anh hùng ca của dân tộc, công việc mà anh đang làm không chỉ là một nguồn động viên cho cuộc sống mà còn là biểu hiện của sự cống hiến, góp thêm tươi sắc cho cuộc đời.

d. Quan hệ với mọi người

- Đó là là thái độ bộc trực, thẳng thắn, chân thành, cởi mở, vui vẻ của anh khi tiếp xúc với mọi người. Khi trò chuyện với khách anh “*nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ. Cũng là những điều ta ít nghĩ.*” Anh là luôn tỏ ra hồ hởi, hân hoan trước sự có mặt mọi người, anh luôn đáp lại họ bằng một nụ cười đáng yêu và thân mật, khiến ai cũng cảm thấy yên tâm và thiện thiện hơn khi được ở bên cạnh anh, đúng như vậy, cả một câu chuyện không nơi đâu lại thiếu vắng đi nụ cười của anh. Ngay từ lúc gặp mặt, bác họa sĩ đã bị ấn tượng bởi khuôn mặt rạng rỡ của anh, rồi khi anh nhận được cuốn sách của bác lái xe anh cũng cười cười mà nhìn khắp khách đi xe ; đến khi bắt gặp cái nhìn của cô kĩ sư, anh mới phụ vài giọt mồ hôi và mỉm cười nói: “*Cũng đoàn viên, phòng?*”, khi nghe đến bác họa sĩ gọi mình là “*người cô độc nhất thế gian*” anh cũng bật cười khanh khách, và kể cả lúc đã gần chia tay, anh cũng cố nở một nụ cười tiếu rỏ: “*Trời, chỉ còn có năm phút!*”, nụ cười đã tạo nên một tiếng động thú vị ngay giữa sự im lặng của Sapa.

- Bên cạnh đó là một đức tính khiêm tốn khiến anh đã cố ngăn bác họa sĩ vẽ mình, nhưng để khỏi vô lễ, anh vẫn yên và nói những điều để chứng tỏ rằng mình không xứng như vậy, qua lời kể của anh, còn có những con người xứng đáng hơn như: ông kĩ sư vườn rau hay đồng chí nghiên cứu bản đồ và còn anh bạn trên đỉnh Phan-xi-păng. Cái vẻ khiêm tốn của anh còn làm họ trở nên cao đẹp và đáng quý hơn, cùng với anh, họ chính là những con người đã đóng góp để tạo nên sự vẻ đẹp của Sa Pa.

- Và cuối cùng, anh luôn suy nghĩ vì người khác và thái độ quan tâm đặc biệt của anh đã khiến nhiều người phải xao xuyến, anh gửi củ tam thất cho vợ bác lái xe, gặp bác lái xe và cô kĩ sư anh liền chạy về nhà pha trà đón khách, tặng bó hoa cho cô gái và cả vườn hoa nếu cô muốn, rồi cuối cùng khi phải chia tay, anh còn gửi lại một bữa trưa cho mọi người.

Tóm lại: Tất cả những điều đó đều là những phẩm chất đáng quý và đáng khâm phục của con người sống giữa không gian mênh mông của Sapa, anh và các đồng nghiệp đã chung một tay, tự tạo nên thế giới của tâm hồn của những con người biết âm thầm cống hiến cho cuộc đời chung. Câu chuyện đã khép lại nhưng những gì đẹp nhất ở trong đó chắc vẫn luôn đọng lại trong lòng người đọc.

III. Kết bài

Truyện tuy không có nhiều tình huống bất ngờ kịch tích, nhưng vẫn lắng đọng khi thể hiện được tâm hồn và cuộc sống của nhân vật chính. Truyện còn đặc biệt là có nhân vật không tên, Nguyễn Thành

Long muốn mang họ đến gần hơn với lòng người đọc, đã cũng chung một nhiệm vụ thì cần gì có một cái tên để phân biệt, đó là nhiệm vụ hy sinh vì Tổ quốc mà anh thanh niên đang thực hiện.

CHIẾC LƯỢC NGÀ - Nguyễn Quang Sáng

I. Mở bài

- Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1933 ở An Giang. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp ông tham gia bộ đội và hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Sau năm 1945, ông tập kết ra Bắc và bắt đầu viết văn. Có lẽ vì sinh ra và hoạt động chủ yếu ở miền Nam nên các tác phẩm của ông hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ. Các tác phẩm chính là Chiếc lược ngà (1968), Mùa gió chướng (1975), Dòng sông thơ ấu (1985),... Nguyễn Quang Sáng có lối viết văn giản dị, mộc mạc nhưng sâu sắc, xoay quanh những câu chuyện đời thường nhưng ý nghĩa. Chiếc lược ngà viết năm 1966 tại chiến trường Nam Bộ chống Mỹ, là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Quang Sáng, khẳng định nghệ thuật miêu tả tâm lý đặc sắc, xây dựng tình huống bất ngờ và ca ngợi tình cha con thắm thiết. Vẫn viết về một đề tài dường như đã cũ song truyện mang nhiều giá trị nhân văn sâu sắc.

II. Thân bài

1. Tóm tắt truyện

Anh Sáu xa nhà đi kháng chiến. Mỗi khi con gái lên tám tuổi anh mới có dịp về thăm nhà. Bé Thu không nhận ra cha vì cái sẹo trên mặt làm ba em không giống với người trong bức ảnh chụp với má mà em được biết. Em đối xử với ba như người xa lạ. Đến lúc thu nhận ra cha, tình cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc anh Sáu phải ra đi. Ở khu căn cứ, người cha dồn hết tình cảm yêu quý, nhớ thương đưa con vào việc làm một chiếc lược bằng ngà voi để tặng cô con gái bé bỏng. Trong một trận càn, anh hi sinh. Trước lúc nhắm mắt, anh còn kịp trao cây lược cho người bạn với lời nhắn gửi không nói lên lời.

2. Tình huống truyện

Truyện đã thể hiện tình cha con sâu sắc của hai cha con anh Sáu trong hai tình huống:

- Cuộc gặp gỡ của hai cha con anh Sáu sau tám năm xa cách, nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận ra cha, đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì anh Sáu lại phải ra đi. Đây là tình huống cơ bản của truyện
- Ở khu căn cứ, anh Sáu dồn hết tình cảm yêu thương và mong nhớ đưa con vào việc làm một chiếc lược bằng ngà để tặng con gái bé bỏng. Nhưng ông đã hi sinh khi chưa thể gửi món quà ấy cho con gái.
- Nếu tình huống thứ nhất bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha, thì tình huống thứ hai lại biểu lộ tình cảm sâu sắc của người cha đối với con.

3. Phân tích diễn biến tâm lý và tình cảm của bé Thu trong lần đầu gặp cha cuối cùng, khi ông Sáu được về phép

a. Thái độ và hành động của Thu trước khi nhận ra ông Sáu là cha

- Gặp lại con sau nhiều năm xa cách với bao nỗi nhớ thương nên ông Sáu không kìm được nỗi vui mừng trong phút đầu nhìn thấy đứa con. Nhưng thật trớ trêu, đáp lại sự vỗ vập của người cha, bé Thu lại tỏ ra ngờ vực lảng tránh, và ông Sáu càng muốn gần con thì đứa con lại càng tỏ ra lạnh nhạt, xa cách. Tâm lý và thái độ ấy của bé Thu được biểu hiện qua hàng loạt chi tiết mà người kể chuyện quan sát và thuật lại rất sinh động: hốt hoảng, mặt tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên khi mới gặp ông Sáu; chỉ gọi trống không với ông Sáu mà không chịu gọi cha; nhất định không chịu nhờ ông chặt nước nồi com to đang sôi; hất cái trứng cá mà ông đã gấp cho ra khỏi bát; cuối cùng khi bị ông Sáu tức giận đánh một cái thì bỏ về nhà bà ngoại, khi xuống xuống còn cố ý khua dây cột xuống rôn rảng thật to.
- Sự ương ngạnh của bé Thu hoàn toàn không đáng trách. Trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, nó còn quá bé nhỏ để có thể hiểu được những tình thế khắc nghiệt, éo le của đời sống và người lớn cũng không ai kịp chuẩn bị cho nó những khả năng bất thường, nên nó không tin ông Sáu là

ba nó chỉ vì trên mặt ông có thêm vết sẹo, khác với hình ba mà nó được biết. Phản ứng tâm lí của em là hoàn toàn tự nhiên, nó còn chứng tỏ em có cá tính mạnh mẽ, tình cảm của em sâu sắc, chân thật, em chỉ yêu ba khi tin chắc đó đúng là ba. Trong cái cứng đầu của em có ẩn chứa cả sự kiêu hãnh trẻ thơ về một tình yêu dành cho người cha khác-người trong tấm hình chụp chung với má em.

b. Thái độ và hành động của Thu khi nhận ra người cha

- Trong đêm bỏ về nhà bà ngoại, Thu đã được bà giải thích về vết sẹo làm thay đổi khuôn mặt ba nó. Sự nghi ngờ bấy lâu được giải tỏa và ở Thu nảy sinh một trạng thái như là sự ân hận nuôi tiếc: “ Nghe bà kể nó nằm im, lẩn lộn và thỉnh thoảng lại thờ dài như người lớn”.

- Khi đến ngày ông Sáu phải đi, con bé cứng cỏi mạnh mẽ ngày hôm nào lại “như thể bị bỏ rơi”, lúc đứng ở góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người vây quanh ba nó, dường như nó thêm khát cái sự ấm áp của tình cảm gia đình, nó cũng muốn chạy lại và ôm hôn cha nó lắm chứ, nhưng lại có cái gì chặn ngang cổ họng nó, làm nó cứ đứng nguyên ở ấy, ước mong cha nó sẽ nhận ra sự có mặt của nó.

- Và rồi đến khi cha nó chào nó trước khi đi, có cảm giác mọi tình cảm trong lòng bé Thu bỗng trào dâng. Tình yêu và nỗi mong nhớ với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay nay bùng ra thật mạnh mẽ và hối hả, cuống quýt có xen lẫn cả sự hối hận. Nó không nén nổi tình cảm như trước đây nữa, nó bỗng kêu hét lên “Ba...”, vừa kêu vừa chạy xô đến nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó”, “Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai, hôn cả vết sẹo dài trên má của ba nó nữa”. Tiếng kêu “Ba” từ sâu thẳm trái tim bé Thu, tiếng gọi mà ba nó đã dùng mọi cách để ép nó gọi trong mấy ngày qua, tiếng gọi ba gần gũi lần đầu tiên trong đời nó như thể nó là đứa trẻ mới bi bô tập nói, tiếng gọi mà ba nó tha thiết được nghe một lần. Bao nhiêu mơ ước, khao khát như muốn vỡ òa ra trong một tiếng gọi cha. Tiếng gọi ấy không chỉ khiến ba nó bật khóc mà còn mang một giá trị thiêng liêng với nó. Lần đầu tiên nó cảm nhận mơ hồ về niềm sung sướng của một đứa con có cha. Dường như bé Thu đã lớn lên trong đầu óc non nớt của nó.

- Lời dặn cuối cùng của Thu với cha: “Ba về... nghe ba” => Gửi gắm niềm khao khát được đón chờ ngày ba trở về, được sống hạnh phúc bên cha.

c. Một số nét tính cách của Thu biểu hiện qua tâm lí và hành động

- Đó là tình cảm thật sâu sắc, mạnh mẽ, nhưng cũng thật dứt khoát rạch ròi. Ở Thu còn có nét cá tính là cứng cỏi tưởng như ương ngạnh, nhưng Thu vẫn là một đứa trẻ với tất cả nét hồn nhiên, ngây thơ của con trẻ.

- Qua những diễn biến tâm lí của bé Thu được miêu tả trong truyện, ta thấy tác giả tỏ ra rất am hiểu tâm lí trẻ thơ và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến và trân trọng những tình cảm trẻ thơ.

4. Phân tích tình cảm cha con sâu nặng ở anh Sáu

- Không chỉ khắc họa thành công nhân vật bé Thu, truyện ngắn “Chiếc lược ngà” ca ngợi tình cha con sâu đậm mà đẹp đẽ. Bên cạnh hình ảnh bé Thu, hình ảnh ông Sáu được giới thiệu là người lính, vì nhiệm vụ cao cả mà phải tham gia chiến đấu, bỏ lại gia đình, quê hương; và đặc biệt chưa lần nào ông được gặp đứa con gái bé bỏng mà ông yêu tha thiết. Sau ngàn ấy năm tham gia kháng chiến, ông Sáu vẫn luôn nung nấu khao khát cháy bỏng là được gặp con và nghe con gọi một tiếng cha. Nhưng cái ngày gặp lại con thì lại nảy sinh một nỗi éo le là bé Thu không nhận cha. Ông Sáu càng muốn gần gũi thì dường như sự lạnh lùng, bướng bỉnh của con bé làm tổn thương những tình cảm da diết nhất trong lòng ông. Còn gì đau đớn hơn một người cha giàu lòng thương con mà bị chính đứa con gái ấy từ chối.

- Có thể coi việc bé Thu hất cái trứng ra khỏi chén như một ngòi nổ làm bùng lên những tình cảm mà bấy lâu nay ông dồn nén, chứa chất trong lòng. Và trong lúc nóng giận không kịp suy nghĩ ông đã vung tay đánh con, đó cũng chính là nỗi ân hận, dằn vò ông suốt thời gian sau đó.

- Khi mà bé Thu cất tiếng gọi “Ba”, ai có thể ngờ được một người lính dạn dày nơi chiến trường, quen với cái chết cận kề lại rơi nước mắt, bởi đây là lần đầu tiên ông cảm nhận được sự ấm áp của cha con thực sự

- Tình cảm ông Sáu dành cho bé Thu trở nên thiêng liêng, cao cả và mãnh liệt hơn biết bao khi ông tự

tay làm chiếc lược ngà cho con.”Khi ông Sáu tùm được khúc ngà sung sướng như trẻ con vớ được quà”, ” Ông thận trọng tỉ,mỉ...”, ”Ông gò lưng khắc từng nét...” Một loạt hành động cảm động như khẳng định tình cha con sâu đậm.Tất cả tình yêu,nỗi nhớ con dồn cả vào công việc làm chiếc lược ấy. Ông nâng niu chiếc lược như nâng niu đứa con bé nhỏ của mình.Lòng yêu con đã biến một người chiến sỹ trở thành một nghệ nhân sáng tạo tài tình,dù chỉ sáng tạo một tác phẩm duy nhất trong đời.

- Cuối truyện có chi tiết ông Sáu đưa tay vào túi,móc lấy cây lược,đưa cho bác Ba và nhìn một hồi lâu. Ông Sáu hi sinh mà không kịp trần trời điều gì, chỉ có một ánh mắt với niềm ước nguyện cháy bỏng mong người bạn của mình sẽ là người thực hiện nốt lời hứa duy nhất của mình với con.Tình cảm của ông Sáu khiến người ta phải thấy ám lòng và cảm động sâu sắc.

- Người mất,người còn nhưng kỷ vật duy nhất,gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại,chiếc lược ngà vẫn còn ở đây.Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc, đơn sơ mà đầm thắm,kỳ diệu,là hiện hữu của tình cha con bắt từ giữa ông Sáu và bé Thu,và là minh chứng chứng kiến lòng yêu thương vô bờ bến của ông Sáu với con. Chiếc lược ngà xuất hiện đánh dấu một kết cấu vòng tròn cho câu chuyện,và cũng là bài ca đẹp tồn tại vĩnh cửu của tình cha con.

- Câu chuyện về chiếc lược ngà không chỉ nói lên tình cha con thấm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu, mà còn gợi cho người đọc nghĩ đến và thấm thía những đau thương, mất mát, éo le mà chiến tranh đã gây ra cho bao nhiêu con người, bao nhiêu gia đình.

5.Nghệ thuật trần thuật của truyện

- Tác giả đã xây dựng được một cốt truyện khá chặt chẽ, có những yếu tố bất ngờ nhưng hợp lí: bé Thu không nhận cha khi ông Sáu về thăm nhà, rồi lại biểu lộ những tình cảm thật nồng nhiệt, đầy xúc động với người cha trước lúc chia tay. Sự bất ngờ càng gây được hứng thú cho người đọc khi ở phần sau của truyện tác giả còn tạo thêm một bất ngờ nữa, đó là cuộc gặp gỡ tình cờ của nhân vật người kể chuyện với bé Thu, bấy giờ đã thành một cô giao liên dũng cảm, trong một lần ông cùng đoàn cán bộ theo đường dây giao liên, vượt qua một quãng nguy hiểm ở Đồng Tháp Mười.

- Lựa chọn nhân vật kể chuyện thích hợp. Người kể chuyện trong vai một người bạn thân thiết của ông Sáu, không chỉ là người chứng kiến khách quan và kể lại mà còn bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ với các nhân vật. Đồng thời qua những ý nghĩ cảm xúc của nhân vật kể chuyện, các chi tiết và sự việc và nhân vật khác trong truyện bộc lộ rõ hơn, ý nghĩa tư tưởng của truyện thêm sức thuyết phục.

III. Kết bài

“Chiếc lược ngà” như một câu chuyện cổ tích hiện đại,thành công trong việc xây dựng hình tượng bé Thu và gửi gắm thông điệp đẹp về tình cha con.Nhân vật ông Ba-người kể chuyện hay chính là nhà văn Nguyễn Quang Sáng,phải là người từng trải,sống hết mình vì cách mạng kháng chiến của quê hương,gắn bó máu thịt với những con người giàu tình yêu,nhân hậu mà rất kiên cường,bất khuất,nhà văn mới có thể nhập hồn được vào các nhân vật,sáng tạo nhiều hình tượng với các chi tiết sinh động,bất ngờ,hơn nữa lại có giọng văn dung dị,cảm động!

MÙA XUÂN NHO NHỎ - Thanh Hải

I . Mở bài

- Thanh Hải (1930- 1980) – tên khai sinh là Phạm Bá Ngoãn quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên
- Huê.Ông là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học CM ở miền Nam từ những ngày đầu.

- Chúng ta có thể coi bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” là món quà cuối cùng mà Thanh Hải dâng tặng cho đời trước lúc về cõi vĩnh hằng. Chính vì vậy nó băng khuâng, tha thiết và sâu lắng hơn tất cả để cuối cùng thể hiện một Thanh Hải yêu người, yêu cuộc sống, yêu quê hương đất nước và còn là một Thanh Hải sống cho thơ và sống cho đời.

II. Thân bài

1. Hình ảnh của một mùa xuân thiên nhiên rất Huế đã được tác giả mở đầu cho bài thơ: (Mọc giữa...hứng)

- Một nét đặc trưng nơi xứ Huế là hình ảnh màu tím. Một màu tím thật nhẹ như những tà áo dài của những cô gái Huế nổi bật trên nền dòng sông xanh biếc .

- Giọng hót vui tươi, vang vọng của tiếng chim càng làm cho không gian trở nên cao rộng đến mê mông. Một từ “Ơi” đặt ở đầu câu, một từ “chi” đứng sau động từ “hát” đã đưa cách nói ngọt ngào, thân thương của Huế vào nhạc điệu của thơ. Từ “giọt” được hiểu theo rất nhiều nghĩa: có thể là “giọt nắng bên thềm”, giọt mưa xuân, giọt sương sớm hay cả tiếng hót của những chú chim chiền chiện ngưng đọng thành từng giọt âm thanh... Nhưng đối với khung sắc trời xuân thì giọt xuân càng làm tăng thêm vẻ đẹp và sự quyến rũ của nó. => Một mùa xuân tràn đầy sức sống

- Từ “hứng” diễn tả sự nâng niu, trân trọng của nhà thơ đối với vẻ đẹp của trời, của sông, của chim muông hoa lá. Đồng thời sự chuyển đổi cảm giác: Thị giác – thính giác- xúc giác lại thể hiện cảm xúc say sưa ngây ngất của Thanh Hải trước vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên đất trời và niềm yêu mến thiết tha cuộc sống của nhà thơ.

2. Mùa xuân của đất nước (Mùa xuân người...xôn xao)

- Từ mùa xuân của thiên nhiên đất trời, tác giả đã chuyển cảm nhận về mùa xuân của cuộc sống, nhân dân và đất nước. Với hình ảnh “người cầm súng” và “người ra đồng”, biểu tượng của hai nhiệm vụ: chiến đấu bảo vệ tổ quốc và lao động tăng gia để xây dựng đất nước với những câu thơ giàu hình ảnh và mang tính gọi cảm:

- Hình ảnh mùa xuân của đất trời đọng lại trong lộc non đã theo người cầm súng và người ra đồng, hay chính họ đã đem mùa xuân đến cho mọi miền của tổ quốc thân yêu. Mùa xuân của đất nước với 2 lực lượng là bảo vệ và xây dựng tổ quốc. Mùa xuân như theo chân người đến khắp mọi nơi với nhịp điệu hối hả, tung bừng.

- Tác giả đã sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ như nhấn mạnh và kết thúc một khổ thơ bằng dấu ba chấm. Phải chăng dấu ba chấm như còn muốn thể hiện rằng: đất nước sẽ còn đi lên, sẽ phát triển, sẽ đến với một tầm cao mới mà không có sự dừng chân ngơi nghỉ.

- Sức sống của “mùa xuân đất nước” còn được cảm nhận qua nhịp điệu hối hả, những âm thanh xôn xao của đất nước bốn ngàn năm, trải qua biết bao vất vả và gian lao để vươn lên phía trước và mãi khi mùa xuân về lại được tiếp thêm sức sống để bừng dậy, được hình dung qua hình ảnh so sánh rất đẹp: (Đất nước bốn... phía trước)

- Đó chính là lòng tự hào, lạc quan, tin yêu của Thanh Hải đối với đất nước, dân tộc. Những giọng thơ ấy rất giàu sức suy tưởng và làm say đắm lòng người.

3. Mùa xuân của mỗi một con người

- Từ cảm xúc của thiên nhiên, đất nước, mạch thơ đã chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ suy ngẫm và tâm niệm của nhà thơ trước mùa xuân của đất nước. Mùa xuân của thiên nhiên, đất nước thường gọi lên ở mỗi con người niềm khát khao và hi vọng; với Thanh Hải cũng thế, đây chính là thời điểm mà ông nhìn lại cuộc đời và bộc bạch tâm niệm thiết tha của một nhà cách mạng, một nhà thơ đã gắn bó trọn đời với đất nước, quê hương với một khát vọng cân thành và tha thiết

_ Ta làm...xao xuyên => Lời thơ như ngân lên thành lời ca. Khát vọng của ông là được làm con chim hót để dâng tiếng hót, một cành hoa để tỏa hương và một nốt nhạc “trăm xao xuyên”...tạo nên “một mùa xuân nho nhỏ” hoà nhập vào “mùa xuân lớn” của đất nước. Nghĩa là dâng hiến tất cả những gì tốt đẹp nhất, dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung cho đất nước. Điệp ngữ: “ta làm – ta nhập” thể hiện một nguyện ước vô cùng tha thiết, nồng cháy.

- Nếu như đoạn đầu Thanh Hải xưng “tôi” thì đến đoạn này ông chuyển xưng “ta”. Vì sao có sự thay đổi như vậy? Ta ở đây là nhà thơ và cũng chính là tất cả mọi người và khát vọng của ông cũng là khát vọng chung nên dễ dàng nhận được sự đồng cảm, chia sẻ.

- Cụm từ “lặng lẽ dâng ”: thể hiện sự khiêm tốn, giản dị không hề khoa trương ồn ào bởi xuất phát từ tiếng lòng thiết tha, nhỏ nhẹ, chân thành của tác giả nên lời thơ dễ dàng được mọi người tiếp nhận.

- “Dù là... Tóc bạc”: Đã gọi là cống hiến cho đời thì dù ở tuổi nào đi chăng nữa cũng phải luôn biết cố gắng hết tâm trí để phục vụ và hiến dâng cho quê hương, đất nước mến yêu của chính mình. Già - cống hiến tuổi già, trẻ - cống hiến sức trẻ để không bao giờ thất vọng trước chính bản thân mình.

=> Thật cảm động và kính phục biết bao khi đọc những vần thơ như lời tổng kết của cuộc đời. “Dù là tuổi hai mươi” khi mới tham gia kháng chiến cho đến khi tóc bạc là thời điểm hiện thời vẫn lặng lẽ dâng hiến cho đời và bài thơ này là một trong những bài thơ cuối cùng. “Một mùa xuân nho nhỏ” cuối cùng của Thanh Hải dâng tặng cho đời trước lúc ông bước vào thế giới cực lạc, chuẩn bị ra đi mãi mãi.

4. Khổ thơ cuối

Kết thúc bài thơ bằng một âm điệu xứ Huế: điệu Nam ai, Nam Bình mệnh mang tha thiết, là lời ngợi ca đất nước, biểu hiện niềm tin yêu và gắn bó sâu nặng của tác giả với quê hương, đất nước, một câu chân tình thấm thiết

Đánh giá chung

Những lời tâm sự cuối cùng của người sắp mất luôn là những lời thực sự, luôn chứa chan tình cảm, ước nguyện sâu lắng nhất... và bài thơ này cũng chính là những điều đúc kết cả cuộc đời của ông. Ông đã giải bày, tâm tình những điều sâu kín nhất trong lòng, và chính lúc đó Thanh Hải đã thả hồn vào thơ, cùng chung một nhịp đập với thơ để ông và thơ luôn được cùng nhau, hiểu nhau và giải bày cho nhau.

III. Kết bài

Tóm lại bài thơ đã sử dụng thể thơ năm chữ, mang âm hưởng dân ca nhẹ nhàng tha thiết, giàu hình ảnh, nhạc điệu, cấu trúc thơ chặt chẽ, giọng điệu đã thể hiện đúng tâm trạng, cảm xúc của tác giả. Nét đặc sắc của bài thơ là ở chỗ nó đề cập đến một vấn đề lớn và quan trọng “nhân sinh”, vấn đề ý nghĩa cuộc sống của mỗi cá nhân được Thanh Hải thể hiện một cách chân thành, thiết tha, bằng giọng văn nhỏ nhẹ như một lời tâm sự, gửi gắm của mình với cuộc đời. Nhà thơ ước nguyện làm một “mùa xuân” nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường; là “một mùa xuân nho nhỏ” góp vào “mùa xuân lớn” của đất nước của cuộc đời chung và bài thơ cũng có ý nghĩa hơn khi Thanh Hải nói về “mùa xuân nho nhỏ” nhưng nói được tình cảm lớn, những xúc động của chính tác giả và của cả chúng ta.

Phân tích bài thơ "Viếng lăng Bác" của Viễn Phương

I. Mở bài:

- Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại, vị cha già đáng kính của cả dân tộc Việt Nam. Vì thế, sự ra đi của Bác là một sự mất mát to lớn của toàn thể dân tộc. Đã có rất nhiều vần thơ thể hiện lòng nhớ thương của những người con Việt Nam đối với Bác. (kể tên một số tác giả, tác phẩm)

- Tuy là một bài thơ ra đời khá muộn, nhưng "Viếng lăng Bác" của Viễn Phương vẫn để lại trong lòng người đọc những cảm xúc sâu lắng, bởi đó là tình cảm của một người con miền Nam lần đầu được gặp Bác. Toàn bài thơ là một lời tâm sự thiết tha, là nỗi lòng thành kính và tha thiết của một người con miền Nam đối với Bác Hồ.

II. Thân bài

Mạch cảm xúc của bài thơ được kết cấu theo trình tự một cuộc viếng lăng

1. Khổ 1

- Bài thơ được mở đầu như một lời thưa Bác dạt dào tình cảm: "Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác"
=> Từ miền Nam xa xôi, Viễn Phương cùng các chiến sĩ ra thủ đô Hà Nội để thăm lăng Bác. Đây là một cuộc hành hương xa xôi cách trở.

- Câu thơ đầu với lời xưng hô thân mật, gần gũi. => Tác giả xem mình như một người con từ Miền Nam
- nơi Bác hằng khát khao mong nhớ về thăm người cha già kính yêu của dân tộc. Câu thơ thể hiện tình cảm thiết tha vừa thành kính, vừa xúc động của một người con miền Nam qua cách xưng hô gần gũi, mang đậm chất Nam Bộ: "Con-Bác". Tác giả dùng từ "thăm" mà không dùng từ "viếng" => Trong tâm tưởng của nhà thơ Bác còn sống mãi

- Đứng từ xa ngắm nhìn lăng Bác, hình ảnh hàng tre bát ngát hiện lên trong màn sương huyền ảo của bầu trời Hà Nội: "Đã thấy thẳng hàng" => Từ lâu, lũy tre xanh đã trở thành một nét đẹp của làng quê Việt Nam. Tre là người bạn thân thiết, luôn giúp đỡ con người trong mọi công việc: "Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín". Hàng tre thân thuộc tự bao đời với người dân VN làm cho lăng Bác vừa thực, vừa gần gũi như mái nhà thân thuộc ấm cúng của người Việt.

- Nhưng ở đây, hình ảnh hàng tre không chỉ dừng lại ở tầng nghĩa đó, hàng tre ở đây được so sánh ngầm với con người và đất nước Việt Nam. Tre luôn đoàn kết, gắn bó tạo nên một lũy thành kiên cường thách thức gió mưa, giông bão. (Liên hệ thơ Nguyễn Duy: "Bão bùng nên hơi người")

- Tre là hình ảnh tượng trưng cho tình đoàn kết, cho khí thái hiên ngang, bất khuất và dũng cảm chiến đấu với kẻ thù của người Việt Nam. Tre luôn đứng thẳng như con người Việt Nam thà chết chứ không chịu sống quỳ. Biểu tượng đẹp đẽ ấy được nhà thơ chọn lọc miêu tả quanh lăng Bác, như cả dân tộc Việt Nam vẫn đang sát cánh bên Bác. Hàng tre Việt Nam ấy, phải chăng là hình ảnh của những người con Việt Nam đang quây quần bên vị cha già đáng kính đang đi vào giấc ngủ an lành? Hình ảnh tượng trưng có ý nghĩa biết bao!

2. Khổ 2:

- Tiến gần hơn đến lăng Bác, nhà thơ bắt gặp hình ảnh mặt trời đỏ rực trên lăng: "Ngày ... rất đỏ"
=> Mặt trời rực sáng đem đến sự sống, đem đến ánh sáng tươi đẹp cho trái đất. Nếu mặt trời trong câu thơ thứ nhất là một hình ảnh thực, là một vật thể không thể thiếu của vũ trụ, thì mặt trời trong câu thơ thứ hai lại là một hình ảnh ẩn dụ được nhà thơ sử dụng một cách sáng tạo ca ngợi sự vĩ đại của Bác. Bác như một vầng thái dương sáng ngời, chiếu rọi ánh sáng cách mạng vào tâm hồn để vực dậy sự sống tươi đẹp cho những con người đắm chìm trong bóng đêm nô lệ. Bác là người đã dẫn dắt con đường cách mạng cho toàn thể dân tộc, đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng đất nước. Vì thế, Bác là một mặt trời vẫn luôn ngời sáng, sưởi ấm cho linh hồn của những người con Việt Nam.

- Hình ảnh dòng người vào thăm lăng Bác đã được nhà thơ miêu tả một cách độc đáo và để lại nhiều ấn tượng: "Ngày ngày chín mùa xuân"

=> Ta nhận thấy cụm từ "ngày ngày" được điệp lại một lần nữa. "Ngày ngày" là sự lặp đi lặp lại, không thay đổi. Điệp lại cụm từ này, có lẽ nhà thơ muốn nhấn mạnh một chân lý. Nếu mỗi ngày mặt trời đi qua trên lăng, tỏa ánh sáng sưởi ấm vạn vật là một điệp khúc không thay đổi của thời gian, thì công ơn của Bác ngự trị trong lòng người dân Việt Nam cũng không phai nhòa theo năm tháng, và hình ảnh dòng người ngày ngày vào viếng lăng Bác cũng đã trở thành một điệp khúc của lòng kính yêu Bác.

- "Tràng hoa" cũng là một hình ảnh ẩn dụ sáng tạo của nhà thơ. Mỗi người con Việt Nam là một đóa hoa tươi thắm, hàng triệu con người Việt Nam sẽ trở thành một tràng hoa rực rỡ sắc màu dâng lên Bác. Hình ảnh hoán dụ "bảy mươi chín mùa xuân" tượng trưng cho bảy mươi chín năm Bác đã cống hiến cuộc đời cho đất nước, cho cách mạng. Mỗi tuổi đời của Bác là một mùa xuân tươi đẹp dâng hiến cho Tổ quốc. Và giờ đây, Bác chính là mùa xuân còn dòng người là những đóa hoa tươi thắm. Hoa nở giữa mùa xuân, một hình ảnh đẹp đẽ, ý nghĩa biết bao!

3. Khổ 3

- Theo dòng người, Viễn Phương vào lăng viếng Bác: "Bác nằm trong tim"

- Nhà thơ sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh không chỉ để giảm nhẹ nỗi đau trong lòng những người con Việt Nam, mà còn để ca ngợi sự ra đi nhẹ nhàng mà thanh thản của Bác. Không gian trong lăng Bác thanh tịnh với một ánh sáng dịu hiền, như ánh sáng của vầng trăng, người bạn tri kỷ của Bác. Bác

vốn yêu thiên nhiên, yêu vàng trắng sáng và đã sáng tác rất nhiều vần thơ ca ngợi vẻ đẹp của ánh trăng như: "Tiếng suối bóng lồng hoa" (cảnh khuya). Hay " Nhân hướng ... khán thi gia" (Khán nguyệt) - Suốt cuộc đời, Bác gắn bó với vàng trắng sáng. Trong những năm tháng kháng chiến gian khổ hay trong nhà lao của Tưởng Giới Thạch, vàng trắng vẫn là người bạn, người tri kỷ luôn ở bên Bác, chứng kiến những thăng trầm, những gian khó hi sinh trong sự nghiệp cách mạng của Bác. Đến hôm nay, vàng trắng ấy vẫn tiếp tục ở cạnh Bác, toả ánh sáng vỗ về cho giấc ngủ an lành của Bác.

- Trong khoảnh khắc thiêng liêng bên cạnh Bác, một cảm giác đau xót bất chợt trỗi dậy trong lòng nhà thơ: "Vẫn biết ở trong tim"

=>"Trời xanh" là hình ảnh ẩn dụ ngợi ca sự bất tử của Bác. Hai dòng thơ cho thấy rõ sự đối lập trong suy nghĩ và tình cảm. Nhà thơ và mọi người vẫn biết rằng Bác vẫn sống mãi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, nhưng sự ra đi của Bác vẫn là một mất mát to lớn cho mọi người và đất nước Việt Nam. Nỗi đau quá lớn, vì vậy mà mọi lập luận đều trở nên vô nghĩa. Viễn Phương đang ở trong một tâm trạng xót xa, thương tiếc đến nghẹn ngào. Là một người con của Nam Bộ, đây là lần đầu tiên Viễn Phương được gặp Bác. Trong suốt những năm đất nước bị chia cắt, nhân dân miền Nam quyết tâm chiến đấu, ai cũng mong có lúc: "Miền Nam chiến thắng mơ ngày hội/ Đón Bác vào thăm thấy Bác cười" Nhưng, niềm mong ước ấy không bao giờ thành hiện thực. Bác đã ra đi khi chưa thực hiện được niềm mong ước cuối cùng là vào nam gặp mặt đồng bào, những người con vẫn ngày đêm mong nhớ được gặp mặt Bác. "Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà/ Miền Nam mong Bác nỗi mong cha"

Vì vậy, sự ra đi của Bác là một mất mát to lớn không gì bù đắp được đối với một người con Nam Bộ như Viễn Phương.

4. Khổ cuối

- Mạch cảm xúc dâng trào mãnh liệt trong giờ phút chia ly: "Mai về miền Nam thương trào nước mắt"

=>Câu thơ thể hiện khoảng cách thời gian ngắn ngủi, khơi gợi trong lòng nhà thơ những cảm xúc lưu luyến. Cụm từ "thương trào nước mắt" nghe dào dạt mà thâm sâu, là sự kính yêu cuộc đời cao cả của Bác, là nỗi xót đau khi đối mặt với giờ phút chia ly cận kề. Thương ở đây bao trùm cả thương yêu, thương kính và thương xót. Thương đến trào nước mắt là niềm cảm xúc không thể dừng lại, không thể kềm chế mà tuôn trào nước mắt, những giọt nước mắt trước lúc chia xa. Cảm xúc đó cũng chính là cảm xúc của con người Việt Nam, của triệu triệu trái tim luôn hướng về Bác.

- Cảm xúc ấy cũng là nguyên nhân để nhà thơ nói lên ước nguyện sâu thẳm trong tâm hồn: "Muốn làm chốn này" => Điệp ngữ "muốn làm" được điệp lại nhiều lần như để khẳng định ước nguyện chân thành của nhà thơ. Nhà thơ muốn hóa thân thành những hình ảnh đẹp nhất của thiên nhiên đất nước để dâng lên cho Bác. Nhà thơ muốn làm con chim cất lên tiếng hót mê say, muốn làm đóa hoa tỏa hương cho đời. Và thật cao đẹp biết bao khi nhà thơ muốn hóa thân làm cây tre trung hiếu, trong muôn ngàn cây tre quanh lăng Bác, để được ở mãi bên Bác. Hình ảnh cây tre ở khổ thơ thứ nhất được lặp lại trong khổ thơ cuối tạo nên kết cấu đầu cuối tương ứng, giúp hoàn thiện biểu tượng cây tre Việt Nam. Nếu ở khổ thơ thứ nhất, tre là hình ảnh tượng trưng cho phẩm chất kiên cường, bất khuất; thì ở khổ thơ cuối, hình ảnh cây tre được lặp lại nhưng là để tượng trưng cho phẩm chất trung hiếu. Cây tre đã trở thành biểu tượng toàn vẹn cho phẩm chất của con người và dân tộc Việt Nam.

III. Kết bài

Bài thơ "Viếng lăng Bác" đã để lại trong lòng bạn đọc những cảm xúc sâu lắng và tha thiết. Với những hình ảnh ẩn dụ độc đáo và những biện pháp tu từ đặc sắc, Viễn Phương đã thể hiện một hồn thơ rất riêng. Qua bài thơ, Viễn Phương đã thay nhân dân miền Nam nói riêng và nhân dân cả nước nói chung dâng lên Bác niềm cảm xúc chân thành, lòng tôn kính thiêng liêng. Bài thơ sẽ tiếp tục sống trong lòng người đọc, gợi nhắc cho những thế hệ kế tục thành quả rực rỡ của cách mạng cách sống sao cho xứng đáng với sự hi sinh của một con người vĩ đại mà giản dị- Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã sống trọn một đời: "Chỉ biết quên mình cho hết thày/ Như dòng sông chảy nặng phù sa"

SANG THU - Hữu Thỉnh

I. Mở bài

- Hữu Thỉnh(1942)- Quê Vĩnh Phúc.Trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.Thơ ông trong sáng, sâu lắng, giàu suy tưởng.

- Bài thơ Sang thu Sáng tác năm 1977 Rút từ tập thơ: “*Từ chiến hào tới thành phố*”.

- Trước Hữu Thỉnh trong thơ hình như mùa thu đã sớm định hình trong trạng thái ổn định, phân chia bởi những mốc thời gian vô hình.Còn đến Sang thu cách lựa chọn khoảnh khắc thời gian đã khác, chưa có một sự định hình mà mới chỉ bắc cầu giữa không và có . Và chính từ cảm giác mơ hồ này mùa thu đến vừa lạ vừa quen,nó đánh thức nơi ta những gì tha thiết lắm.

II. Thân bài

- Mạch cảm xúc của bài thơ phát triển : Ngõ ngàng trước những tín hiệu đầu tiên=>Chiêm ngưỡng những biến chuyển của thiên nhiên=>Chiêm nghiệm, ngẫm nghĩ

1. Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa

a. Thi sĩ nhận ra mùa thu qua những tín hiệu đầu tiên (khổ 1)

+ Hương ổi (khứu giác) - phả: ấm áp nồng nàn hương hoa vườn tược. Trái ngọt từ mùa hạ để đến đầu mùa thu dâng cho đời hương thơm.Mùa thu của Hữu Thỉnh được mở ra không phải với sắc vàng tươi của hoa cúc, cũng không phải với vị thơm ngon của cốm làng Vòng, mà là với hương ổi thơm giòn ngọt phả vào trong gió thu. Dường như cái hương thơm dịu ấy chỉ thoang thoảng quanh quất đâu đây. Nó không mang cái mùi thơm hăng hắc như hoa sữa, cũng không quá nhẹ để người ta dễ lãng quên. Hương thơm ấy nhẹ nhàng thoang qua theo gió, để người ta chợt xôn xang trong lòng.

+ Gió (xúc giác) - se : chưa phải là se lạnh mà chỉ mới hơi se lại-> cái lạnh và ấm giao nhau. Làn gió se se lạnh của mùa thu cũng rất khác với cái gió tê tái của mùa đông. Nó chỉ khiến ta hơi co người lại một chút và để rồi thảnh thơi đón nhận cả một luồng khí thu mát rượi trong lòng. Có lẽ, sẽ chẳng ở đâu có cái gió se lạnh ấy ngoài mùa thu của đất Bắc – cái gió se mà từ lâu vẫn được coi là hồn thu Bắc Bộ.

+ Sương (thị giác) -chùng chình : thấp thoáng vạt sương thu mờ ảo như đang lưu luyến chờ đợi hay nuôi tiếc.Biện pháp nhân hoá làm cho cảnh vật trở nên có hồn có tình.Sương thu cũng có cái nét đặc biệt riêng của nó. Nó không tan nhanh như sương mùa hạ, cũng chẳng dày đặc như sương mùa đông. Sương thu là những làn khói mong manh bay vờn nhẹ trên những nãi nhà, ngoài vườn. Sương thu không vô cảm, nó cũng mang hồn người . Sương đang đợi ai, sương đang chờ ai mà sao lưu luyến thế? Từ láy “chùng chình” tạo cho ta cảm giác “dùng dằng nửa ở nửa về”.

- Tác giả mở đầu khổ thơ bằng từ “*bỗng*” và kết thúc bằng từ “*hình như*”: Từ “*bỗng*” mở đầu khổ thơ bởi tất cả những tín hiệu ấy đến rất mơ hồ và đột ngột, nhưng lại có sức khám phá và khơi gợi một toạ độ thời gian rõ nét. Từ đó tác giả đã hạ một từ “*hình như*” và đó là sự rung rinh cảm nhận một cái gì như có mà như không, băng khuâng ,xao xuyến.

b. Bức tranh giao mùa được mở rộng hơn cả về tầm cao và rộng. (Khổ 2,3)

- Sau một thoáng ngỡ ngàng, nhà thơ như chợt bừng tỉnh- thu đã về thật rồi! Khép lại những hoài nghi, Hữu Thỉnh chẳng còn nghĩ gì ngoài cảm xúc đang dâng trào.

=>Bức tranh mùa thu từ những gì vô hình, từ nhỏ hẹp chuyển sang những nét hữu hình cụ thể với một không gian vừa dài rộng, vừa cao vợi. Đây là một bức tranh động với ột hệ thống từ ngữ chọn lọc gợi cảm thể hiện một bức tranh thật êm đềm nhưng ẩn chứa trong đó là sự chuyển giao đầy sức sống của tạo hoá: “*được lúc - bắt đầu - vất nửa mình - vẫn còn – vơi dần - bớt - đứng tuổi*”

- Hình ảnh: “*Sông ... vội vã*”: Nhịp thơ nhanh và gấp cũng như hơi thở của mùa thu đã bắt đầu đập mạnh. Sông vào mùa này chẳng có mưa to gió lớn nên nước cứ “*dềnh dàng*”. Con sông tràn trề nước mà hình như cứ không chịu chảy, cứ cố nán lại để đợi chờ ai. Sông chờ nước mùa thu chẳng? Một hình ảnh thơ thật thi vị và lãng mạn. Nhưng đàn chim thì không thể dềnh dàng được nữa, chúng phải vội vã bay về phương Nam tránh rét. Tất cả đều đang chuyển mình, đang thay đổi. Hai hình ảnh đối lập về

tốc độ trái chiều giữa nhanh và chậm, phải chăng là quy luật không đồng đều giữa thời điểm giao thoa của muôn loài muôn vật? Và chỉ tấm lòng của những con người gắn liền với buồn vui nhân thế mới có thể cảm nhận được điều đó.

- Hình ảnh “*Đám ... sang thu*” là hình ảnh đặc sắc nhất trong bức tranh : Mùa hạ và mùa thu là hai đầu bên mà đám mây là nhịp cầu vắt qua. Nhịp cầu thật duyên dáng nổi hai bờ thời gian bằng vẻ đẹp mềm mại trữ tình. Hữu Thỉnh đã lấy không gian để miêu tả thời gian làm cho bức tranh sống động cảm xúc thị giác.

- Những thi liệu “ nắng, mưa ,sấm” thường gắn liền với mùa hạ với cái nắng chói chang, những cơn mưa rào ào ạt và tiếng sấm đột ngột âm ào... Nhưng trong bài thơ những thi liệu đặc trưng cho mùa hạ ấy lại được đi liền với các phụ từ : “vẫn còn, vui dần, bớt”=> Những tín hiệu đặc trưng của mùa hạ nhưng với độ giảm dần để gay gắt chuyển hoá thành dịu êm thì đó là một dấu hiệu của mùa thu. Nhà thơ thật tinh tế khi dùng, đêm: đầy, vui, nhiều, ít, mau, thưa. Đó là một thứ ước lượng trong hồn mà hồn thơ lại nhẹ như mây bay gió thổi.

- Sự biến chuyển của “sấm, mưa, nắng” so với sự biến chuyển của “hàng cây” – hình ảnh cuối cùng khép lại bài thơ là sự đối lập: nếu “sấm, mưa, nắng” ở chiều hướng giảm thì “hàng cây” với số tuổi lại ở chiều hướng tăng. Hàng cây như một chứng nhân lặng lẽ âm thầm quan sát lắng nghe sự vận động của chính nó. Cảnh vật vẫn hoà điệu đầy nhưng vẫn cứ so le: *Hàng cây chóng già mà mùa thu rất trẻ*. Cuộc sống thật đẹp làm sao trong những bước đi lặng lẽ, thì thầm của nó.

2. Suy ngẫm của thi nhân.

-Chuyển ý: Bài thơ không chỉ đơn thuần là một bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa, mà dường như trong cảnh còn có tình và cái tình đó thật sâu lắng ẩn trong từng câu chữ. Ta hãy cùng lắng lại để nghe tiếng lòng của thi nhân.

- Hai câu thơ cuối :“Sấm ...đứng tuổi” vừa có tính tả thực vừa hàm ý sâu xa:

+ Nghĩa thực: Cuối hạ - đầu thu, khi đã không còn những cơn mưa xối xả thì sấm cũng bớt bất ngờ và dữ dội. Hàng cây đứng tuổi là hàng cây đã qua bao cuộc chuyển mùa? Không biết chính xác là bao nhưng chắc cũng đủ để điem nhiên tróc những biến động.

+ Nghĩa ẩn dụ: về chín chắn, điem tĩnh của cây trước sấm sét bão dông vào lúc sang thu hay đó chính là sự từng trải chín chắn của con người sau những bão táp của cuộc đời? Cả cuộc đời con người có khi vội vàng có lúc dềnh dang, chùng chình...bỗng giật mình tóc đã pha sương, cuộc đời đã sang thu và dường như sự từng trải làm người ta vững chãi hơn, bình tĩnh hơn.

4. Một vài nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ:

- Nhà thơ lại đặt nhan đề là *Sang thu* : Nhan đề bao trùm : Hương quả sang thu, ngọn gió sang thu, dòng sông, cánh chim, bầu trời, đám mây sang thu . Sấm chớp, dông bão, cây cối sang thu.. . Và trong cảnh sang thu của thiên nhiên , đất trời tạo vật là lòng lộng hồn người sang thu . Vừa lưu luyến bồi hồi, lại vừa nghiêm trang chững chạc, vừa sâu lắng lại băng khuâng, khiêm nhường nhưng cũng đầy tự hào kiêu hãnh.

- Trong suốt bài thơ tác giả chỉ sử dụng một dấu chấm ở cuối bài: Cảm xúc vận động liên mạch. Cả bài thơ như là một thước phim quay chậm từ không gian nhỏ hẹp rồi mở rộng dần bao trùm cảnh vật và chỉ đến hình ảnh của “hàng cây đứng” tuổi vững chãi thì thước phim mới khép lại để tạo dư ba cho dòng cảm xúc suy tư.

III. Kết bài:

- Với hình ảnh thơ tự nhiên, không chau chuốt mà giàu sức gợi cảm, thể thơ năm chữ vắt dòng tạo ra những liên tưởng thú vị, nhà thơ Hữu Thỉnh đã thể hiện một cách đặc sắc những xúc cảm tinh tế tróc bóc chuyển giao của mùa. Qua đó bộc lộ một tình cảm yêu mến thiên nhiên, một tâm hồn nhạy cảm, sâu sắc.

- Đặt bức tranh mùa thu êm đềm thơ mộng tuyệt đẹp của Hữu Thỉnh vào trong nhịp sống hối hả của thời đại công nghiệp hôm nay ta thấy: trong cuộc sống của chúng ta có những vẻ đẹp ẩn chứa trong

những điều thật bình dị. Đó có thể chỉ là một hương ổi đầu mùa nhẹ nhàng nhưng cũng đủ sức đánh thức cả một hoài niệm nhớ thương... Nhưng chúng ta trong nhịp sống hối hả với những vòng quay của cuộc đời có thể sẽ chẳng bao giờ cảm nhận được niềm hạnh phúc bình dị mà thiêng liêng ấy. Hãy lắng lại, thả hồn vào tạo vật để được thấy mình lớn lên, vững vàng hơn. Đó phải chăng cũng là điều mà nhà thơ Hữu Thỉnh muốn gửi đến chúng ta qua bài thơ này

NÓI VỚI CON – Y Phương

I. Mở bài:

- Xưa nay tình mẫu tử là đề tài phong phú cho thơ ca. Nhưng những bài thơ về tình cha con thì có lẽ khá ít. Bài thơ "Nói với con" của Y Phương là 1 trong những tác phẩm hiếm hoi đó.
- Đi từ đề tài quen thuộc :tình cảm cha con ,phụ tử thiêng liêng ,nhưng với Y Phương ,trong làng thơ Việt Nam đã có thêm một lối đi ,1 giai điệu mới . Khác với "Chiếc lược ngà ",tình cha con được đặt trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh ,tình cha con trong bài thơ được thể hiện qua lời tâm tình của người cha .Người cha đã bộc lộ lòng yêu thương con qua ước mong con sống xứng đáng ,phát huy truyền thống của,gia đình , quê hương.

II. Thân bài

1. Cảm nhận đầu tiên trong lời cha nói là hình ảnh con lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ, sự đùm bọc, che chở của người đồng mình, của quê hương.

- Bài thơ mở ra với khung cảnh gia đình ấm cúng, đầy ắp giọng nói tiếng cười: “Chân phải.....tiếng cười”.

=> Khung cảnh ấy đẹp như 1 bức tranh: hình ảnh em bé ngây thơ lẫm chẫm tập đi, bi bô tập nói trong vòng tay, trong tình yêu thương, chăm sóc, nâng niu của cha mẹ; hình ảnh cha mẹ giang rộng vòng tay, chăm chút từng bước đi, từng bước đi, từng nụ cười, tiếng nói của con. Gia đình chính là cái nôi êm ái, tổ ấm để con sống, lớn khôn và trưởng thành trong niềm yêu thương con cái. Đó là không khí thường thấy trong các gia đình hạnh phúc. Nhưng cách diễn đạt ở đây có nét độc đáo riêng của người miền núi: nói bằng hình ảnh cụ thể.

- Không chỉ có gia đình, con còn lớn lên, trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong quê hương sâu nặng nghĩa tình: “Người đồng mình yêu lắm con ơi.....tấm lòng”

=> Một cách nói rất riêng, rất ngộ : "người đồng mình", là người miền mình, người vùng mình, là những người cùng sống trên 1 miền đất, cùng quê hương, cùng 1 dân tộc. Đó là cách nói mộc mạc, mang tính địa phương của dân tộc Tày nhưng giàu sức biểu cảm. Tác giả vận dụng lối diễn đạt của người dân tộc miền núi để xây dựng hình ảnh thơ. Những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc đều được diễn tả trực tiếp bằng hình ảnh. Đan lờ để bắt cá, dưới bàn tay của người Tày, những nan trúc, nan tre đã trở thành "nan hoa". Vách nhà ko chỉ ken bằng gỗ mà còn đc ken bằng "câu hát". Rừng đâu chỉ cho nhùi gỗ quý, lâm sản mà còn cho hoa. Ba động từ "đan", "cài", "ken" còn thể hiện sự đoàn kết, gắn bó của quê hương. Lao động đã đem đến cho con bao điều tốt đẹp, "người đồng mình" và quê hương áp ủ, nuôi sống con trong tình thương yêu, trong tình đoàn kết buôn làng. Và con đường đâu chỉ để đi mà nó còn cho "những tấm lòng" nhân hậu, bao dung, nghĩa tình. Con đường đó là hình bóng thân thuộc của quê hương, còn in dấu những bước chân đi xuôi ngược, làm ăn sinh sống của buôn làng, nên nó mang 1 ý nghĩa thật to lớn trong quá trình khôn lớn của con.

2. Những đứn giá tính cao đẹp của người đồng mình và ước mơ của cha về con

- Đó là lòng yêu lao động, hăng say lao động với cả tấm lòng. Đó là sức sống bền bỉ mạnh mẽ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ: “ Người đồng mình.....Không lo cực nhọc”

=> Trước hết đó là tình thương yêu, đùm bọc nhau. Cách nói mộc mạc mà chứa đựng bao ân tình rất cảm động đó được lặp đi lặp lại như một điệp khúc trong bài ca. Chính tình thương đó là sức mạnh để "người đồng mình" vượt qua bao gian khổ cuộc đời. Những câu thơ ngắn, đối xứng nhau "cao đo nỗi

buồn xa nuôi chí lớn" diễn tả thật mạnh mẽ chí khí của "người đồng mình": sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc, lam lũ nhưng có chí lớn, luôn yêu quý tự hào, gắn bó với quê hương.

=> Về cách sống, người cha muốn giáo dục con sống phải có nghĩa tình, chung thủy với quê hương, bất chấp nhận vượt qua gian nan, thử thách bằng ý chí và niềm tin của mình. Không chê bai, phản bội quê hương : "không chê...không chê...không lo" dù quê hương còn nghèo, còn vất vả. "Người đồng mình sống khoáng đạt, hồn nhiên, mạnh mẽ "như sông như suối-lên thác xuống ghềnh-ko lo cực nhọc". Lời cha nói với con mà cũng là lời dạy con về bài học đạo lý làm người. Đoạn thơ rất dồi dào nhạc điệu, tạo nên bởi điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu và nhịp thơ rất linh hoạt , lúc vượn dài, khi rút ngắn, lời thơ giản dị, chắc nịch mà lay động, thấm thía, có tác dụng truyền cảm mạnh mẽ.

- Đề nhắc nhở giáo dục con, người cha nhấn mạnh truyền thống của người đồng mình: "Người đồng mình thô sơ daNghe con"=> Sự đối lập giữa bên ngoài : "thô sơ da thịt" nhưng bên trong ko hề nhỏ bé về tâm hồn ,người đồng mình có ý chí tự làm chủ cuộc sống của mình. Qua "sự liên tưởng phong phú sáng tạo "tự đục đá kê cao quê hương "người đồng mình là những con người lao động cần cù ,có nghị lực ,niềm tin ,mà tầm vóc , nỗi buồn , chí hướng của họ là cái cao , xa chiều kích của trái đất (Cao đo nỗi buồn /Xa nuôi chí lớn) .Họ giữ gìn bản sắc dân tộc mà vẫn làm rạng rỡ quê hương như vậy bởi họ yêu quê hương sâu nặng và luôn lấy quê hương làm chỗ dựa tinh thần .Người cha muốn con yêu là yêu những điều đó , yêu những đức tính cao đẹp của người đồng mình .

=> Truyền thống ấy thật đáng tự hào, tuy "thô sơ da thịt", ăn mặc giản dị, áo chàm, khăn piêu, cuộc sống mộc mạc thiếu thốn... nhưng ko hề nhỏ bé về tâm hồn, ý chí nghị lực và đặc biệt là khát vọng xây dựng quê hương. Họ xây dựng quê hương bằng chính sức lực và sự bền bỉ của mình: "tự đục đá kê cao quê hương". Họ sáng tạo, lưu truyền và bảo vệ phong tục tốt đẹp của mình biết tự hào với truyền thống quê hương

=> Cho con thấy tình yêu thương ,niềm tin tưởng của cha ,người cha mong con biết sống sao cho tốt ,cho xứng đáng với tình cảm của cha .Cho con hiểu cuộc sống của người đồng mình ,người cha muốn con cảm thương với những khó khăn ,vất vả để khao khát đi xây dựng quê hương. Ca ngợi những đức tính cao đẹp của người đồng mình ,cha đã truyền cho con vẻ đẹp sức mạnh của truyền thống quê hương ,mong con sống có tình nghĩa ,biết chấp nhận gian khó ,vươn lên bằng ý chí của mình ,vững vàng trên đường đời.

- "Con ơi...nghe con": Người cha dặn dò con cần tự tin, vững bước trên đường đời, ko bao giờ được sống tầm thường, nhỏ bé, ích kỷ. Hai tiếng "nghe con" kết thúc bài thơ với tấm lòng thương yêu, kỳ vọng, vừa là lời dặn dò nhắc nhở ý chí tinh của người cha đối với đứa con thân yêu. Hai tiếng ấy nghe sao mà thân thương triu mến.

=> Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con chính là lòng tự hào với quê hương và niềm tự tin khi bước vào đời .Nói với con mà chính là cha đã trao tặng cho con .Cha đã vun đắp cho con những tình cảm tốt đẹp , cho con một hành trang quý và đã sẵn sàng tung cánh cho con bay đi khắp mọi nơi .

III. Kết bài

- Bài thơ có giọng điệu nhò nhẹ, chân tình và rất mới lạ trong phong cách, một phong cách miền núi với ngôn ngữ "thô cảm" rất độc đáo, với cảm xúc, tư duy rất riêng. Qua đó, Y Phương đã thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của 1 dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống .

- Những đặc sắc về nghệ thuật cộng hưởng hài hoà với những cung bậc tình cảm khác nhau của cha đã tạo nên dư âm sâu lắng cho bài thơ .Tiếng thơ trong "Nói với con " là tiếng lòng của Y Phương ,tiếng lòng về tình yêu và niềm tự hào đối với quê hương ,dân tộc .Tiếng cha nói với con hay chính là lời trao gửi thế hệ vậy !

ĐỀ: Phân tích nhân vật Phương Định trong đoạn trích truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê

I. Mở bài

- Nhắc đến khoảng trời Trường Sơn là nhắc đến biết bao sự hy sinh mất mát, nơi mà lính Mỹ đã thả bom dồn dập nhằm ngăn cản bước tiến dũng mãnh của các đoàn quân tiến về Sài Gòn giải phóng miền Nam. Nhưng Trường Sơn đâu chỉ mang trong mình bao sự thương đau, Trường Sơn còn là nơi ghi dấu của những tâm hồn tự nhiên, lạc quan của những người chiến sĩ lái xe không kính, những chàng trai cô gái thanh niên xung phong đã hy sinh tuổi trẻ để cống hiến cho đất nước.

- Là một người đã từng gắn bó với khoảng trời bom đạn ấy, nhà văn Lê Minh Khuê đã khai thác đề tài quen thuộc đã làm nên nhiều tên tuổi lớn trên văn đàn chống Mỹ nhưng cùng với sự sáng tạo và một chút lãng mạn của mình, “Những ngôi sao xa xôi” của bà, đã khắc họa hình ảnh của những cô gái thanh niên xung phong, mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định với những vẻ đẹp hồn nhiên vốn có của tuổi trẻ Việt Nam trong thời chống Mỹ.

II. Thân bài:

1. Tóm tắt truyện, giới thiệu nhân vật chính

- Câu chuyện kể về ba cô gái, ba cô gái thanh niên xung phong Nho, Thao và Phương Định, sống trên một cao điểm giữa mênh mông khói bụi Trường Sơn, làm công việc trinh sát mặt đường. Công việc của họ là “ngồi đây”, khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”. Trong lúc đơn vị thường làm việc khi mặt trời lặn, thì tổ trinh sát lại làm việc ban ngày, khi thần chết luôn “lẩn trong ruột những quả bom”, khi mà lính Mỹ thả bom nhiều nhất và cái chết luôn theo sát ba cô gái ấy. Công việc của họ là công việc quan trọng và cũng đầy gian khổ hy sinh, đòi hỏi tinh thần dũng cảm, sự nhạy bén quyết đoán và sự nhanh nhẹn. Trong hoàn cảnh ấy, ta mới thấy sáng ngời lên là những phẩm chất cao đẹp của ba nhân vật, và đặc biệt là Phương Định, nhân vật chính của truyện.

2. Khái quát về nhân vật

- Phương Định là một cô gái Hà Nội, “một cô gái khá”, chỉ vừa mới bước ra khỏi cuộc đời hồn nhiên vô tư lự của mình. Cô có vẻ bề ngoài đáng yêu trẻ trung và xinh xắn, “hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn”, còn đôi mắt thì có “cái nhìn sao mà xa xăm”.

- Những nét đẹp của cô đã được những anh lái xe để ý đến, bằng chứng là những bức thư dài gửi đường dây mặc dù có thể chào nhau hằng ngày, nhưng Phương Định cũng không sẵn sóc vồn vã, cô gái vẫn hay đứng ra xa, khoanh tay trước mặt và nhìn đi nơi khác mỗi khi một đám con gái xúm lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy. Một hành động đó thôi đã làm Phương Định trở nên thật kiêu kì, cái điệu của cô thật đáng yêu và cũng thật phù hợp với một người con gái như vậy.

3. Tâm hồn cô giữa khoảng trời Trường Sơn thật làm cho người ta thật ngạc nhiên.

- Cô mê hát, “thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát”, lời cô bịa lộn xộn ngớ, ngớ ngẩn đến không ngờ, đôi lúc nó cũng làm cho cô bò ra mà cười một mình, cô thích “những bài hành khúc bộ đội hay hát trên những ngã đường mặt trận”, cô thích “dân ca quan họ mềm mại dịu dàng” và kể cả “Ca-chiu-sa của Hồng quân Liên Xô”, “ngồi bó gối mơ màng: “Về đây khi mái tóc còn xanh xanh””. Và Phương Định hát khi có sự im lặng không bình thường, “tiếng máy bay trinh sát rè rè”, cô hát để cổ động viên hai người đồng đội Nho, Thao và cũng là hát để động viên chính bản thân mình. Chính những lúc mê hát ấy đã làm cô quên đi cái sự khắc nghiệt của chiến tranh, quên đi mùi khói bom đạn mà cô vẫn tiếp xúc hằng ngày, thể hiện một tâm hồn mơ mộng nhạy cảm.

- Mang theo tuổi trẻ của mình vào Trường Sơn, Phương Định còn mang theo cả những kỉ niệm đẹp về góc phố Hà Nội của mình, đó là hình ảnh người mẹ, cái cửa sổ, tiếng rao của bà bán xôi có cái mùng đội trên đầu, kể cả những cú sút vô tội vạ của bọn trẻ con trong một góc phố. Con mưa đá đi nhanh cũng như lúc nó vừa đến, nhưng lại mang những dòng kí ức tuổi thơ về cho Phương Định, và tất cả như

xoáy mạnh trong tâm trí cô. Có lẽ chính những điều ấy đã tiếp thêm sức mạnh cho cô gái trong những ngày tháng ấy vì cô luôn nghĩ rằng, gia đình, bạn thân và cả những kỉ niệm kia luôn bên cô trong suốt những tháng ngày ở Trường Sơn.

4. Tâm hồn, tính cách của Phương Định hồn nhiên như thế, nhưng nổi bật lên trên tất cả vẫn là tinh thần dũng cảm, vượt lên trên hiểm nguy luôn ẩn chứa trong thân hình nhỏ bé của cô gái Hà Nội kia.

- Đó là những lúc mà bom của giặc Mỹ vẫn còn chưa nổ, và cô phải làm nhiệm vụ của mình, còn thân chết thì có vẻ vẫn đang “lẩn trong ruột những quả bom” chờ đợi cô.

=> Lúc khởi đầu công việc, Phương Định đã thể hiện một bản năng rất tự nhiên, đó là cô cảm thấy hơi sợ. Phá bom là đối mặt với cái chết, ai mà chẳng sợ. Phương Định cũng thế. Nhưng đằng sau tâm trạng đó cô lại có một niềm tin và cô được kích thích bởi lòng tự trọng vì cô biết rằng sau lưng mình có ánh mắt của đồng đội đang dõi theo: "Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy các ánh mắt chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa tôi không đi khom". Một Phương Định bản lĩnh, hiên ngang đáng khâm phục.

=> Khi bắt tay vào công việc, với từng thao tác thành thạo chuẩn mực của mình cô dùng xẻng đào đất, cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi, quả đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình. Tất cả việc làm này chứng tỏ việc phá bom đối với Phương Định đã trở thành công việc thường ngày. Cô rất bình tĩnh, chủ động đầy khí phách. Và trong những lúc phá bom như vậy, ta cũng thấy thấp thoáng cái sự nhạy cảm, tinh tế trong cảm xúc của cô, “một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! ! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành.”, phải là một người bình tĩnh mới có được những cảm nhận chân thực, chi tiết đến như vậy.

=> Trong khi chờ đợi kết quả việc phá bom, cô có nghĩ đến cái chết nhưng lại là “một cái chết mờ nhạt, không cụ thể”, mà cô quan tâm nhất là liệu bom có nổ hay không, không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai, cô luôn đặt nhiệm vụ của mình lên hàng đầu. Chính những lúc đó, ta mới thấy được cái sự dũng cảm của cô gái. Phương Định đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao rất đáng quý, cô sẵn sàng hi sinh vì nhiệm vụ.

4. Và trong cái sự dũng cảm ấy, ta vẫn thấy Phương Định luôn thường trực một tình cảm đồng chí đồng đội nồng ấm và chân thành.

- Đó là tấm lòng vị tha với mọi người mà cô quan tâm, cô lo lắng khi hai người đồng đội lên cao điểm chưa về. Cô tận tình, vỗ về chăm sóc Nho khi cô ấy bị thương lúc phá bom.

- Ngược lại, chính tình cảm đồng chí đồng đội cũng đã làm cho Phương Định thêm tự tin, ấm lòng khi được sống giữa tình yêu thương của mọi người. Hiểu được công việc của mình là gian khổ, nhưng Phương Định vẫn luôn ngưỡng mộ “những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ” bởi họ là những đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất.

- Những lúc phá bom, vẫn mang một chút lo sợ trong người, nhưng nhờ những cái nhìn của những người chiến sĩ, đã dập tan đi nỗi sợ trong cô và chỉ còn một mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ. Chính tình đồng đội đã tiếp thêm cho cô sức mạnh.

5. Nghệ thuật

- Trong truyện ngắn, nhân vật kể chuyện cũng là nhân vật chính, điều đó giúp cho tác phẩm càng trở nên chân thực, những cảm xúc, thế giới nội tâm của nhân vật đều được thể hiện tự nhiên rõ nét, vẽ lên một khoảng trời mộng mơ ngay giữa Trường Sơn mênh mông và ác liệt.

- Cách lựa chọn người kể chuyện là một cô gái trẻ đem đến cho truyện một giọng kể khá đặc biệt vừa giàu nữ tính, mềm mại, nhẹ nhàng nhưng cũng đầy kiêu hãnh như chính tính cách của Phương Định.

III. Kết bài

- Mang trong mình những phẩm chất cao đẹp, Phương Định xứng đáng là biểu tượng của những cô gái thanh niên thời chống Mỹ, là hình tượng người con gái Việt Nam trong thời gian chiến đấu, là đại diện của thế hệ trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ. Cũng giống như tựa đề “Những ngôi sao xa xôi”,

những con người được ví như vì sao lấp lánh giữa bầu trời đêm, mang trong mình những phẩm chất đáng quý, “xa xôi” là bởi vì phải ngắm nhìn thật kỹ thì mới có thể thấy được những tâm hồn cao đẹp ấy.

Nghị luận về một hiện tượng đời sống:

I.Đề tài: *Những hiện tượng tốt hoặc chưa tốt đang diễn ra trong mỗi con người và đời sống xã hội* cần được nhìn nhận thêm :

- Hiện tượng tốt :

- + Hiến máu nhân đạo, ủng hộ nạn nhân nhiễm chất độc màu da cam, ủng hộ đồng bào lũ lụt...
- + Phong trào mùa hè xanh, Quỹ thắp sáng ước mơ...
- + Mái ấm tình thương, ngôi nhà tình nghĩa, ngôi nhà mơ ước....

- Hiện tượng xấu:

- + Ô nhiễm môi trường, tai nạn giao thông...
- + Bệnh thành tích; sự vô cảm....
- + Bệnh quay cóp trong thi cử...
- + Tình trạng bạo lực học đường, nghiện game...

II.Về cấu trúc triển khai bài làm:

@Mở bài :

- Nêu rõ hiện tượng cần nghị luận.
- Chỉ ra bản chất của hiện tượng đó.

@/ Thân bài :

- 1/ Khái niệm và bản chất, thực trạng của hiện tượng. (Giải thích, nêu biểu hiện)
- 2/ Nêu thực trạng và nguyên nhân (khách quan – chủ quan) của hiện tượng.(Pt,c/ minh)
- 3/ Nêu tác dụng –ý nghĩa (*nếu là hiện tượng tốt*); tác hại- hậu quả (*nếu là hiện tượng xấu*)
- 4/Giai pháp phát huy (*nếu là hiện tượng tốt*); biện pháp khắc phục (*nếu hiện tượng xấu*)

@/ Kết bài:

- Bày tỏ thái độ ý kiến về hiện tượng xã hội vừa nghị luận

Đề 1: Bày tỏ suy nghĩ về tình trạng môi trường hiện nay.

a. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu hiện tượng đời sống được nêu trong đề bài.

b. Thân bài

- Giải thích nhỏ: Môi trường là gì?

- Tầm quan trọng của môi trường đối với đời sống con người.

+ Tạo sự sống cho con người và muôn vật.

+ Che chắn cho con người khỏi những nguy hại từ thời tiết.

+ Cung cấp nhiều tài nguyên quý giá cho con người

- Thực trạng môi trường hiện nay:

+ Môi trường đang bị ô nhiễm trầm trọng do các hoạt động thiếu ý thức của con người.

+ Nạn thải chất thải từ nhà máy, khu công nghiệp ra sông,

+ Nạn tàn phá rừng bừa bãi....

- Nguy cơ có thể xảy ra do biến đổi về môi trường:

+ Không khí bị ô nhiễm, nguy hại đến sự sống.

+ Thiên tai nghiêm trọng

+ Đất đai bị sa mạc hóa, không thể canh tác, sinh sống được.

+ Nguồn tài nguyên không còn. Động, thực vật quý hiếm bị tuyệt chủng, thiếu nước sạch, cạn kiệt

mạch nước ngầm.

+ Thiếu lương thực, đói nghèo, bệnh tật.

+ Đói nghèo làm hủy hoại nhân cách, đạo đức con người.

+ Chiến tranh giành nguồn nước, lương thực lan tràn, nhân loại bị diệt vong.

- Biện pháp khắc phục

+ Đối với các cấp lãnh đạo: Phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, các ban ngành và nhân dân. Tuyên truyền, vận động cấp kinh phí đúng mức cho kế hoạch bảo vệ môi trường. Xử lý thật nặng những kẻ phá hoại môi trường. Có chế độ đãi ngộ, khen thưởng đúng mức cho những người có công bảo vệ môi trường.

+ Đối với bản thân: Mạnh dạn tố cáo những kẻ phá hoại môi trường. Tích cực trồng rừng và kêu gọi mọi người cùng trồng rừng.

c. Kết bài

Đề 2: Báo tuổi trẻ ngày 12 – 7 – 2004 đưa tin: “Theo Ban Chỉ đạo tuyển sinh đại học năm 2004, sau hai đợt thi đã có 2637 thí sinh bị đình chỉ thi, chủ yếu do mang và sử dụng tài liệu trong phòng thi. Hình thức mang tài liệu, phao thi ngày càng tinh vi, chúng được giấu trong thước kẻ, điện thoại di động, trong đế giày”. Em suy nghĩ như thế nào về sự việc trên đó?

Lập dàn ý (gợi ý)

* Mở bài: Nêu hiện tượng, trích dẫn đề, nhận định chung.

* Thân bài:

- Phân tích hiện tượng.

+ Hiện tượng vi phạm trên chứng tỏ một bộ phận thí sinh chưa có thái độ học tập, thi cử đúng đắn, năng lực chưa vững vàng, thiếu tự tin.

+ Hành động gian lận.

+ Hiện tượng phạm pháp có ý thức.

+ Chứng tỏ các giám thị đã có thái độ nghiêm khắc rất cần thiết.

- Bình luận hiện tượng:

+ Đánh giá chung về hiện tượng: Số thí sinh vi phạm kia rất đáng phê phán (Thái độ học tập, thái độ gian lận, cố tình vi phạm).

+ Không nên vì một số ít có thái độ sai phạm mà “vơ đũa cả nắm”, đánh giá sai toàn bộ thí sinh.

+ Biểu dương tinh thần làm việc có trách nhiệm của các giám thị.

* Kết bài: Kêu gọi học sinh có thái độ đúng đắn trong thi cử, đảm bảo chất lượng của các kỳ thi tuyển sinh

Đề 3: TRANG PHỤC VÀ VĂN HOÁ

1. MB: - Việt Nam là đn có truyền thống văn hóa và phong tục tập quán đậm đà bản sắc dân tộc

-> Cách phục trang cũng là một nét văn hóa

- Từ xưa, nhân dân ta chú trọng tới sự tiện lợi, giản dị, lịch sự,...

- Nhưng gần đây, một số bạn lại đua đòi theo lối ăn mặc ko lành mạnh, ko phù hợp với lứa tuổi, với truyền thống văn hóa của dân tộc và hoàn cảnh gđ

2, TB:

* Thực trạng

- Đối với hs, phù hợp nhất vẫn là bộ đồng phục giản dị, gọn gàng, lịch thiệp, xóa đi cái ranh giới giàu - nghèo mỗi lần đến trường

- Hiện nay các bạn đến trường trong những biến tấu của đồng phục không thể chấp nhận nổi: Quần bó sát, lưng xệ xuống dưới rốn, áo ngắn cũn cỡn ... Thậm chí có bạn còn mặc áo phông quần zjn đắt tiền tới trường. Thậm chí để khiến mình nổi bật, các bạn đã chấp nhận mang những chiếc quần mài bạc

phéch, có khi gấu thì tua rua

- Hiện tượng các bạn nam có xu hướng ăn mặc nữ tính hóa cũng ko còn quá xa lạ trong hs chúng ta
* Nguyên nhân: tâm lí thích đua đòi, muốn khẳng định mình của lứa tuổi học sinh, lầm tưởng ăn mặc như vậy mới sành điệu, hiện đại, văn minh.

- Gần đây, các bạn đổ xô theo xu hướng thời trang hip hop và ko biết rằng tầm vóc của người VN đã vốn ko phù hợp với thứ quần áo, phụ kiện rườm rà

* Tác hại

+ gây tốn nhiều tiền của

+ mất thời gian->lơ là chệnh mảng trong việc học tập

+ người chạy theo một dễ chán nản nếu ko đủ đk về kinh tế. Dẫn đến mắc nợ nần, nô lệ về tiền bạc.

+ người chạy theo một dễ coi thường người khác, chê người ta là lạc hậu, quê mùa và vô tình trở nên hợm hĩnh

- Các bạn cho rằng khoác lên mình những thứ quần áo thật nổi bật, thật khác người là khẳng định các tính mà ko biết mình thực sự trở nên lập dị, kì quái dưới con mắt mọi người, có khi còn trở thành trò cười cho thiên hạ. Nếu hờ hênh lúc ngồi, lúc vờ tay cao để làm việc gì thì...hở lưng..

- “Y phục xứng kỳ đức”, “Nhìn trang phục, biết tư cách”, pháp luật không can thiệp vào cách ăn mặc của mỗi người nhưng bản thân của mỗi người sẽ tự hạ thấp chính mình khi ăn mặc đến mức thô thiển, phản cảm, không còn đâu là tính thẩm mỹ. Cách ăn mặc quá lố như vậy sẽ làm cho người khác giới dẫu đứng đắn, dẫu trong sáng vẫn có thể có những suy nghĩ không lành mạnh.

* Giải pháp

- Các bạn nên biết rằng: việc ăn mặc cần phù hợp với thời đại nhưng cũng phải phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc, với lứa tuổi, hoàn cảnh sống

- Luôn lấy truyền thống văn hóa dân tộc làm chuẩn mực cho sự sáng tạo và quan điểm thẩm mỹ

- Ăn mặc là một yếu tố đánh giá tính cách và phẩm chất của con người

- Việc ăn mặc theo một chỉ làm mất thời gian, ảnh hưởng xấu đến học tập, có khi nói dối cha mẹ bớt xén tiền học.

--> thay đổi trang phục cho đứng đắn, lành mạnh.

3. KB: - Cách ăn mặc của mỗi người có ý nghĩa rất quan trọng

- Biểu hiện tính cách, quan điểm thẩm mỹ, trình độ văn hóa, nghề nghiệp

- Thể hiện sự tôn trọng với n' khác mà còn tôn trọng chính bản thân mình

ĐỀ 4: LƠ LÀ HỌC TẬP

1. Thực trạng hiện nay

Có nhiều bạn không xác định được mục đích thực sự của việc học. Nhiều bạn đi học chỉ để ba mẹ vui lòng, nhiều bạn thì coi việc học như một lẽ tự nhiên đến tuổi thì phải đi học, nhiều bạn lại học gạo học chay cúp tiết. Thậm chí nhiều anh chị là SV rồi vẫn không coi việc học là quan trọng chỉ học đối phó để có bằng. Đặc biệt là hiện nay, tệ nạn học đường xảy ra ngày càng nhiều. Nhiều bạn học sinh đốt cháy thời gian bỏ mặc mơ ước để chơi game. Việc mua bằng bán cấp diễn ra một cách tràn lan....

2. Nguyên nhân :

- Khách quan : các trò chơi điện tử, những văn hóa phẩm ko tốt, hay lúc nào cũng gắn với cái máy tính đã tiêu tốn rất nhiều thời gian cho việc học. Có thể là do áp lực học quá lớn và ko thể thực hiện nó đc, bạn buông xuôi cảm thấy chán nản mệt mỏi. Bạn bè rủ rê lôi kéo...

Hoặc do gia đình vất vả bạn vừa đi học vừa phải phụ giúp ba mẹ đi làm nên bạn ko có thời gian để học. Từ nhỏ có nhiều bạn sống trong gia đình giàu, khá giả nên mọi thứ đều đầy đủ, bạn sinh ra lười biếng. Bố mẹ lại hay đi làm suốt nên ko ai nhắc nhở bạn về việc học. Chính vì vậy đã gây nên 1 tật xấu lơ là đi việc học.

- Chủ quan: Cũng có thể do cuất phát từ tâm lí lứa tuổi ham chơi hơn ham học. lại chưa hiểu hết ý

nghĩa của việc học tập là lo cho tương lai sau này.

3. Tác hại của việc lười học

- Hãy tưởng tượng nếu bạn lười học

+ Bạn sẽ khó lòng làm đc 1 bài dù là dễ nhất. Bạn sẽ phải đối mặt với những ánh mắt của bạn bè, thầy cô, bạn sẽ thấy mình chìm trong mặc cảm và xấu hổ

+ Bố mẹ bạn sẽ cảm thấy sao về con mình . Chẳng lẽ bạn muốn nhìn về u sầu đôi mắt thâm quầng vì phiền não của bômẹ bạn ư ? Bạn nhần tâm vậy sao ?

+ Bản thân bạn sẽ mất tự tin, mặc cảm với bản thân, chán học, bỏ học. Tương lai sau này sẽ ra sao nếu bạn không có những kiến thức cơ bản để tạo dựng cho mình một nền tảng, một công việc nuôi sống bản thân mình, trở thành gánh nặng của gia đình và xã hội?

+ Rộng hơn nữa là nếu tất cả lười học thì cả xã hội không phát triển, đi lùi về quá khứ

4. Giải pháp

-Hãy đứng dậy , hỡi người hùng dũng cảm của hôm nay vứt bỏ quá khứ và làm lại. Bạn sẽ làm đc nếu bạn cố gắng thật sự cố gắng. Bạn đừng lo là mình ko tiến bộ ngay, bạn sẽ được mọi người yêu quý bởi bạn có cố gắng . Người ta ko nhìn vào thành tích mà phải xem về mặt quyết tâm cố gắng của bạn .

- Bạn có mọi người , bạn có tất cả và bạn có thể chiếm lĩnh thế giới nếu như bạn học hành thật chăm chỉ. Và quan trọng nhất là tương lai sau này của bạn sẽ do bạn tự xây dựng lên.

- Về gia đình, nhà trường, xã hội không nên xa lánh, chê bai, dè bieu... mà phải thường xuyên gần gũi, động viên, quan tâm nhắc nhở...

@/ ĐỀ 5

Suy nghĩ của em về bệnh vô cảm trong đời sống xã hội hiện nay.

I/ Mở bài : Nêu vấn đề nghị luận.

- Xã hội đang dần tiến bộ theo từng giây , từng phút kéo theo sự bận rộn , hối hả của nhịp sống con người.

- Trong hoàn cảnh ấy, bên cạnh những người sống tốt, biết nghĩ đến người khác , vẫn còn có những kẻ vô cảm trước những buồn vui, đau khổ hay khó khăn... của cộng đồng.

→ Đó là một thực trạng mà mỗi người chúng ta cần suy nghĩ ...

II/ Thân bài :

1/ Bệnh vô cảm là gì? (giải thích)

- Là trạng thái cảm xúc và thái độ ý thức của một người hay một nhóm người được thể hiện ở : sự thờ ơ, dửng dưng , không biết quan tâm đến chính mình và người khác và những gì diễn ra xung quanh mình..

2/ Thực trạng và nguyên nhân của căn bệnh vô cảm (phân tích và chứng minh)

- Bệnh vô cảm có mặt và chung sống với con người từ rất lâu và đang càng ngày càng có sức lây lan rộng lớn trên quy mô toàn xã hội.

- Nó xuất hiện ở mọi lứa tuổi; mọi nơi (từ bản thân từng người đến gia đình , nhà trường, xã hội...) (d/c)

3/ Tác hại và hậu quả (Bình luận).

- Với cá nhân từng người : Bệnh vô cảm làm chai sạn trái tim của con người (không biết buồn , vui hạnh phúc hay đau khổ trước những thành công hay thất bại ... của bản thân).--> không còn lòng tự trọng.

- Với gia đình , xã hội : Nó làm suy thoái đạo đức của cá nhân hay một tập thể → đẩy đất nước đến sự tụt hậu.(Thậm chí, sự vô cảm còn dẫn đến chết người (d/c)...)

4/ Giải pháp khắc phục .

- Với mỗi người.

- Với gia đình

- Với nhà trường
- Với xã hội

III/ Kết bài :

- Tình thương là cái quý giá của con người.
- Bệnh vô cảm đã làm mất đi phẩm chất ấy.
- Chống lại bệnh vô cảm sẽ làm cho cuộc đời có ý nghĩa.

Nghi luận về một tư tưởng, đạo lí:

I. Đề tài:

- Về nhận thức (lí tưởng, mục đích học tập....)
- Về tâm hồn, tính cách (lòng yêu nước, lòng nhân ái, lòng vị tha, tính trung thực....)
- Về quan hệ gia đình (tình mẹ con, tình anh em....)
- Về quan hệ xã hội (tình đồng loại, tình thầy trò, tình bạn bè...)

II. Về cấu trúc triển khai bài làm :

@/ Mở bài :

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.
- Dẫn đề (nếu có)

@/ Thân bài :

- 1/ Giải thích tư khái niệm tư tưởng đạo lí cần nghị luận
- + Giải thích nghĩa đen – nghĩa bóng với những vấn đề nêu ra bằng các hình ảnh ẩn dụ
- + Giải thích khái niệm, biểu hiện đối với những vấn đề nêu ra trực tiếp
- 2/ Đánh giá vấn đề là đúng hay sai từ đó phân tích, chứng minh những mặt đúng, sai của vấn đề
- 3/ Mở rộng vấn đề:
- + Phê phán những tư tưởng hành động sai trái
- + Đề ra các hành động đúng
- + Nêu ý nghĩa của vấn đề đối với xã hội và bản thân

@/ Kết bài :

- Tóm lược vấn đề.
- Rút ra bài học về nhận thức, hành động cho bản thân.

@/ ĐỀ 1:

Các Mác đã từng nói: “Tình bạn chân chính là viên ngọc quý”. Viết đoạn văn nghị luận về tư tưởng trên

I/ Mở bài: Giới thiệu câu nói của Mác và việc giữ gìn tình bạn.

II/ Thân bài :

1/ Tình bạn là gì? Tại sao Mác lại nói : Tình bạn chân chính là viên ngọc quý?(giải thích)

- **Tình bạn** là sự kết thân hoàn toàn tự nguyện dựa trên sự hiểu biết về tính tình, sở thích, sự đồng cảm ...của nhau trong quá trình học tập, công tác, sinh hoạt vui chơi...không phân biệt tuổi tác, giới tính, địa vị xã hội...(d/c)
- **Tình bạn chân chính là viên ngọc quý** bởi có lúc nó mang dáng hình của những viên ngọc giản dị với màu sắc thanh đậm. Nó trong sáng và thánh thiện không nhuộm màu vụ lợi...

2/ Vai trò và ý nghĩa của tình bạn (phân tích, chứng minh, bình luận)

- Tình bạn đẹp sẽ tô điểm cho cuộc đời. Nó tồn tại giữa cuộc đời như một nguồn sống, một chỗ dựa , một động lực tinh thần cho con người.

- Tình bạn đem đến một tiếng nói tri âm của lòng mình với một chỗ dựa thân tình vững chắc, như một bàn tay giúp đỡ chia sẻ trong cuộc sống. “ Tình bạn chân chính làm niềm vui tăng lên gấp đôi và nỗi buồn khổ giảm đi một nửa” (Ba Con).
- Cuộc sống sẽ có ý nghĩa biết bao khi có một người bạn hiểu mình, sẽ chia niềm vui và nỗi buồn cùng mình trong nhịp sống hối hả...
- Trong thực tế, có không ít người nghĩ rằng sẽ không cần đến tình bạn; rằng sẽ luôn tự vượt qua khó khăn gian khổ một mình...nhưng cũng có lúc học thấy cô đơn, lẻ loi khi không có một người bạn tốt.

3/Điều kiện để giữ được một tình bạn tốt:

- Phải chân thành...
- Thăng thấn ...
- Biết tha thứ...
- Biết vượt qua lòng tự ái và tôn trọng lẫn nhau.

III/ Kết bài : Tình bạn là vô cùng quý giá. Mỗi người cần dùng tấm lòng để giữ gìn và bảo vệ nó...

ĐỀ 2: Về chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, ông Vũ Khoan viết:

“*Sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất.*” (Sách Ngữ văn lớp 9, tập hai-NXB Giáo dục, 2006, tr.27)

Viết một đoạn văn ngắn trình bày ý kiến của em về vấn đề trên.

Gợi ý:

I, Mở đoạn

Giới thiệu xuất xứ: câu nói trích trong bài báo “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” của Vũ Khoan. Đối tượng đối thoại của tác giả là lớp trẻ Việt Nam, chủ nhân của đất nước ta trong thế kỉ XXI.

II. Phát triển đoạn

a/ Giải thích

- Sự chuẩn bị bản thân con người (hành trang vào thế kỉ mới) ở đây được dùng với nghĩa là hành trang tinh thần như tri thức, kĩ năng, nhân cách, thói quen lối sống... để đi vào một thế kỉ mới

b. Tại sao bước vào thế kỉ mới, hành trang quan trọng nhất là sự chuẩn bị bản thân con người?

- Vì con người là động lực phát triển của lịch sử.

- Vai trò con người càng nổi trội trong thế kỉ XXI, khi nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ, sự hội nhập kinh tế, văn hoá toàn cầu diễn ra là cơ hội, thách thức sự khẳng định mỗi cá nhân, dân tộc.

c. Làm gì cho việc chuẩn bị bản thân con người trong thế kỉ mới:

- Tích cực học tập tiếp thu tri thức.

- Rèn luyện đạo đức, lối sống đẹp, có nhân cách, kĩ năng sống chuẩn mực.

- Phát huy điểm mạnh, từ bỏ thói xấu, điểm yếu.

III. Kết đoạn: Thấy được trách nhiệm, bổn phận của cá nhân đối với việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.

ĐỀ: 3: "Một quyển sách tốt là một người bạn hiền"

I/ Mở đoạn: Sách là một phwong tiện quan trọng giúp ta rất nhiều trong quá trình học tập và rèn luyện, giúp ta giải đáp thắc mắc, giải trí...Do đó, có nhận định" Một quyển sách tốt là người bạn hiền

II/ Phát triển đoạn

1/ Giải thích Thế nào là sách tốt và tại sao ví sách tốt là người bạn hiền

+ Sách tốt là loại sách mở ra co ta chân trời mới, giúp ta mở mang kiến thức về nhiều mặt: cuộc sống, con người, trong nước, thế giới, đời xưa, đời nay, thậm chí cả những dự định tương lai, khoa học viễn tưởng.

+ Bạn hiền đó là người bạn có thể giúp ta chia sẻ những nỗi niềm trong cuộc sống, giúp ta vươn lên trong học tập, cuộc sống. Do tác dụng tốt đẹp như nhau mà có nhận định ví von "Một quyển sách tốt là một người bạn hiền".

2/ Đánh giá: Đây là một tư tưởng hoàn toàn đúng

+ Sách tốt là người bạn hiền kể cho ta bao điều thương, bao kiếp người điêu linh đói khổ mà vẫn giữ trọn vẹn nghĩa tình:

- Ví dụ để hiểu được số phận người nông dân trước cách mạng không gì bằng đọc tác phẩm tắt đèn của Ngô Tất Tố, Lão Hạc của Nam Cao.

- Sách cho ta hiểu và cảm thông với bao kiếp người, với những mảnh đời ở những nơi xa xôi, giúp ta vươn tới chân trời của ước mơ, ước mơ một xã hội tốt đẹp.

+ Sách giúp ta chia sẻ, an ủi những lúc buồn chán: Truyện cổ tích, thần thoại,...

3/ Bàn bạc, mở rộng vấn đề

- Trong xã hội có sách tốt và sách xấu, bạn tốt và bạn xấu. Cần biết phân biệt, lựa chọn sách và có phương pháp đọc sách hiệu quả.

- Quý trọng, giữ gìn, trân trọng sách và tác giả

III. Kết đoạn: Liên hệ với thực tế, bản thân:

Một số đề bài luyện tập:

1. Tháng 3, trường em tổ chức giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề “ *Quà dâng mẹ*”. Em hãy viết một đoạn văn diễn dịch khoảng 10 – 12 câu, trong đó có phép thế, phát biểu suy nghĩ của mình về buổi hoạt động ngoài giờ lên lớp đầy ấn tượng ấy.

2. Tháng 11, trường em tổ chức giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề “ *Tôn sư trọng đạo*”. Em hãy viết một đoạn văn quy nạp khoảng 10 – 12 câu, trong đó có sử dụng phép lặp từ ngữ, phát biểu suy nghĩ của mình về buổi hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đầy ấn tượng ấy với em.

3. Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 câu) bàn về “ *văn hoá hội họp*” hiện nay theo phép tổng phân hợp, có sử dụng ít nhất hai phép liên kết.

4. Bạn em say mê học toán nhưng chưa thích học văn. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) góp ý kiến với bạn để giúp bạn học tập toàn diện hơn.

5. Một số bạn em có phần lơ là học tập. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 câu) để thuyết phục các bạn ấy tin rằng đúng như người xưa từng nhắc nhở: *nếu còn trẻ mà không chịu học hành thì khi lớn lên sẽ chẳng thể làm việc gì có ích.*

6. Một hiện tượng khá phổ biến hiện nay là vứt rác ra đường hoặc những nơi công cộng. Em hãy đặt một nhan đề cho hiện tượng ấy và viết một đoạn văn (khoảng 10-12 câu) nêu suy nghĩ của mình.

7. Lớp em tổ chức buổi trao đổi về đề tài: *Cái gì quý nhất?* Em hãy viết một đoạn văn (10-12 câu) bày tỏ ý kiến của mình trong cuộc trao đổi đó.

8. Viết một đoạn văn quy nạp từ 6-8 câu nói về mục đích học tập của người học sinh (có sử dụng phép liên kết).

9. Viết một đoạn văn từ 8 – 10 câu, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nội dung nó về nhiệm vụ của người học sinh phải bảo vệ môi trường sống của quê hương.

10. Viết một đoạn văn quy nạp từ 8- 10 câu, trong đó có dùng phép liên tưởng để liên kết câu, nội dung nói về phát triển dân số của nước ta và thế giới.

11. Viết đoạn văn suy nghĩ về vấn đề: Bảo vệ biển đảo quê hương.